



BẠCH LIÊN

LUÂN HỒI

Nhóm hội viên Thông Thiên Học hải ngoại
hiệu đính và xuất bản tại Hoa Kỳ.

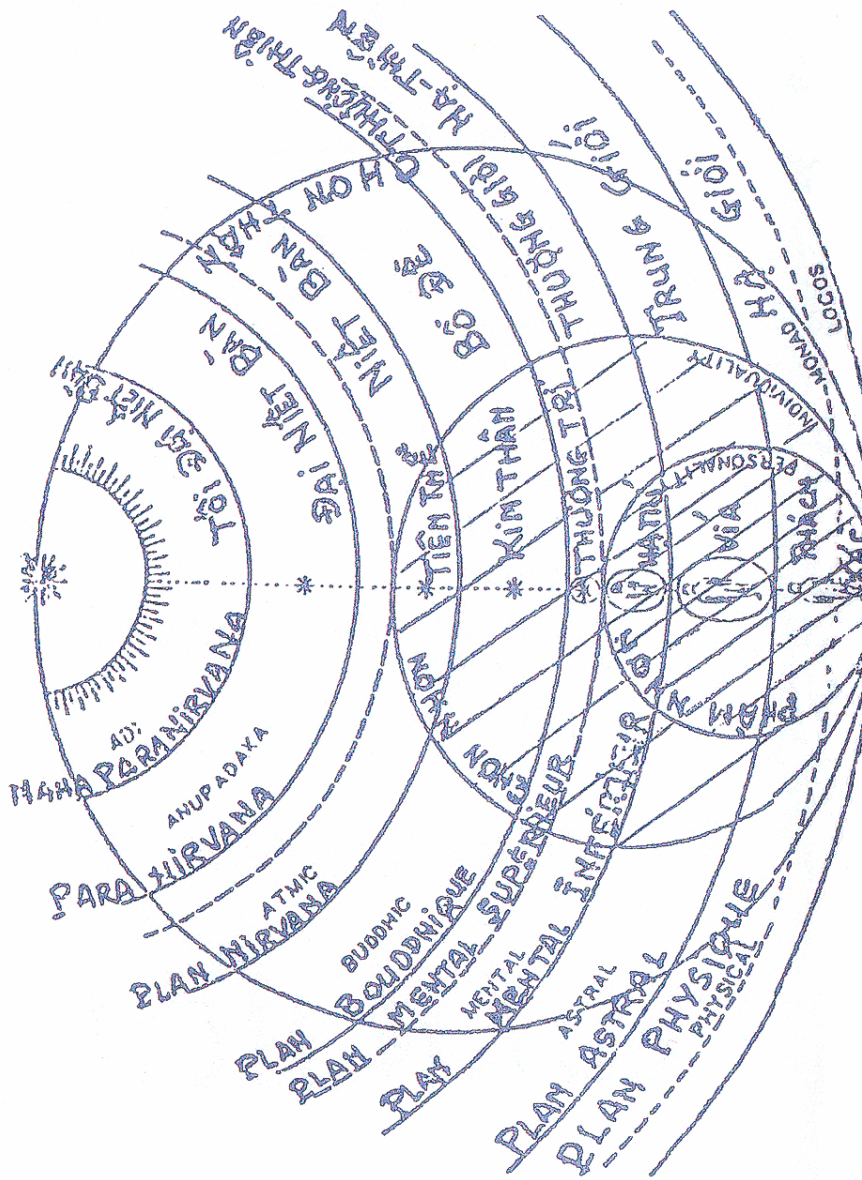
KROTONA

2006

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
.....	1
LUÂN HỒI	2
CHƯƠNG THỨ NHỨT.....	2
NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ LUÂN HỒI.....	2
ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ ĐẬU THAI	5
CÁI PHÁCH CỦA ĐỨA NHỎ.....	5
CHƠN NHƠN VÀ PHÀM NHƠN	9
CHƯƠNG THỨ NHÌ.....	13
CHƯƠNG THỨ NHÌ.....	13
NHỮNG QUAN NIỆM VỀ KIẾP LUÂN HỒI.....	13
SINH LẠI NỮA.....	20
ĐẠO PHẬT	23
ĐẠO HỒI.....	27
ĐẠO NHO.....	30
CHƯƠNG THỨ BA	31
NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG.....	32
NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG BÊN ÂU MỸ	33
NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG ĐỜI NAY	38
NHỚ CHUYỆN KIẾP TRƯỚC.....	49
ĐẦU THAI LÀM CON HAI LẦN.....	67
SÁT PHU QUẢ BÁO	70
NHỮNG NGÔI TINH TỬ.....	74
DÂY TRÁI ĐẤT HIỆN THỜI.....	80
NHỮNG LOÀI TRÊN THẾ GIAN	82
KHI ĐẦU THAI LÀM NGƯỜI	86
HẾT CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY DÂY TRÁI ĐẤT NÀY RA SAO ?.....	87
BẢY LOÀI TRÊN THẾ GIAN HỒI TRƯỚC Ở ĐÂU? ..	88
NHỮNG LOÀI Ở DÂY HÀNH TINH THỨ NĂM	89
SỰ PHÁN XÉT CUỐI CÙNG	90

DÂN SỐ TRÊN DÃY TRÁI ĐẤT NÀY ĐƯỢC BAO NHIÊU ?	91
HẾT CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI THÀNH TIÊN THÁNH ?	92
CÓ THỂ THÀNH TIÊN THÁNH TRƯỚC CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY	93
HÃY CỨU VỚT NHỮNG NGƯỜI BỊ BỎ LẠI	94
NHỮNG GIỐNG DÂN TRÊN DÃY ĐỊA CẦU	95
GIỐNG DÂN THỨ NHỨT	96
GIỐNG DÂN THỨ NHÌ	96
GIỐNG DÂN THỨ BA	97
CÁCH SINH SẢN	97
GIÁC QUAN VÀ TIẾNG NÓI	98
SỰ VĂN MINH	99
GIỐNG DÂN THỨ TƯ	100
BẢY NHÁNH CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ	100
GIỐNG DÂN THỨ NĂM	103
GIỐNG DÂN THỨ SÁU VÀ THỨ BẢY	104
NỘI CẢNH TUẦN HOÀN	104
NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ SỰ SINH HOÁ VÀ SỰ LUÂN HỒI CÁC GIỐNG DÂN	105
NHỮNG HẠNG LINH HỒN ĐI ĐẦU THAI	106
TẠI SAO TỚI GIỐNG DÂN THỨ BA CÓ SỰ PHÂN CHIA NAM NỮ?	107
NHỮNG CUỘC TANG THƯƠNG	112
QUẦN TIÊN HỘI VÀ SỰ CAI TRỊ THẾ GIAN	117
THÀNH TIÊN RỒI ĐI ĐÂU ?	123
CHƯƠNG THỨ NĂM	130
TIỂU SỬ ĐỨC NGỌC ĐẾ	130
HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH	152
CHÂN THÀNH TRI ÂN	Error! Bookmark not defined.



LUÂN HỒI

CHƯƠNG THỨ NHỨT

NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ LUÂN HỒI

Ngày nào bài học dưới phàm trần chưa hết, quả báo đã gây ra đau xấu, tốt trả chưa sạch thì ngày đó con người phải vâng theo thiên ý trở xuống phàm trần đầu thai nữa.

– Con người còn mến cõi trần hay không?

– Có lẽ, bởi con người chưa trọn sáng trọn lành thì còn muốn trở xuống thế gian để tìm những sự thích ý, giúp con người mở các năng lực để tiến hóa mau.

Vì mấy lẽ trên đây nên người ta cũng gọi Trishna “Soif de vivre,” lòng tham sống, nguyên nhân của sự luân hồi.

Từ cõi thiên đàng mà xuống cõi trần thì không khác nào đang ở giữa đồng trống lúc đúng Ngọ mà chun vào hang sâu thăm thẳm, tối tăm, mù mịt.

Vui chi đó mà phải ham?

Nhưng xuống cõi trần bị giác quan gạt gẫm, ham mê mùi tục, không lo phản bốn huòn nguyên.

BA NGUYÊN ĐỘNG LỰC ĐỊNH SỐ MẠNG CON NGƯỜI

Một linh hồn thường, lúc đi đầu thai, chưa có quyền chọn lựa một xác thân, chỗ nó sinh ra, do ảnh hưởng của ba nguyên động lực này:

Một là: Luật tiến hoá.

Hai là: Luật quả báo.

Ba là: Dây oan trái của con người gây ra từ mấy kiếp trước.

Luật tiến hóa muốn cho con người sinh vào nơi nào có đủ điều kiện giúp con người mở mang những tánh tốt cần ích. Song luật này bị luật quả báo sửa đổi.

Nếu kiếp trước con người hành động nghịch với lòng trời thì tự nhiên kiếp này không được gặp những dịp may. Trái lại, con người làm phước nhiều, sẽ hưởng được những quả tốt đã gây ra, bởi vì con người gieo giống chi, gặt giống nấy.

Còn cái nguyên động lực thứ ba là dây oan trái, hoặc tình yêu thương, hoặc sự thù hận của con người gây ra với kẻ khác từ các kiếp trước, có thể sửa đổi hai cái kia. Bởi thế, trong một gia đình, cũng thời là con, mà đứa này được cha mẹ nâng niu, đứa kia bị cha mẹ ruồng bỏ, đứa thì tiện tặn, đứa thì xa xí, đứa thì hiếu thuận, đứa thì ngỗ nghịch.

Cha mẹ không thể chọn lựa một linh hồn nào đầu thai làm con mình, song ăn ở nhân từ đức hạnh thì thường sinh ra con hiền, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt.

SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA BA HỘT LƯU TÁNH NGUYÊN TỬ

Xin nhắc lại, sau khi thác, con người bỏ cõi trần, qua cõi trung giới, rồi về cõi thiên đàng.¹

Trong lúc ở cõi vô hình hay là cõi thượng thiên thì 3 hột lưu tánh nguyên tử của thể xác, thể vía, thể trí xỏ xâu với nhau ở trong thượng trí nằm im lìm.

Khi linh hồn đi đầu thai, 3 hột lưu tánh nguyên tử bắt đầu hoạt động lại như trước.

Hộtlưu tánh nguyên tử của thể trí và thể vía rung động và rút những chất thượng thanh khí và thanh khí hợp với chúng nó để làm thể trí và thể vía của đứa nhỏ. Còn hộtlưu tánh của xác thịt thì chờ dịp nhập vô mình người mẹ để làm cho đậu thai.

¹ Xin xem quyển "Cái Trí," chỗ ba hộtlưu tánh nguyên tử.

ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ ĐẬU THAI

Nhân quả của cha mẹ và của linh hồn đi đầu thai hoàn toàn quyết định về hình hài, đời sống tinh thần, vật chất mà linh hồn đầu thai phải gánh chịu; và không có sự lựa chọn nào cả. Như thế luật nhân quả mới giữ được tính chất công bằng.

CÁI PHÁCH CỦA ĐỨA NHỎ

Khi linh hồn đi đầu thai, Tứ Đại Thiên Vương (Les 4 Dévarajahs) do theo quả báo của con người phải trả kiếp này mà sinh ra một hình tư tượng (un élémental) xin gọi là con tinh chất. Con tinh chất này lãnh trách nhiệm làm cái phách, tức là khuôn khổ xác thịt của đứa nhỏ.

Thân hình lớn, nhỏ và màu sắc của con tinh chất này biến đổi tùy theo trường hợp. Ban đầu nó ở chung quanh người mẹ đứa nhỏ, rồi sau vô trong bụng. Những người có thần nhãn mà chưa lão luyện thấy nó thì lầm là hồn của đứa nhỏ. Trừ ra những trường hợp đặc biệt, con tinh chất phải làm một thân thể đẹp đẽ, hay xấu xa hết sức, thì mặt mày của đứa nhỏ chịu ảnh hưởng tư tượng và ý muốn của người mẹ, cùng là hoàn cảnh.

Thường thường, con tinh chất này ở với đứa nhỏ tới khi nó 7 tuổi mới tan mất, rồi linh hồn nhập vô xác

thịt. Có khi nó lia đũa nhỏ sớm hơn để cho linh hồn sẵn sóc. Điều đó tùy theo sự tiến hóa của con người.

ẢNH HƯỞNG TƯ TƯỞNG CỦA NGƯỜI MẸ ĐỐI VỚI THỂ PHÁCH ĐÚA NHỎ

Muốn làm thể phách của đũa nhỏ thì con tinh chất của Tứ Đại Thiên Vương phải lấy chất tinh khí (matière éthérique) trong thể phách của người mẹ.

Muốn cho thể phách được tinh khiết thì phải chọn lựa đồ ăn và nhưt là tư tưởng, xin nhắc lại: Mỗi lần ta tư tưởng đến việc thanh cao, tốt đẹp thì chất khí xấu ở trong thể trí và thể vía của ta bay ra, chất khí tốt ở ngoài bay vào thể. Trái lại, nếu ta tưởng chuyện quấy quá, thấp hèn thì chất khí tốt ở trong thể trí và thể vía ta bay ra nhường chỗ cho chất khí xấu ở ngoài vô.

THỂ VÍA VÀ THỂ TRÍ ĐÚA NHỎ

Đũa nhỏ không có thể vía và thể trí như người lớn. Nó chỉ có chất khí để làm thể vía và thể trí mà thôi. Những chất này giống với những chất khí đã làm thể vía và thể trí của con người kiếp trước lúc lia cõi trung giới và lên cõi thiên đàng.

Vì vậy đũa nhỏ không nhớ chuyện kiếp trước, trừ ra vài trường hợp đặc biệt, hoặc đi đâu thai liên, hoặc trong vài năm sau khi chết.

Trong thế vía và thế trí của đũa nhỏ có đủ những mầm tốt và những mầm xấu của những tánh tình kiếp trước, nhưng kiếp này đũa nhỏ không bị buộc phải có đủ những tánh tốt và những tánh xấu đó. Trong mấy năm đầu, nếu đũa nhỏ gặp hoàn cảnh tốt, cha mẹ biết dạy dỗ thì những mầm tốt sẽ nảy nở lớn, những mầm xấu sẽ héo mòn rồi tiêu mất. Đũa nhỏ lớn lên sẽ thành người lương thiện hữu ích cho đời.

Trái lại, nếu đũa nhỏ gặp hoàn cảnh xấu xa, cha mẹ không biết săn sóc tới thì những mầm tánh xấu phát triển lẹ làng, đè ép những mầm tốt, đũa nhỏ lớn lên sẽ làm nhiều tội lỗi, phá hại đời và những lời nghiêm huấn khó ăn sâu vào trí não nó.

Vì những lẽ trên đây, trong Tam Tự Kinh mới có các câu “Nhân chi sơ tánh bản thiện; tánh tương cận, tập tương viễn. Cầu bất giáo, tánh nãi thiên, giáo chi đạo, quý dĩ chuyên.” Và bà Mạnh mẫu mới chọn xóm 3 lần cho con ở.

Khoa đức dục bao giờ cũng cần ích cho đời sống của con người. Có trí dục mà không có đức dục thì chưa nên người hoàn toàn.

NGÔI SAO BỐN MẠNG

Ngày giờ và chỗ sinh đẻ của con người đều do quả báo của tánh nết con người kiếp trước định sẵn, chớ không phải việc tình cờ. Con người phải sinh ra

ngày giờ nào mà ngôi sao làm chủ ngày giờ đó hợp với tánh nết con người. Người ta gọi ngôi sao đó là ngôi sao bốn mạng. Vì vậy, các nhà chiêm tinh học giỏi, có kinh nghiệm nhiều, sau khi xem ngày giờ và chỗ sinh đẻ của người nào thì biết được tánh nết, tình cảm và đời sống người đó sung sướng hay cực khổ, và phỏng định được lúc nào hưởng hạnh phúc hay mắc tai họa. Tôi nói phỏng định, vì những người nào ý chí cứng cỏi, biết luật trời và những người bố thí vì thương đời, đều nhờ tư tưởng tốt mà sửa đổi số phần.

Truyện Tàu nói Địch Thanh là sao Võ Khúc đầu thai xuống phàm. Tin theo nghĩa từ chữ là tin dị đoan, vì ngôi sao không đầu thai làm người được. Câu đó có nghĩa: Địch Thanh sinh ra nhằm lúc sao Võ Khúc làm chủ. Võ Khúc là ngôi sao bốn mạng của Địch Thanh, chớ không phải sao Võ Khúc xuống phàm nhập vô xác Địch Thanh.

Còn những câu chuyện yểm sao, câu sao bỏ vô lu hay là thâu vô hộp đậy lại là những chuyện hoang đường không căn cứ vào đâu. Trái lại, câu chuyện sao sa là một mảnh thiên thể đi ngang qua trái đất, có khi rớt xuống đất, có khi đi mất trong không gian. Thật ra không có ngôi sao nào rơi cả.

Trong chiêm tinh học có những từ ngữ sau này: en exaltation: lên cao tột điểm, và chute: sa xuống. Thí dụ câu: Le Bélier est le signe où le soleil se trouve en exaltation et il est en chute dans la Balance. Nghĩa là

khi mặt trời đi tới cung Bạch Dương thì lên cao tột điểm, còn tới cung Thiên Xứng là xuống thấp cực điểm. Theo Huỳnh Đạo (Zodiaque) thì cung Bạch Dương là mức cuối cùng cao hơn hết, còn cung Thiên Xứng là mức cuối cùng thấp hơn hết. Theo nghĩa từ chữ là như thế, song khi làm ra lá số thì exaltation và chute có nghĩa là sinh ra ảnh hưởng tốt hay xấu lắm tùy theo cái tánh của bầu hành tinh.

CHON NHON VÀ PHÀM NHON

Xin nhắc lại, khi con người ở thiên đàng bỏ thể trí để lên cõi vô hình thì phàm nhon đem tinh hoa những sự kinh nghiệm của mình giao cho linh hồn hay là Chon Nhon. Xong rồi thì phàm nhon tan mất, nghĩa là nó chỉ sống trong 3 cõi: hồng trần, trung giới và bốn cảnh thấp cõi thượng giới mà thôi. Khi linh hồn đi đâu thai lấy một thể trí khác thì sinh ra một phàm nhon mới khác.

Phàm nhon là một phần nhỏ của Chon Nhon, cũng như một mặt của hột xoàn. Những người có thần nhãn đều thấy nó. Có người thấy nó như một người nhỏ xíu màu vàng, tác bằng ngón tay út ở tại trái tim.

Có người thấy nó giống như ngôi sao chiếu sáng. Tùy theo giống dân và cung chi mỗi người, phàm nhon ở khác chỗ với nhau trong mình. Tùy theo

người, nó ở hoặc một trong 7 luân xa, hoặc ở tại yết hầu, hay ở tại plexus solaire (đơn điền). Thuộc giống dân phụ thứ năm của giống A-ri-den (Aryen) da trắng bây giờ thì phàm nhon ở gần cục hạch óc (corps pituitaire). Phàm nhon xuống hồng trần thường quên phức cha mình là Chon Nhon và bởi hay nghe theo ý muốn của thể vía và thể trí, cho nên nuôi những tánh nết xấu xa không hợp với Chon Nhon. Hầu hết thiên hạ, trừ phi những người có học đạo thì không ai biết mình là Chon Nhon, chỉ lầm mình là 3 thể thấp: thân, ý, trí và nói: “Tôi có linh hồn,” chớ đáng lẽ phải chú ý tới điều này: “Tôi là linh hồn, tôi có thể xác, vía, trí.” Chon Nhon và phàm nhon vẫn có dây liên lạc với nhau, trong đạo đức gọi là Ăn-ta-ca-ra-na (Antahkarana).

Nhưng đối với người thường, đường thông thường này nhỏ lắm. Vì vậy, muốn tiến mau, phải mở đường thông thương rộng lớn để Chon Nhon sai khiến phàm nhon.

Ngày nào phàm nhon hiệp một với Chon Nhon, nghĩa là không còn ý muốn ương ngạnh nữa, ngày đó con người sẽ được điếm đạo lần thứ nhứt và được đứng chung hàng với những vị siêu phàm nhập thánh. Chon Nhon ở cõi thượng thiên có cách tiến hóa riêng. Có khi phàm nhon có tánh ngộ nghịch và truy lạc quá lẽ, Chon Nhon bỏ phế phàm nhon không đoái hoài tới nữa. Nhưng nếu con người ăn năn chữa lỗi, trau dồi tánh nết và cầu xin Chon Nhon giúp đỡ, thì

con người còn hy vọng sửa đổi tương lai ra tốt đẹp. Lòng thành thật của con người có ảnh hưởng rất lớn cho đời sống tinh thần, nó cảm tới các đấng Thần Linh. Nó giống như mặt kiếng trong trẻo không chút bọt nhờn, ánh sáng chân lý rọi vô đó không phai màu.

TẠI SAO TA KHÔNG NHỚ NHỮNG KIẾP TRƯỚC?

Có người tự hỏi nếu có kiếp luân hồi sao ta không nhớ những chuyện kiếp trước?

Thật vậy, nhưng nếu suy nghĩ thì thấy không có chi là lạ. Ta nhờ thể trí ghi nhớ mọi việc, thể trí kiếp trước đã tan rã rồi, thì tự nhiên ta phải quên.

Nhưng những sự học hỏi, kinh nghiệm của ta thành những năng lực. Thí dụ: Kiếp trước ta giỏi toán học, kiếp này ta học hỏi môn đó một cách dễ dàng, và còn giỏi hơn kiếp trước. Như tôi đã nói, đứa nhỏ mới sinh ra không có thể trí. Nó có những chất khí để làm ra thể trí. Những chất khí này in như những chất khí làm thể trí kiếp trước. Nhưng, ngay từ khi còn bé đến lúc trưởng thành, đứa nhỏ đã bị những tập quán, những sự dạy dỗ của cha mẹ và những sự học hỏi của nó sửa đổi thể trí nó mãi. Hơn nữa, trong kiếp này những chuyện của mình làm hồi 11, 12 tuổi, bây giờ mình đã quên thì làm sao nhớ hết những chuyện cả ngàn năm trước được.

Đấng tạo hóa muốn cho ta quên những việc ta đã làm kiếp trước là điều rất tốt, hữu ích cho ta lắm. Con người vì còn vô minh, nên trong những việc làm dữ nhiều, lành ít. Con người bị quả báo trả lại, nếu nhớ tới những việc ác đã làm, sẽ ăn năn buồn tủi mãi. Ngày đêm nuôi những tư tưởng buồn bực, thâm sâu, đã hại cho mình, mà còn hại luôn nhiều kẻ khác nữa. Đó là một lẽ.

Còn một lẽ khác rất trọng hệ, nếu con người nhớ lại những kẻ hãm hại mình kiếp trước, sẽ nổi giận, tìm cách trả thù. Cái oan gia kéo dài mãi, từ kiếp này tới kiếp kia. Đây là nói về những người thường, trái lại, những người tu hành đắc đạo mở được huệ nhãn thì thấy và biết được các kiếp trước của mình. Những kiếp sống của con người đều liên lạc với nhau. Biết được kiếp sống mới rồi đâu thai ở đâu, có thể truy ra cả trăm kiếp trước nữa.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

NHỮNG QUAN NIỆM VỀ KIẾP LUÂN HỒI

Không phải mỗi người trên địa cầu này đều tin có kiếp luân hồi. Những dân tộc tin linh hồn bất diệt, và sau khi chết còn trở lại thế gian cũng có những quan niệm khác nhau.

Tôi xin kể đại khái như sau:

1. – Phái không tin có luân hồi, mà tin có tâm linh của đứa nhỏ sinh ra một lượt với nó.

Có một hạng người tin tâm linh của đứa nhỏ sinh ra một lượt với nó, bởi họ thấy đứa nhỏ càng ngày càng lớn thì tâm linh nó càng ngày càng mở mang. Người ta tin chắc cái óc sinh ra tâm linh, và chết rồi tâm linh cũng tan mất. Thuộc về hạng người này là các bác sĩ, các nhà khoa học, các nhà thông thái không tin có linh hồn. Những bằng chứng của phái thần linh học đem ra nói về linh hồn bất diệt không đủ sức cảm hóa các vị ấy được. Các vị ấy vẫn còn hoài nghi, tìm kiếm mãi, điều này tốt hơn là mê tín và tin dị đoan.

2. – Phái Thiên Chúa.

Phái Thiên Chúa Giáo tin: Lúc đứa nhỏ lọt lòng mẹ thì đức Chúa Trời sinh cho nó một linh hồn. Đứa

nhỏ này tùy theo sự hành động của nó ở trần, sau khi chết rồi thì linh hồn nó được về thiên đàng hưởng phúc đời đời hay phải sa địa ngục chịu hình phạt mãi mãi chớ không tin có luân hồi.

Đấng Christ có dạy sự luân hồi hay không? Tôi tưởng “có” nhưng Ngài không nói trắng ra. Những bằng chứng đó ở trong mấy câu này: “Bởi vì các nhà tiên tri và luật pháp có đoán trước tới Jean, và nếu các người muốn hiểu Jean thì Jean là Elie, đấng tiên tri phải đến.”

Car tous les prophètes et la loi ont prophétisé jusqu'à Jean. Et si vous voulez le comprendre, il est cet Elie qui devait venir.

(Saint Matthieu XI, 13-14)

3. – Jésus tới địa phận Césarée de Philippe mới hỏi môn đồ rằng: “Họ nói Thầy là ai? Thầy đây là con của người.” Các môn đồ trả lời: “Các người này thì nói Thầy là Jean Baptiste, các người kia thì nói Thầy là Elie, còn các người khác thì nói Thầy là Jérémie hay là một Đấng tiên tri nào đó.”

Jésus étant arrivé dans le territoire de Césarée de Philippe, demanda à ses disciples: “Qui dit on que je suis, moi, le Fils de l'homme.” Ils répondirent: “les uns disent que tu es Jean Baptiste, les autres Elie, les autres Jérémie ou l'un des prophètes.

(Saint Matthieu XVI, 13-14)

Các môn đồ mới hỏi Ngài câu này: “Tại sao các thầy thông giáo nói Elie phải tới trước?” Ngài bèn trả lời: “Quả thật Elie phải tới trước để sắp đặt lại mọi việc. Mà Thầy nói với các con, Elie đã tới rồi mà họ không biết, và họ đối đãi với Elie theo ý muốn của họ. Nữa đây, cũng vậy, con của con người sẽ chịu đau khổ vì họ... Các môn đồ hiểu rằng Ngài muốn nói về Jean Baptiste.”

Les disciples lui firent cette question: “Pourquoi donc les scribes disent ils qu’Elie doit venir premièrement”. Il répondit: “Il est vrai qu’Elie doit venir et rétablir toutes choses. Mais je vous dis qu’Elie est déjà venu, qu’ils ne l’ont pas reconnu et qu’ils l’ont traité comme ils l’ont voulu . . . De même, le Fils de l’homme souffrira de leur part; les disciples comprirent alors qu’il leur parlait de Jean Baptiste.”

(Saint Matthieu XVII, 10 – 13)

4. – Jésus thấy một người mù từ trong bụng mẹ đi ngang qua, các môn đồ mới hỏi Ngài câu này: “Thưa Thầy, ai làm tội lỗi, người đó hay là cha mẹ y, cho nên y sinh ra đã mang tật mù.”

Jésus vit en passant un homme aveugle de naissance. Ses disciples lui firent cette question: “Rabbi, qui a péché, cet homme ou ses parents pour qu’il soit né aveugle.”

(Saint Jean IX, I)

5. – Kẻ nào đắؑ thắng thì ta sẽ cho nó làm một cây trụ ở trong đền thờ đứؑ Chúa Trời của ta, và nó sẽ không có ra khỏi chốn đó nữa.

Celui qui vainera, je ferai de lui une colonne dans le temple de mon Dieu et il n'en sortira plus.

(Apocalypse III, 12)

Theo ý tôi thì:

a) Đắؑ Christ có dạy luân hồi.

Bằؑ chứng đó ở trong ba câu này:

1- Nếu các người muốn hiểu Jean thì Jean là Elie, đắؑ tiên tri phải đến đó.

(Saint Matthieu XI, 13 – 14)

2- Quả thật Elie phải tới trước để sắp đặؑ mọi việc. Mà Thầy nói với các con, Elie đã tới rồi mà họ không biết và họ đã đốí đấi với Elie như ý họ muốn... Các môn đồ hiểu rằng Ngài muốn nói về Jean Baptiste.

(Saint Matthieu XVII, 10 – 13)

3- Kẻ nào đắؑ thắng thì ta sẽ cho nó làm một cây trụ ở trong đền thờ đứؑ Chúa Trời của ta và nó sẽ không có ra khỏi chốn đó nữa.

(Apocalypse III, 12)

Trong hai câu đầu rõ ràng Ngài nói Elie đâu thai lại làm Jean Baptiste. Các môn đồ cũng hiểu ý Ngài muốn nói về Jean Baptiste vậy. Mấy chữ “tới trước” và “tới rồi” nghĩa là đâu thai lại. Elie chết đã lâu mà bây giờ Ngài phải tới trước và Ngài đã tới rồi, nếu không phải có nghĩa là Elie luân hồi lại, thì phải giải làm sao bây giờ. Còn câu thứ ba: kẻ nào đắc thắng thì không có ra khỏi đền thờ, có phải là không đi đâu thai nữa chăng?

b) Thuở đó thiên hạ đều tin có kiếp luân hồi.

Bởi thế, khi đức Jésus hỏi các môn đồ: “Họ nói Thầy là ai!” thì các môn đồ trả lời: “Các người này thì nói Thầy là Jean Baptiste, các người kia thì nói Thầy là Elie, và các người khác thì nói Thầy là Jérémie hay là Đấng tiên tri nào đó.”

Jean Baptiste mới bị xử trảm cách đó ít lâu, còn Elie, Jérémie và các Đấng tiên tri chết đã mấy đời rồi. Người nào nói Jésus là Jean Baptiste thì là tin rằng hồn Jean Baptiste mượn xác đức Jésus để dạy đạo. Còn mấy người kia thì tin rằng đức Elie, Jérémie hay là một vị tiên tri nào đời trước, bây giờ đâu thai lại làm Jésus.

Đức Jésus nghe các môn đồ trả lời như vậy cũng không quở. Phải chi đó là câu chuyện dị đoan phi lý, như điều của các thầy thông giáo đã làm thì Ngài đã sửa dạy đệ tử rồi.

c) Các vị môn đồ cũng tin có luân hồi quả báo.

Cũng như dân chúng, các vị môn đồ vẫn tin có luân hồi quả báo. Không vậy thì đâu có hỏi đức Jésus câu này: “Bạch Thầy ai làm tội? Người đó hay là cha mẹ người đó? Cho nên y sinh ra thì đã mang tội thật rồi.” – Người đó sinh ra đã mù thì y làm tội kiếp này sao được? Mà nói y làm tội hồi còn ở trong bào thai, thì càng vô lý; có chăng là y làm tội hồi kiếp trước, nên kiếp này mới lọt lòng thì đã mang tật rồi. Nhưng còn câu này nói rành hơn nữa. Chúa Jésus nói với Ni Cô Đem như vậy: “Thật vậy, ta nói với ngươi, nếu con người không sinh lại nữa thì không hề thấy cõi trời.” Ni Cô Đem thưa rằng: “Làm sao một người già rồi mà sinh lại được, có thể nào chun vô bụng mẹ rồi sinh ra lần thứ nhì.” Chúa Jésus đáp rằng: “Thật vậy, ta nói với ngươi, nếu con người không sinh bằng nước và tinh thần thì không khi nào về cõi trời được. Cái chi của xác thịt sinh ra thì là xác thịt, cái chi của tinh thần sinh ra thì là tinh thần. Ngươi nghe ta nói chớ lấy làm lạ. Các ngươi phải sinh lại nữa. Gió muốn thổi chỗ nào thì thổi, ngươi nghe tiếng gió mà không biết nó ở đâu đến và đi đâu. Người nào của tinh thần sinh ra cũng thế.”

Khi Chúa thấy Ni Cô Đem không hiểu chi hết, Chúa bèn phán rằng: “Ngươi là người giáo sĩ dân Ít-Ra-Ên mà ngươi không hiểu các việc đó sao?”

Nous lisons dans l'évangile de Jean: "Il y avait un homme d'entre les Pharisiens, nommé Nicodème, l'un des principaux Juifs. Cet homme vint de nuit le trouver et lui dit: "Maître, nous savons que tu es un Docteur venu de la part de Dieu, car personne ne saurait faire les miracles que tu fais, si Dieu n'est avec lui". Jésus lui répondit: "En vérité, je te le dis, que si un homme ne naît de nouveau, il ne peut voir le royaume de Dieu". Nicodème lui dit: "Comment un homme peut-il naître quand il est vieux? Peut-il rentrer dans le ventre de sa mère et naître une seconde fois?" Jésus Répondit: "En vérité, je te dis que si un homme ne naît d'eau et d'esprit, il ne peut entrer dans le royaume de Dieu. Ce qui est né de la chair est chair, ce qui est né de l'esprit est esprit.

Ne t'étonne point de ce que je t'ai dit: il faut que vous naissiez de nouveau. Le vent souffle où il veut, et tu en entends le bruit, mais tu ne sais ni d'où il vient ni où il va. Il en est de même de tout homme qui est né de l'esprit".

Jésus ajoute ces paroles: "Tu es maître en Israël et tu ignores ces choses?"

(Saint Jean III, 3 à 8)

SINH LẠI NỮA

Sinh lại nữa nghĩa là luân hồi và cũng là người được điểm đạo (intité), vì xưa nay người được điểm đạo thì gọi là người sinh lần thứ hai (les 2 fois nés).

Sinh bằng nước và tinh thần là nói bóng dáng về sự điểm đạo lần thứ nhất (passer la 1^{ère} grande initiation). Bởi Ni-Cô-Đem không học khoa bí truyền nên không hiểu.

Chúa còn nói câu này mà xưa nay người giữ đạo ít có để ý đến: “Hãy được trọn lành như cha các người ở trên trời trọn lành vậy.”

“Soyez donc parfaits comme votre Père qui est dans les cieux est parfait”.

(Saint Matthieu V, 48)

Con người không thể nào trọn lành trong một kiếp, vì hễ trọn lành như đức Thượng Đế thì bằng đức Thượng Đế. Sự thật vẫn thế, song mỗi người có quyền tự do tín ngưỡng, nhưng đối với những vị không tin có kiếp luân hồi, tôi xin hiến câu chuyện thương tâm sau này xảy ra tại nước Anh:

“Một tội nhân bị đẩy khổ sai chung thân, mặc dầu anh kêu oan vô tội, anh cũng không tránh được kiếp lao tù. Hai chục năm sau, chính thủ phạm trước khi tắt hơi trên giường bệnh, mới thú thật với nhà chức trách, tội ác nó đã làm.

Quan tòa mới biết tội nhân trước kia đã bị hàm oan, bèn ra lệnh tha bổng anh ra. Nhưng mà 20 năm trong ngục thất, xác thân anh trở nên tiêu tụy, chỉ còn là một mảnh hình hài khô héo, tâm thần tán loạn. Một vị mục sư đạo Tin Lành tấm lòng từ thiện thường hay gần gũi với những tù nhân mãn tội để dạy dỗ, gặp anh mới an ủi và khuyên lơn anh vô đạo Thiên Chúa. Nhưng Ngài không cảm hóa anh này được, bèn vịn vai anh mà nói: “Thôi, anh hãy bền chí, mạnh bạo và hãy hết lòng tin nơi thiên ý, cùng là lời hứa của đấng Christ.” Vừa nghe dứt câu này, anh ta vùng nhảy ngược lên, cặp mắt lộ ra vẻ căm tức, anh bèn hỏi mục sư câu này: “Ngài dám nói rằng tại ý trời đem bỏ tôi vào ngục chẳng? Nếu đức Chúa Trời công bình chánh trực và từ bi bác ái sao Ngài không cứu tôi. Tôi có làm tội tình gì mà đáng bị hành phạt như thế? Tôi ngay thật, tôi thương gia đình tôi, tôi làm việc để nuôi vợ và các đứa con tôi, mà người ta bắt tôi ném vào địa ngục, vì một tội ác mà tôi không có phạm. Vậy thì tại ý trời muốn cho vợ con tôi chết đói đó? Chúng nó bây giờ ở đâu? Tôi không được tin tức chúng nó đã lâu. Chúng nó nghèo khổ, hay chết mất, hay còn tòi tệ hơn nữa. Nay ông hãy xem lại tôi đây. Ngày nay tôi thành một đứa vô dụng, một phế nhân, bị ruồng bỏ trên đồng phân của xã hội văn minh loài người. Rồi ông còn nói với tôi, mấy điều đó là tại ý muốn của đức Chúa Trời nữa. Ông hãy đi đi, tôi không cần đức Chúa Trời của ông đâu. Ông mục sư bỏ đi một nước, trong lòng

phiền muộn, vì không còn lời lẽ nào biện luận rằng đức Chúa Trời của Ngài rất nhân từ.”

Không riêng gì nước Anh, những chuyện hàm oan như thế nước nào cũng có, nhứt là ở xứ mình đây. Những vị tin rằng mỗi khi đứa nhỏ sinh ra thì đức Chúa Trời tạo cho nó một linh hồn, hãy suy nghĩ về câu chuyện ông mục sư trên đây và giải quyết các vấn đề sau này.

1- Sự sai biệt giữa các dân tộc.

Cũng thời mặt mũi, tay chân, đầu óc như nhau mà giống da trắng lại văn minh và khéo léo hơn các giống da vàng, da đen và da đỏ; từ tánh tình, phong tục, tôn giáo cho tới kỹ nghệ, văn chương và mỹ thuật cũng đều khác hẳn nhau. Tại sao thế? Có người vào đài ra các, trọn đời phú quý phong lưu, lại cũng có kẻ mẫn kiếp, da cháy mày nám, không thoát ra khỏi nhà tranh, vách đất.

Lấy cái chi mà định số phần họ như vậy?

2- Sự hỗn loạn ở cõi trần.

Nhìn lại cõi trần thì thấy đây những sự hỗn loạn. Đạo đức suy đồi, luân thường đảo ngược, mạnh được yếu thua, khôn sống dại chết. Người gian xảo giàu sang được kính trọng, kẻ chân thật nghèo khổ bị khinh khi. Đồng tiền vẽ mặt người, đổi trắng thay đen trong chớp mắt. Tham lợi cầu danh nung lò lửa dục, quạt ngọn gió tham, vui lấp thiên chân làm điều tà

vạ. Người giết người, thú hại thú, cấu xé lẫn nhau. Sự thật như thế, sao lại nói trời đất vô tư?

3- Ai gây chiến tranh giặc giã?

Tại lòng tham vọng của con người hay là tại lòng trời? Dưới trận mưa bom, muôn ngàn sinh linh xương tan thịt nát, nhà cửa tiêu điều, giang sơn nghiêng ngửa. Chúng sinh làm tội tình gì mà hành phạt như thế?

Nếu như tin có ông Trời sinh ra mỗi đứa trẻ một linh hồn, thì phải nghĩ đến hai điều này, hoặc là ông Trời bất công và hung ác, muốn thưởng ai thì thưởng, muốn phạt ai thì phạt một cách vô lối, hoặc là ông Trời bất lực, sinh thế gian rồi bỏ đó, mặc tình chúng sinh xô xát nhau, tàn sát nhau, mặc kệ, Ngài không đoái hoài tới nữa, vì Ngài không đủ sức dạy dỗ và trừng trị chúng nó. Điều này đúng với chân lý không? Chắc chắn là không.

Chút nữa tôi sẽ giải thích rõ.

ĐẠO PHẬT

Tôi chẳng rõ đức Phật dạy luân hồi thế nào, nếu dựa theo kinh sách mà nói thì có nhiều chỗ trái ngược nhau. Như trong cuốn kinh Sa-Mi-Dút-Ta Ni-Ca-Da (Samyutta Nikâya) có thuật chuyện thầy đạo sĩ du phương Hoa-Ca-Gắt-Ta (Vacchagâtta) đến hỏi Phật

như vậy: “Bạch Phật, vậy có bản ngã không?” Phật làm thinh, đạo sĩ bèn hỏi nữa: “Bạch Phật, tại sao vậy? Không có bản ngã hay sao?” Phật cũng không đáp. Đạo sĩ bèn đứng dậy từ giã ra đi. Bản ngã tức là linh hồn (Xin xem quyển “Luân Lý Đạo Phật” của tôi).

Còn nhiều quyển sách khác lại nói linh hồn sau khi thác bị quỷ sứ dẫn xuống vua Diêm Vương coi xử. Trong hai ba chục muôn người chỉ có một vài người được gọi là thiện nhân, còn bao nhiêu bị đày vào địa ngục để hành tội một ít lâu. Rồi sau đi đâu thai có khi làm người ta, thú, hoặc heo, dê, hoặc trâu, chó, v.v. . . Riêng phần tôi, tôi không tin điều này. Trừ ra mấy anh bàng môn tả đạo, thì người thế gian làm tội là vì không biết luật trời. Mà xét lại chưa có đạo nào đem luật trời dạy rành rẽ cho chúng sanh biết thế nào là tội, phước cả. Thí dụ tội nhân hỏi Diêm Vương câu này: “Tôi sinh ra ở đời, tôi phải làm ăn, tôi phải làm cách nào để có một địa vị cao quý ở xã hội hầu nuôi gia đình tôi, không vậy thì tôi bị khinh rẻ; tôi bị nghèo khổ, vợ con tôi sẽ bị đói rách. Không ai chỉ cho tôi biết luật trời là thế nào để tôi đừng phạm thì tại sao Ngài bắt tội tôi? Đứng vào địa vị tôi, Ngài có làm như tôi không?” thì vua Diêm Vương sẽ trả lời bằng cách nào bây giờ? Con người làm tội tại cõi trần thì phải đâu thai lại cõi trần, để đền tội gọi là trả quả.

Những điều gọi “tội, phước” là những việc làm thuận hay nghịch với lòng trời. Hễ thuận với lòng trời thì cái kết quả đẹp, gọi là phước; nghịch với lòng trời

thì cái kết quả xấu, gọi là tội (Xin xem quyển “Nhân Quả”). Còn sự đầu thai làm chó, heo, việc đó không có. Những thú vật một giống với nhau thì có một hồn chung gọi là hồn khóm (âme groupe).

Còn mỗi người có hồn riêng biệt, không khi nào linh hồn trở lại nhập vô hồn khóm để làm con thú như xưa được. Chút nữa tôi sẽ giải thích rõ.

Nhưng có một vài trường hợp đặc biệt, hồn người nhập vô mình thú do những nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân thứ nhất.

Có người lúc sinh tiền trọn đời nuôi dưỡng một tình dục hết sức xấu xa, nói cho đúng thì tánh đó thuộc về loài thú, chi nên thể vía của y có những đặc điểm của thể vía con thú nào mà tình dục giống như y, nghĩa là thể vía của y giống tánh con thú đó. Khi y thác rồi lên cõi trung giới, thể vía y bị rút vào mình con thú nào hạp với y, bởi vì hai luồng từ điển rung động một cách với nhau. Y bị cột dính vào mình con thú mà không làm chủ nó được, vì nó còn hồn của nó. Hồn nó sai khiến nó như thường. Y cũng không mất tánh cách con người, y ở cõi trung giới tỉnh táo như thường, nhưng không thể dùng xác con thú để hiện ra ở cõi trần, vì cơ quan con thú đâu giống cơ quan của con người. Y bị hành phạt như thế không khác nào bị ở tù. Khi con thú chết, y thoát ra ngoài, cũng đi đầu thai làm người như thường. Trường hợp này vẫn ít có

lắm, không nên tưởng rằng người ta thường gặp chuyện như thế.

Nguyên nhân thứ nhì.

Xin nhắc lại, thường thường hễ sau khi con người chết, thể phách, thể vía xuất ra khỏi xác, con người mê muội trong một lúc, không còn biết chi cả, tới chừng thể phách lìa thể vía rớt ra ngoài, con người mới tỉnh lại, thấy mình ở chốn khác, cõi này tức là cõi trung giới.

Nhưng có vài người không biết chết là thay hình đổi dạng, cho nên ham sống và sợ chết quá lẽ, cho đến khi tắt hơi mà còn nắm nuôi cõi trần và cứ tưởng mình còn sống mãi.

Thể phách và thể vía ra khỏi xác, song thể phách còn dính với thể vía, không lìa khỏi được. Lúc này con người nhập vô thể xác cũ không được, mà lên cõi trung giới cũng không được, vì bị thể phách cản trở. Con người bay phiêu phiêu, phương phương trên không, chẳng khác nào ở trong đám sương mù, thấy những sự kỳ dị ở bốn cảnh tinh khí của cõi trần nên hóa ra hải hùng chạy trốn đâu này đâu kia.

Nguyên nhân thứ ba.

Nguyên nhân thứ ba là sự tối độc ác đối với con thú nào, quả báo sẽ buộc người hung tợn vào mình con thú đó để chịu đau khổ chung với nó.

Đạo Phật dạy luân hồi, song bên Nam Tông nói rằng: “Duy có nhân quả truyền lại đời sau mà thôi, chớ linh hồn tiêu mất.” Nói như thế rất lầm.

Phật dạy rằng: “Khi con người tu hành đúng công quả thì biết được mấy kiếp trước mình thế nào.” Phật có thí dụ một chuyện như sau đây: Có một người kia từ già làng mình ở, đi tới làng khác, rồi bỏ làng khác đó, đi lại làng khác nữa. Chừng trở về làng cũ, người đó nói như vậy: “Thật là tôi đi từ làng này tới làng kia. Tôi đâu tôi cũng có cách ngồi, đứng riêng. Rồi chính là tôi trở về làng cũ đây.”

Người chân tu đắc đạo rồi, biết hết các kiếp trước của mình, cũng như người đi du lịch nói trên đây. Người chân tu nhớ rằng: “Hồi tôi ở chỗ nào đó, tôi tên chi, tôi sinh trong gia quyến nào, tôi dùng vật thực nào, tôi chịu đau đớn và được vui vẻ làm sao. Rồi tôi bỏ chốn đó, sinh vào chốn khác, cách ăn ở tôi khác nữa. Bây giờ tôi đâu thai ở chốn này đây.” Như thế làm sao nói rằng linh hồn con người tiêu mất?

ĐẠO HỒI

Trong quyển Co-Răn, là quyển kinh thánh đạo Hồi và quyển Mesnavi có các câu này:

1. – Tại sao các ngươi không tin đức Thượng Đế? Các ngươi thác rồi mà Ngài cho các ngươi sống.

Ngài tắt ngọn đèn bốn mạng của các người rồi Ngài đốt lại. Sau các người sẽ trở về với Ngài.

Pourquoi ne croyez pas en Dieu? Vous étiez morts, il vous a donné la vie, il éteindra vos jours et il en rallumera le flambeau. Vous retournerez à Lui.

Coran, II, 28

(Traduction de Sale. Collection orientale de Triibner
1884)

2. – Đức Thượng Đế sinh ra muôn loài và cho đâu thai đi đâu thai lại tới chừng nào tất cả đều trở về với Ngài.

Dieu génère les êtres et les renvoie à maintes reprises jusqu'à ce qu'ils retournent à Lui.

Coran XXX, 10

3. – Linh hồn trước hết ở trong loài kim thạch, rồi mới qua loài thảo mộc. Linh hồn ở trong loài thảo mộc không biết mấy thế kỷ, mãi lo tranh đấu mà quên mình hồi còn ở trong loài kim thạch.

Khi linh hồn qua ở loài thú cầm thì không còn nhớ tới hồi ở loài thảo mộc nữa. Rồi đấng Tạo Hóa mới cho linh hồn đâu thai qua loài người. Linh hồn bắt đầu từ loài này đi lên loài kia cho tới chừng nào trở nên một Đấng khôn ngoan.

L'âme vint d'abord dans le règne minéral et passa de là au règne végétal. Elle passa des siècles dans le règne végétal, oubliant, dans les luttes, le règne minéral. Quand elle arriva au règne animal, elle perdit le souvenir de l'état végétal. Puis elle fut tirée par le créateur que vous connaissez du règne animal pour passer au règne humain. Elle monta ainsi d'un règne à l'autre jusqu'à ce qu'elle devint une entité intelligente.

Le Menasvi

4.- Tôi ở trong loài kim thạch thác rồi thành ra thảo mộc. Tôi ở trong thảo mộc thác rồi thành ra thú cầm. Tôi ở trong thú cầm thác rồi thành ra con người. Vậy thì tôi có sợ chi đâu! Khi nào sự chết làm cho tôi kém sút bao giờ? Lần sau tôi thoát kiếp người để mọc cánh như thiên thần.

Song tôi phải tìm thế ra khỏi hàng thiên thần, vì nữa đây trừ ra Ngài, thì tất cả đều bị tiêu diệt. Vậy thì tôi sẽ cất cánh bay cao hơn các thiên thần nữa.

Lúc ấy người thế không hề tưởng tượng tôi ra thế nào được. Tôi sẽ thành ra hư không.

Je mourus dans le minéral et devins plante.

Je mourus dans le plante et reparus dans un animal.

Je mourus dans l'animal et devins un homme.

Pourquoi donc craindrais-je? Quand la mort m'a-t-elle diminué? La prochaine fois je mourrai à l'état humain pour pouvoir avoir les ailes de l'ange.

Je devrai aussi chercher à sortir de l'état angélique, car tout périra sa Face. Alors je prendrai mon vol et m'élèverai au-dessus des anges.

Je deviendrai ce que l'imagination ne saurait concevoir. Que je devienne donc rien rien.

Le mesnavi

ĐẠO NHO

Đức Khổng Tử tùy theo đời mà dạy đạo. Tuy Ngài không chịu dạy chuyện quỷ thần, song Ngài cũng nói rằng: "Trên trời có đức Thượng Đế làm chủ tế vạn vật."

Như thế không phải là Ngài không biết cơ trời.

CHƯƠNG THỨ BA

TẠI SAO CÓ SỰ SAI BIỆT GIỮA QUẦN CHÚNG?

Trong đạo đức dạy rằng: Không phải chúng ta sinh ra lần thứ nhất ở cõi trần.

Khi có xác thịt này chúng ta đã trải qua nhiều chu kỳ tiến hoá, làm sắt đá, hết sắt đá tới cây cỏ, hết cây cỏ tới thú vật, hết thú vật mới tới kiếp làm người bây giờ. Chúng ta làm người đã mấy triệu năm rồi, chúng ta đâu thai đi, đâu thai lại không biết mấy lần, mỗi lần nhờ sự kinh nghiệm học hỏi mà tiến hóa thêm một bậc. Cõi trần và luân cả vũ trụ là trường học lớn. Trời sinh ra để dạy dỗ các loài, từ tinh chất cho tới các hạng thiên thần, không phải chỉ để riêng cho con người mà thôi. Ta hãy xem trường tiểu học chia ra 5 lớp: lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Mỗi lớp đều có vài chục học trò, các trò này từ tánh nết cho đến trí thức, không đồng bậc với nhau, có trò hiền, dữ, khôn, dại, láo xược, thật thà, siêng năng, biếng nhác, sáng láng, u mê. Tại sao có sự khác nhau như vậy?

Nói về phần thiêng liêng hay là Chơn Thần, thì không có ai lớn, nhỏ, cao, thấp, nhưng về phần linh hồn thì có những linh hồn đã già, những linh hồn còn trẻ, bởi vì các linh hồn không đi đâu thai một lượt với

nhau. Những linh hồn nào xuống trần cả chục triệu năm trước và đầu thai nhiều kiếp rồi thì biết được những điều hơn thiệt, những lễ thị phi, học hỏi những khôn khéo, tự nhiên phải giỏi, kinh nghiệm nhiều và làm nhiều điều lành hơn những linh hồn đi đầu thai mới có vài triệu năm. Cũng như đứa học trò lớp 4 giỏi hơn đứa học trò lớp 2 vậy, các linh hồn sau này chưa được sáng suốt, cho nên thường làm nhiều việc chẳng lành. Những bài học nào mà kiếp trước đã học hỏi rồi, kiếp này ta gặp lại thì ta hiểu liền, mau lẹ hơn những người mới học mấy bài đó lần thứ nhất.

Nếu hiểu được nguyên nhân của sự sai biệt giữa quần chúng là sự tiến hóa bất đồng bởi các linh hồn không sinh đồng thời với nhau thì ta chỉ biết thương xót, khoan dung và lo giúp đỡ những người nào còn tối tăm, thô lỗ, hung dữ, ích kỷ, tham lam, v.v..., bởi họ là những linh hồn còn thơ, chớ không nên ghét bỏ hay trách móc họ. Và nếu không có luân hồi thì làm sao giải nghĩa “Tại sao có các vị thần đồng?”

Duyên có đó tôi xin giải ra sau đây.

NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG

Không phải con người học hỏi lúc còn sống ở cõi trần mà thôi, sau khi thác rồi, lên cõi trung giới và thượng giới còn học hỏi thêm nữa. Những bậc thiên tài, mà ta trầm trồ khen ngợi bây giờ, các vị ấy đã

nhều kiếp chuyên môn về những khoa học, hoặc toán học, hoặc âm nhạc, hoặc thiên văn, hoặc văn chương, hoặc mỹ thuật, v.v... Bởi các môn học đều truyền lại đời sau, nên mới có những vị thần đồng để khai sáng cho đời trên con đường học vấn. Sau đây là những vị thần đồng mà thế giới biết danh.

NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG BÊN ÂU MỸ

CÁC NHẠC SĨ

Hồi thế kỷ 17, Haendel mới có 10 tuổi mà đặt những bài thánh ca bằng tiếng La-Tin để hát trong nhà thờ Halle.

Mozart nổi tiếng hồi 4 tuổi, vì đã biết khảy một khúc cầm ca, tới 11 tuổi thì đặt hai bài ca kịch *Finta semplice*, *Bastien* và *Bastienne*, rồi từ đó về sau danh tiếng lẫy lừng.

Beethoven mà người ta gọi là thần âm nhạc, 10 tuổi đã đánh những khúc đàn tuyệt diệu.

Paganini mới 9 tuổi mà trong một cuộc hòa nhạc tại thành Gênes (Ý) đánh đàn vi-ô-long (violon) hay cho đến đôi thiên hạ đều vỗ tay khen ngợi.

Meyerbeer mới 6 tuổi mà đã trở tài trong những cuộc hòa nhạc.

Liszt hồi nhỏ nổi tiếng kỳ tài, vừa mới 14 tuổi đã diễn một bài ca kịch, có một hồi gọi Don Sanche hay là Château d'amour (Lâu đài tình ái).

Ông Gabriel Delanne gặp tại hội nghị tâm lý học, năm 1900, cậu bé Petite Ariola mới có 3 tuổi rưỡi đánh đàn bi-da-nô (piano) trong lúc xuất kỳ bất ý, biến hóa nhiều khúc thâm trầm.

Năm 1911, cậu bé Ferreros mới có 4 tuổi rưỡi mà điều khiển đội âm nhạc ở Folies Bergères một cách chắc chắn và khéo léo.

CÁC HOẠ SĨ

Michel Ange mới có 8 tuổi mà thầy của ngài là ông Ghirlandajo quả quyết rằng không còn cái chi mà dạy ngài nữa.

Hồi còn bé thơ, Rembrandt ham mê nghề vẽ cho đến nỗi Lombroso chắc chắn rằng cậu bé này vẽ hay như một họa sư, trước khi cậu biết đọc. Nhà họa sĩ Marcel Lavallard, bức tranh đầu tiên của ngài được đem trưng nơi phòng triển lãm lúc ngài 12 tuổi.

Cậu Van de Kefkhore de Bruges thác ngày 12-8-1873, lúc cậu mới 10 tuổi 11 tháng để lại 350 bức tranh mà vài bức, theo lời ông Adolphe Siret có chân trong hàn lâm viện khoa học, văn chương và mỹ thuật ở nước Bỉ nói có thể ký tên các họa sĩ trứ danh như Diaz, Salvator Rosa, Corot, v.v...

CÁC BÁC SĨ, VĂN SĨ VÀ THI SĨ

Hermozène mới 15 tuổi đã dạy khoa tu từ học (rhétorique) cho vua Marc Aurèle.

Hồi 13 tuổi Pascal tự một mình tìm lại được 32 định đề d'Euclide; ngài là nhà kỹ hà học, vật lý học, triết học và kiêm văn sĩ một lượt. Ngài đứng đầu hết thảy các bậc thiên tài trong thế kỷ 17.

Pierre de Lamoignon mới 13 tuổi đã đặt thơ văn bằng chữ Hi Lạp và chữ La Tin rất hay. Ngài cũng giỏi về pháp luật như văn chương vậy.

Gauss de Brunswick nhà thiên văn và toán học kỳ tài, lúc có 3 tuổi đã giải quyết những bài toán đồ rôi.

Ericson thác năm 1869, giỏi về cơ giới học cho đến đời mới 12 tuổi được chánh phủ phong làm thanh tra cái kính lớn đào thông ra biển ở Thụy Điển (Suède). Một mình ngài điều khiển 600 dân phu.

Victor Hugo mới 13 tuổi được tao đàn ở Toulouse thưởng về những bài thi phú của ngài làm.

Năm 1837, cậu bé chần chiên "Vita Mangiamel" đã làm cho mấy vị thông thái trong hoàn cầu phải hết sức ngạc nhiên, vì cậu toán hay một cách lạ thường. Có một nhà số học đố cậu câu này: "Vậy chớ con số nào mà nó nhân cho nó 3 lần (élevé au cube) rồi cộng với 5 lần nó nhân cho nó (5 fois son carré) thì bằng 42

lần nó cộng với 40.” Không đây một phút cậu trả lời:
 “Ấy là số 5.”

NHỮNG VỊ BIẾT NHIỀU THỨ TIẾNG

William Sidis xứ Etat de Massachussets biết đọc và biết viết hồi 2 tuổi, tới 4 tuổi biết nói 4 thứ tiếng, 12 tuổi được vào trường Massachussets Institute of Technology, là nơi muốn được nhập học phải đúng 21 tuổi. Ngài diễn thuyết tại đại học đường Harward cho các vị giáo sư khoa cao đẳng toán học nghe về vấn đề “bề thứ tư của không gian” (tứ nguyên không gian 4^e dimension) làm cho các thính giả kinh dị vô cùng.

Young, người tưởng tượng ra thuyết ánh sáng truyền đi như sóng dọn, hồi 2 tuổi đã đọc trôi chảy, 8 tuổi biết rành 6 thứ tiếng. Cậu bé khác tên là William Hamiton học tiếng Hê-Bơ (Hébreu) hồi 3 tuổi; tới 7 tuổi sự học thức của cậu còn rộng hơn nhiều vị đi thi lấy cấp bằng thạc sĩ. Tới 13 tuổi biết 12 thứ tiếng. Lúc 8 tuổi cậu làm cho những người xung quanh hết sức ngạc nhiên cho đến đổi một nhà thiên văn Yết-lăng-đe (Irlandais) nói rằng: “Tôi không nói nó sẽ, tôi nói nó là nhà số học hạng nhất trong đời nó.”

Cậu Jaques Christon người xứ Ê-Cốt (Ecoissais) mới 15 tuổi mà tranh biện bằng tiếng La-Tin, tiếng Hi-

Lạp, tiếng Hê-Bơ và tiếng Á-Rập bất câu là vấn đề nào.

Pic de la Mirandole hồi còn bé đã lâu thông tiếng La-Tin, tiếng Hi-Lạp rồi kể đó tiếng Hê-Bơ và tiếng Á-Rập. Tới 20 tuổi, sự thông minh của ngài không ai sánh kịp trong thời đại đó.

Barattie Jean Philippe sinh năm 1721 tại Schwabach, trong Margraviat d'Auspach, thác năm 1740, hồi 7 tuổi đã thạo tiếng A-Lơ-Măng, tiếng Pháp, tiếng La Tin, tiếng Hê-Bơ, 2 năm sau ngài làm cuốn tự điển những tiếng khó hết sức. Tới 13 tuổi ngài dịch cuốn "Cuộc hành trình của Bengamin Tudèle" bằng tiếng Hê-Bơ ra tiếng Pháp, rồi năm sau ngài được làm giáo sư tại đại học đường Halle. Cũng trong lúc ấy ngài xuất bản nhiều bài bình luận rất uyên bác, trong tàng thư viện Đức Quốc. Ngài làm việc quá nên chết về lao tổn năm 1740 hồi mới 19 tuổi.

Henri de Hanneke sinh tại Lubeck năm 1721, mới đẻ đã biết nói. Tới 2 tuổi đã biết 3 thứ tiếng. Cậu học viết trong vài ngày, và tập làm những bài diễn văn vắn tắt. Tới 2 tuổi rưỡi cậu cho khảo hạch về địa dư và sử ký cận đại. Cậu sống là nhờ sữa của bà vú. Người ta muốn dứt sữa cậu, cậu héo mòn rồi chết ngày 17-6-1725 tại Lubeck.

Trong số các nhà từ ngữ hiện đại nên kể ông Terombetti, vì ngài giỏi hơn các bậc tiền nhân. Lúc còn bé ngài học ở trường tiếng Pháp và tiếng A-Lơ-

Mãng, ngài học sách của Voltaire và Goethe. Ngài chỉ đọc cuốn sách nói về đời của Abdel Kader mà ngài thuộc tiếng Ả Rập. Một người Ba Tư có dịp đi ngang qua Bologne dạy ngài biết tiếng Ba Tư trong vài tuần lễ. Hồi 12 tuổi ngài học một lượt tiếng La Tin, tiếng Hy Lạp và tiếng Hê Bro. Từ đó ngài học gần hết các sinh ngữ và từ ngữ trong hoàn cầu. Các thân bằng của ngài quả quyết rằng bây giờ ngài thuộc 300 thổ ngữ đông phương.

NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG ĐỜI NAY

MỘT LUƠNG Y 5 TUỔI

Chuyện này mới nghe qua lạ lùng lắm, nhưng có thật. Thái y viện thành Nouvelle Orléans bên Huê Kỳ có cấp bằng cho một viên học sinh mới có 5 tuổi tên Villie Gwin, vốn con của một lương y ở tại đó. Các vị giám khảo nói rằng: Từ trước đến giờ, không có một vị thí sinh nào học bộ xương cốt con người bằng đứa nhỏ này. Nó thông thạo một cách lạ thường lắm.

MỘT VỊ THẦN ĐỒNG TẠI NƯỚC ĐAN MẠCH (DENMARK)

Có một cậu bé tên là Bant Stromtrens năm nay độ 16,17 tuổi, mà đã là một nhà trứ danh trong khoa học giới ở Âu Châu. Mỗi khi có bài ngôn luận của cậu

xuất bản thì các nhà khoa học danh giá ở Anh, Pháp đều khen ngợi lắm.

Mới đây, người Na Uy (Norvège) lại mua bản quyền một bộ sách thiên văn học của cậu để ấn hành cho nhân dân học. Bộ sách này cậu biên tập từ ngày mới 13 tuổi, phong văn tinh tú rất tinh tường, ngôn luận rất đích xác, lại có nhiều điều chiêm nghiệm mới, lý tưởng mới, giả thuyết mới, có thể giải được những vấn đề nghi nan của thiên văn giới xưa nay, nên hàn lâm viện nước Na Uy kính phục mới ấn hành để làm sách giáo khoa. Người ta nói rằng cách học thức của cậu là nhờ về gia đình giáo dục nhiều, nguyên ông thân sinh cậu là một nhà thiên văn học nổi tiếng, nên khi cậu còn nhỏ thì cũng đã luyện tập kỹ càng rồi, cậu lại là một người thông minh tuyệt thế nên học hành mau tiến tới lắm. (Lục Tinh Tân Văn ngày 26-5-1926).

MỘT NHÀ KHOA HỌC BÉ CON

Tại Luân Đôn có một người tên Sa Đức mới 11 tuổi mà thông minh lạ thường. Cậu ta là con một nhà khoa học trứ danh, nên cậu còn nhỏ mà cậu đã tinh thông được sự nghiên cứu khoa học. Mỗi khi cậu luận thuyết bài nào thì cũng được các nhà khoa học ngợi khen lắm. Về toán học thì cậu lại càng giỏi nữa, những bài toán khó hay nhiều con số đến đâu, cậu cũng tính miệng ngay được. Mới đây cậu lại chế ra

một máy bay rất nhỏ để bay trên mặt thành Luân Đôn, ai cũng khen là tài giỏi. Chánh phủ có cấp cho cậu một cái văn bằng kỹ sư và một cái thẻ bằng vàng để khuyến khích cho người khác; hội khoa học cũng mời cậu dự một chân trong hội.

(Công Luận 26-7-1926). K.H.

MỘT NHÀ ĐẠO ĐỨC BÉ CON

Tại làng Trawaddy Delta ở Rangoon có hai vợ chồng người kia chuyên nghề chài lưới, sinh đặng một đứa con trai đặt tên là Tun Tyin. Năm nay được 9 tuổi. Trước trán có hai cục bướu rất lớn, còn đằng sau ót có một cục cũng to. Cặp mắt tinh thần lắm. Hồi 5 tuổi giảng đạo còn hay hơn các vị hòa thượng. Có nhiều ông sư đem các chỗ khó khăn của triết lý đạo Phật vấn nạn thì em trả lời xuôi rọt và giải rành rẽ nữa. Em đọc nhiều đoạn kinh khó bằng tiếng Ba-li (Pali) rồi dịch thuộc lòng bằng tiếng Bụt-mét (Burmese). Ngày 28-5-1924 nó ngồi xe hơi đi từ Parmyde tới Prome, đường dài 40 cây số. Dọc đường bá tánh đua nhau đón xe chật nức để nghe thuyết pháp. Tới Prome leo lên cao, rồi đứng giữa trời dạy đạo từ 12 giờ rưỡi cho tới 2 giờ rưỡi. Trời nắng chang chang mà không biết mệt mỏi chi. Nếu Tun Tyin đâu

thai qua nước Việt Nam chắc là thiên hạ theo làm đệ tử đồng lắm.²

THẦN ĐỒNG 4 TUỔI

Bên nước Mỹ mới phát hiện một đứa trẻ thần đồng mới có 3 năm 10 tháng mà về đường thí nghiệm tâm lý đầu cho các giáo sư và học sinh trường đại học cũng không bằng. Đứa trẻ đó đã thuộc chữ Hy Lạp, đã biết các phương trình và hóa học, lại nói được tên các danh nhân trong thế giới và tên các kinh đô các nước, đêm nào cũng xem sách đến 11 giờ mới ngủ. Người cha làm quản lý một nghề bảo hiểm, ông ta nói chuyện với người ta rằng: con tôi một năm nữa sẽ cho vào trường trung học. Đó là điện tín Nữu Uóc, cứ như tin ấy thì đứa bé này đáng gọi là thần đồng thật, nhưng theo lời người cha thì bên Mỹ không giới hạn tuổi thi tốt nghiệp và tuổi vào trường trung học. (An Nam tạp chí số 19, ngày 2-3-1931).

² Bài này đăng vào Thần Linh tạp chí (Renue Spirite) nhưng vì thời cuộc, tôi đã mất số đó nên không nhớ chắc được ngày, tháng. Các bài kia cũng vậy, nếu tên riêng có viết sai xin các bạn niệm thứ.

NHỮNG VỊ THẦN ĐỒNG BÊN PHƯƠNG ĐÔNG

Bên Tàu đời Tần Thủy Hoàng, Cam La mới 12 tuổi mà làm thừa tướng. Bên Việt Nam mình có ông Nguyễn Hiền, quê quán tại tỉnh Nam Định, huyện Thượng Nguyên, đời Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chánh Bình, 1225, ngài mới 12 tuổi mà học rất thông minh, nên thiên hạ gọi là thần đồng. Nhưng còn biết bao vị khác nữa mà tiếc rằng tôi không biết tên.

NHỮNG NGƯỜI NHỚ CHUYỆN KIẾP TRƯỚC

Như tôi đã nói khi nãy, con người thác rồi bực trung là 500 năm mới đi đâu thai. Nhưng có vài trường hợp, vì một lẽ nào chẳng rõ, mà một ít lâu thì trở lại cõi trần nữa. Các vị này nhớ lại việc kiếp trước như các việc sau đây:

1. Chuyện Thiếu Tá Welsh.

Báo Le Journal ngày 18-9-1907 đăng bài này: “Dân chúng Anh ở Rangoon rất chấn động về những lời biểu lộ của một đứa trẻ. Báo giới ở hải ngoại có thuật một chuyện gọi là luân hồi xảy ra ở tại Rangoon. Quan thiếu tá Welsh từ trần gần thành này năm 1903.

Mới đây một đứa trẻ 3 tuổi làm cho cha mẹ sững sốt, vì nói một cách nghiêm nghị rằng: nó là quan thiếu tá Welsh đầu thai lại. Nó mới tả rãnh mạch chỗ ở của thiếu tá, kể lại những công việc của ngài làm và số ngựa tơ của ngài nuôi khi trước. Chắc chắn hơn nữa, thuật lại cách chết của thiếu tá trong khi ngài đi du lãm trên hồ Mektelea với hai người khác. Cha mẹ mới hết sức ngạc nhiên, vì cậu bé không hề biết thiếu tá và gia quyến ngài. Thiên hạ đồn rùm chuyện dị kỳ này, họ bàn tán xôn xao làm bận lòng các giới khoa học nước Anh.

2. Trích lục lời tường thuật của bác sĩ De Henri Hendsold, sau khi ngài viếng đức Hoạt Phật ở Tây Tạng tại thành Las-sa (Grand Lama à Lhassa).

Cách 50 năm nay, hai đứa trẻ, một trai, một gái sinh tại làng Okshitgon, một ngày với nhau, trong hai nhà kế cận. Chúng lớn lên thường chơi giỡn với nhau, tới tuổi trưởng thành thì kết hôn làm vợ chồng.

Chúng lập một gia đình cày cấy cánh đồng khô khan bao phủ Okshitgon để tự nuôi sống. Chúng thương yêu nhau lắm, rồi cùng chết một lượt với nhau. Người ta chôn chúng ngoài làng, rồi quên phứt chúng đi, vì lúc đó thời cuộc khó khăn; ấy là năm sau khi thành Mãn-đa-lay (Mandalay) bị thất thủ, toàn xứ Miến Điện đều nổi loạn. Trong xứ, dân chúng đều mang khí giới, đường sá rất nguy hiểm. Ban đêm

những xóm bị lửa cháy đỏ trời, ấy là lúc thảm đạm cho những người ưa chuộng hòa bình. Nhiều kẻ bỏ nhà trốn vào chỗ đông người và gần những cơ quan chính trị. Okshitgon ở vào chính giữa của một trong những khu bị tàn phá; nhiều người trong làng trốn đi, trong số đó có một người tên Maung Kan và vợ còn trẻ. Hai vợ chồng này tới ngụ tại Kabyn. Hồi còn ở Okshitgon, vợ của Maung Kan đẻ sinh đôi hai đứa con trai, trước khi đi tị nạn một ít lâu. Đứa đầu lòng tên Maung Gyi nghĩa là anh cả, đứa nhỏ tên là Maung Ngé. Hai đứa lớn lên ở Kabyn, cha mẹ chúng lấy làm lạ khi biết chúng không kêu nhau là Maung Gyi và Maung Ngé, mà xưng hô là Maung San Nyein và Ma Giroin. Ma Giroin là tên đàn bà. Hai vợ chồng Maung Kan mới sực nhớ lại hai tên đó vốn là tên của hai vợ chồng người kia chết tại Okshitgon, cùng một lúc sinh hai đứa nhỏ, bèn dắt chúng về Okshitgon để thử chúng coi. Khi về Okshitgon hai đứa nhỏ biết hết đường sá, nhà cửa, dân chúng và nhìn được quần áo chúng mặc kiếp trước. Không còn điều chi ngờ vực nữa. Đứa nhỏ nhớ lại kiếp trước, hồi còn làm Ma Giroin có mượn 2 ru bi (roupies) của cô Mathet, mà chồng không hay biết, và cũng chưa trả số tiền đó.

Mathet còn sống, người ta hỏi thì được trả lời việc đó có thật. Tôi không nghe cha hai đứa trẻ trả 2 ru bi cho cô Mathet. Tôi có gặp chúng trong cơ hội đó. Chúng bây giờ được 6 tuổi. Đứa lớn thì mập lùn, đứa nhỏ yếu hơn, có vẻ trầm ngâm như con gái.

Chúng thuật lại với tôi nhiều việc kiếp trước của chúng. Chúng nói rằng sau khi thác rồi, chúng nó phiêu phiêu phưởng phưởng ở trên không chẳng có xác thân và phải trốn tránh trong cây cối, vì tội lỗi chúng đã làm, rồi vài tháng sau, chúng đầu thai làm hai anh em sinh đôi. Đứa lớn thì nói: Hồi trước thì rõ ràng, tôi nhớ lại được cả thấy, mà các việc đó phai lần lần, bây giờ tôi không còn nhớ như trước nữa.

3. Trích lục sự điều tra của bác sĩ De Calderone.

TỜ TƯỜNG THUẬT CỦA BÁC SĨ MOUTIN

“Lối năm 1906, báo Paisa Akhabar ở Lahore có thuật chuyện một đứa con gái lối 7 tuổi sinh đẻ tại làng Pendjab, thuộc về gia quyến đạo Hồi Hồi, bỗng nhiên trở nên nghiêm nghị và nói như một người đàn bà có chồng. Cô bé cho biết rằng cô có một kiếp trước mà bây giờ cô nhớ rành rẽ các chi tiết của kiếp đó. Kiếp trước cô là vợ một người Ấn Độ, cô nói lớn tiếng và năn nỉ người ta dắt cô lại nhà chồng cũ của cô để cô giải quyết một việc trọng hệ. Ban đầu người ta không để ý tới mấy lời đó, nhưng bởi cô khẳng khẳng một mực, cha mẹ cô phải đem cô lại chỗ cô chỉ, một phần là tại chiều theo cô, vì cô làm rầy rà và hăm he, một phần là tại tánh tọc mạch. Khi tới chỗ thì cô bé đi ngay vào nhà đã nói như biết rành rẽ vậy. Khi gặp người chồng kiếp trước thì nói nhiều việc làm cho người này kinh ngạc và đòi người chồng kiếp trước phải cưới

mình. Muốn chỉ đủ bằng có rằng nó là vợ trước của y, mới biểu người ta đem một cái rương cũ lại, mà từ hồi chết tới giờ rương đó vẫn khóa chặt. Nó kể đủ mấy món đồ trong đó. Chùng mở rương ra quả in như vậy. Người chồng cũ và cha mẹ bây giờ không tán thành việc gả cưới, vì nó vô đạo Hồi Hồi, còn chồng cũ là người Bà La Môn. Vì vậy, đứa nhỏ bị cha mẹ ép buộc phải trở về nhà.

Bác sĩ Moutin hỏi thêm rằng: muốn cho rõ sự thật tôi có viết thơ cho chủ nhiệm báo Lahore xin cho biết chuyện đó có đáng tin hay không và xin cho thêm chi tiết. Ông chủ nhiệm vui vẻ trả lời rằng ông quả quyết những tin tức của báo ông đăng ra có thật như vậy, và khi nào ông tiếp đăng thêm chi tiết thì ông sẽ gọi đến cho tôi liền. Cách ít lâu tôi viết thơ nhắc ông thì được thơ ông trả lời rằng: “Ông có uớm hỏi thử nhiều lần chuyện đó, song những người dính vào việc ấy đều thủ khẩu như bình, viện lẽ rằng những tin tức đăng ra làm cho họ buồn, thân bằng họ bực tức, và nếu còn đăng tiếp việc đó trên báo mãi, thì khi cô bé đúng tuổi trưởng thành, họ chắc khó kiếm một người chồng cho em.”

Ông Moutin nói tiếp rằng: có một chuyện tương tự như vậy xảy ra hồi năm 1906 có đăng ở các báo chánh tại Bengale cách đây 2 năm (tôi lấy ý nghĩa dịch ra).

“Ramshadon Guin 45 tuổi vốn dòng Bratyks Hertéria là một người dân ở Krolbéria, thuộc về quyền tài phán của Thanah Bhangore khu 24, Parganas. Vợ anh tên Manmohini Dassi chết về bệnh dịch tả đã 12 năm rồi; ông thân anh là một người Dpchand Mandal trong làng Baota. Sau khi Manmohini thác rồi thì di của Manmohini ở Balgorh sinh ra một bé gái. Hôm tháng 8 tây vừa rồi, cô gái nhỏ này tới viếng Bamoumuller với mẹ nó. Tình cờ đi ngang qua Krolbéria, cô mới chỉ cái nhà của Ramshadon và nói rằng: “Cái nhà, cái vườn, với cái hồ nước vốn của chồng đời trước tôi.” Mẹ cô và cô mới vô nhà. Cô bé vái chào một bà già ở đó rồi nói tiếp: “Bà này là bà già chồng của tôi hồi đời trước, phòng này là phòng của tôi, còn các đứa trẻ kia là con của tôi.” Cô bé mới nói với Ramshadon: “Anh là chồng của tôi” và nài nỉ: “Anh hãy cưới tôi, không thì tôi tự vận, tôi chết.” Ramshadon mới biểu cô bé đem vài bằng chứng. Cô bé nói: “Lúc tôi chết, người ta may 6 ru bi (roupie) trong áo dài tôi mà anh lắt lẩy đi, anh hãy nhớ lúc tôi nằm trên giường chờ chết, tôi hỏi một chút ít tiền bạc và đồ trang sức cho đứa con trai đầu lòng của tôi. Tôi để lại cho anh một cái chậu đỏ và vài miếng ru bản (ruban) để cột tóc ở trên vách tường và hai cây trâm cài đầu ở trong rương. Ramshadon tìm gặp lại hai cây trâm đã dính đầy những bụi. Cô bé mới biểu Ramshadon kiểm trong rương coi cái áo nhiễu của cô còn tốt hay không? Ramshadon kiểm gặp mà rách hai chỗ. Cô bé liền muốn biết lý do, vì lúc

cô mặc nó chỉ rách một chỗ. Người ta hỏi ra mới biết cô dâu của Ramshadon bận áo đó làm rách một chỗ nữa.

Cô bé nhìn biết các đứa con và những người bà con khác và cô kể tên ra. Một người đàn bà hỏi cô bé: “Cô có biết tôi là ai không?” Cô bé trả lời rằng: “một ngày kia dì gần chết đói, đi lại xin tôi đồ ăn. Tôi cho dì một bát cơm, dì gọi tôi là mẹ dì, bây giờ dì có nhìn tôi được không?” Ramshadon mới nói với cô bé, anh không thỏa thuận về sự cưới cô lại, vì anh đã 45 tuổi mà cô bé mới vừa 11 tuổi, nhưng cô bé nài nỉ nói rằng: sau khi cô đi thì mấy đứa con cũng quyết định như cô. Cô không muốn về nhà cha mẹ cô, cô kêu cha mẹ cô bằng dì dượng, cha mẹ cô phải ép buộc cô về nhà. Nhưng một ít lâu Ramshadon bằng lòng cưới cô.

Krolbéria ở cách thành Calcutta có 10 dặm Anh, cái chi thuộc về hộ tịch thì về quyền tái phán của Séaldah. Người ta mới cậy ông Babu Taraknath Riswas, giám đốc văn phòng Séaldah, điều tra việc này cho chắc sự thật. Ngày 17 tháng Baisah mới rồi, Ramshadon và vài người ở Krolbéria đi qua Séaldah để ghi giấy tờ. Babu Taraknath thừa dịp đó bèn hỏi thăm sự tích. Ramshadon trả lời rằng: “Những điều mà các báo đăng ra đều đúng với sự thật, và những người khác ở chung một làng với anh sẽ chứng chắc các điều đó như anh vậy.” Anh quả quyết rằng cô bé biết mặt hết những người trong làng mà kiếp trước nó có giao thiệp. Khi cô bé nghe Ramshadon không

cười cô thì cô thường khóc lóc. Ramshadon và hương chức mỗi ngày đều nhận thư khắp nơi người ta gửi tới hỏi thăm cho biết rành rẽ việc lạ lùng ấy. Bởi các ông chẳng có thể trả lời riêng cho từng người, nên cây ông Taraknath kiếm giùm một cách để làm vừa lòng họ. Tanaknath liền chịu lãnh phần trách nhiệm cho thiên hạ biết đích xác câu chuyện luân hồi này để cho các nhà thông thái Âu Châu có cơ hội học hỏi. Tờ chứng nhận in ra và ký tên: Amabika Charon Gupta.”

NHỚ CHUYỆN KIẾP TRƯỚC

Trong thành Havane (Cuba) có hai vợ chồng ông Esphugas Cabrera sinh đặng một trai tên là Edouard, năm nay được 4 tuổi. Em bé này sáng lắm và có tánh nói nhiều. Chỗ ngụ của Esphugas vẫn luôn luôn ở đường San José số 44 tại Havane. Nơi đó Torquato Esphugas hùn với một người khác làm chủ một cái nhà in “Thạch bản” (Typo-litho-graphique). Em bé Edouard sinh tại nhà này. Cách ít lâu đây, em bé nói với mẹ nó là bà Cécile Cabrera như vậy: “Má, tôi có một cái nhà khác hơn cái nhà này, hồi trước tôi ở trong một cái nhà sơn màu vàng tại đường Campanario số 69; tôi nhớ chắc chắn như vậy.” Lúc đó bà Cabrera không cho các lời này là quan hệ, song vài bữa sau cậu bé lại nhắc lại một lần nữa, làm cho cha mẹ em để ý tới. Hỏi nhiều câu thì em trả lời như thế này: “Hồi tôi còn ở Campanario số 69, cha tôi tên

Pierre Saco, mẹ tôi tên Amparo. Tôi nhớ tôi có hai người em nhỏ tên Mercedes và Jean, tôi thường chơi giỡn với chúng nó. Lần chót hết tôi ra khỏi nhà sơn màu vàng, ấy là ngày chúa nhật 28-2-1903 và người mẹ khác tôi khóc dữ lắm và từ ngày đó tôi đi xa nhà của tôi. Người mẹ khác đó da trắng, tóc đen, bà làm những nón. Lúc ấy tôi 13 tuổi và tôi mua thuốc của nhà thuốc người Mỹ, vì họ bán rẻ hơn. Tôi để xe máy tôi ở phòng phía dưới, khi tôi đi chơi về. Tôi không phải tên Edouard như bây giờ mà tên Pancho.”

Nghe lời tường thuật rành rẽ và một cách vừa chắc chắn vừa lạ lùng của một đứa trẻ 4 tuổi, cha mẹ Edouard ngần ngại không biết tính sao. Lại một nỗi Edouard chưa hề đến nhà số 69 đường Capanario bao giờ. Sự cảm xúc vừa qua rồi thì hai vợ chồng Esphugas Cabrera mới suy nghĩ về những lời tường thuật của đứa nhỏ có sự thật hay không. Vài ngày sau, cha mẹ Edouard dẫn em đi chơi, sau khi qua một khúc queo thì tới số nhà 69, đường Capanario mà Edouard và cha mẹ em cũng không biết nữa. Nhưng khi đi tới thì Edouard nhìn được liền. Em la lên: “Đây này, cái nhà tôi ở hồi trước đó.” Cha mẹ em mới nói: nếu quả thật thì con hãy vô đó đi. Cậu bé chạy vô trong, đi lại thang leo lên lầu, vô trong các phòng dường như quen biết từ lâu rồi. Nhưng trở xuống lập tức, buồn vì không gặp cha mẹ em, mà gặp những người lạ mặt. Em cũng không kiếm được đồ chơi mà hồi trước em chơi rất vui với Mercedes và Jean.

Hai vợ chồng Esphugas Cabrera lấy kết quả của cuộc thử lần đầu tiên như thế, bèn tìm kiếm thêm nữa để có đủ những bằng chứng xác thật. Nhờ có chánh phủ giúp sức, kết quả của cuộc điều tra như vậy:

1 – Căn nhà số 69, đường Capanario vốn có Antonio Saco mượn ở cho tới sau tháng 2-1903 một ít lâu; hiện giờ Antonio Saco không có mặt tại Havane.

2 – Vợ của Saco là Amparo sinh ba đứa con trai tên là Mercédès, Jean và Pancho.

3 – Trong tháng 2, Pancho chết, sau khi đó gia quyến ông Saco thôi ở nhà đó.

4 – Gần nhà đó có một tiệm thuốc mà cậu Edouard quả quyết rằng em có đi tới đó. Nhiều tờ báo thần linh bên Mỹ Châu như Fiat Lux de Ponce (Porto Rico), Constancia de Buenos Ayres Réformador de Rio de Janeiro, v.v... đều có đăng bài này năm 1907."

CHUYỆN CON ÔNG HOÀNG ÉMILE DE V V.

Ngày 18-9-1874, ông hoàng Émile de V V. ở Vervev, nước Thụy Sĩ (Suisse) có viết cho tòa soạn báo Thần Linh (Revue Spirite) bức thư này để cho biết hiện tượng lạ lùng xảy ra cho đứa con trai thứ nhì của ông mới có 3 tuổi.

“Cách vài tuần nay, đưa con trai tôi đang chơi và nói chuyện ở trong phòng làm việc của tôi, bỗng chút tôi nghe nó nói tới nước Anh, theo sự biết của tôi thì không ai nói nước Anh cho nó nghe cả, tôi lắng nghe và hỏi nó: “Con biết nước Anh sao?” Em bèn trả lời: “À, biết chớ. Ấy là xứ tôi ở hồi đó, lâu lắm rồi.”

- Con còn nhỏ như bây giờ phải không?
- Không, tôi lớn hơn, tôi có râu dài.
- Mẹ và cha con có ở đó không?
- Không, tôi có một người cha và người mẹ khác.
- Con làm gì ở đó?
- Tôi ưa chơi lửa lắm, rồi có một lần kia tôi phỏng nặng quá, nên chết đi.”

CHUYỆN CÔ KUMARI SHANTI DEVI KIẾP TRƯỚC Ở MULTRA THÁC RỒI TÁI SINH TẠI DELHI

Chuyện này làm chấn động dư luận thế giới, vì nó có quan hệ với triết lý của cuộc đời.

Dưới đây là bài điều tra kỹ lưỡng của ba ông: Lala Deshbandhu Gupta, chủ nhiệm báo The Daily Tej, nhà lãnh tụ ái quốc Pandit Neki Pram Sharma và trạng sư Chand Mathur, gửi cho báo chí.

“Shanti tới 4 tuổi cũng như đứa câm, không nói. Qua 4 tuổi rồi nó bắt đầu nói những việc mà dường như là kết quả sự nhớ lại chuyện kiếp trước do sự liên tưởng mà ra. Thí dụ như người ta cho nó ăn thì nó nói: “Tôi ăn bánh nào đó tại nhà tôi ở Muttra.” Khi mẹ nó mặc quần áo cho nó thì nó tả cách nó mặc hồi kiếp trước tại Muttra. Nó thường nói: “Nó thuộc về hạng Choban và chồng nó là người buôn bán vải. Nó cho thêm những chi tiết về cái nhà của nó, nó nói nhà nó sơn màu vàng và kế cận thì có nhiều tiệm đặc biệt.” Ban sơ cha mẹ nó tưởng các lời lạ lùng này vốn là chuyện nhảm nhí của trẻ con, nên không để ý tới. Nhưng nó lặp lại mãi. Cha mẹ nó không muốn khời chuyện ấy ra, vì theo tục lệ Ấn Độ, đứa nhỏ nào nhớ chuyện kiếp trước thì thường không sống được lâu, nếu các chuyện ấy có thật. Cô bé Shanti thường tỏ ý muốn đi Muttra. Những người lân cận đều rõ biết việc đó.

Cho tới 2 năm chót đây, cô bé không tỏ thật tên chồng nó ra (chồng kiếp trước). Khi cha mẹ nó hỏi nó thì nó trả lời một cách rụt rè rằng: nó gặp thì nó biết. Ấy là do tục lệ bên Thiên Trước, ai cũng biết người đàn bà vì khiêm tốn nên không hề nói tên chồng mình.

Cách một năm rưỡi nay, một ngày kia ông cậu của nó là ông Bishan Chand, giáo sư trường Ramjasschool, Darya Ganj, Delhi, tới thăm nó và biểu nó nói tên chồng kiếp trước của nó và quả quyết: nếu

nó nói thì dắt nó đi Muttra. Con bé bèn nói nhỏ bên tai ngài: ấy là Pundit Kedar Nath Chaubey. Ông giáo sư hứa để điều tra trước khi dắt nó đi. Lâu lâu thì nó hỏi thăm tin tức sự tìm kiếm đó, nhưng mà ông giáo sư đồng ý với cha mẹ nó, nên để câu chuyện đầu năm đó, không muốn tìm hỏi cái nhà hồi kiếp trước.

Trong bữa lễ Dushera, ông giáo sư thuật câu chuyện này cho ông Lala Kishau Chand M.A. vốn là hiệu trưởng đã hồi hưu ở số 7, đường Darya Ganj, tại Delhi nghe chơi. Ông này tỏ ý muốn biết đưa nhỏ. Trong cuộc gặp gỡ với ông hiệu trưởng, cô bé mới cho địa chỉ của “Kedar Nath” và tả hình trạng cái nhà của nó.

Ông Lala Kishau Chand ghi vào sổ địa chỉ của cô bé nói và viết một cái thư cho Pandit Kedar Nath. Ngài và nhiều người khác rất ngạc nhiên khi được thư của Chaubey Kedar Nath trả lời rằng những việc đó có thật. Trong thư Kedar Nath lại đại khái ngộ ý rằng anh có một người bà con tên Pundit Kanji Mal, làm trong sở ông Bhana Mal Gulzari tại Delhi và xin cho người này giúp mặt với cô bé. Người ta đồng ý. Chẳng những cô bé nhận được Kanji Mal là bà con còn nhỏ tuổi của chồng kiếp trước cô và cô trả lời rất trúng những câu hỏi về việc kín nhiệm trong gia đình. Sự lạ lùng càng tăng thêm; Kanji Mal bèn kêu anh là Kedar Nath Chaubey từ Muttra đi qua Delhi.

Pandit Kedar Nath Chaubey đi với đứa con trai 10 tuổi và người vợ sau, tới Delhi ngày 13-11-1935. Mới vừa gặp thì cô bé nhận ra Kedar Nath Chaubey là chồng trước của mình. Thấy chồng và con, cô bèn khóc tãt tức trọn một giờ đồng hồ. Kedar Nath Chaubey được phép hỏi cô bé vài câu chuyện thầm kín trong gia đình để thử coi ký ức của cô bé thế nào? Những câu trả lời của cô bé đều trúng hết làm cho Kedar Nath động lòng sa nước mắt. Khi người ta hỏi ý kiến của ông thì ông đáp rằng: “Tôi quả quyết ấy là linh hồn vợ trước tôi thác tại Muttra, ngày nay đâu thai làm cô bé.”

Cô bé nhìn Chaubey và tỏ dấu thương yêu như tình mẹ con. Cô mới xin mẹ ruột của cô bây giờ cho đứa nhỏ vài món đồ chơi, mà cô nóng nảy cho đến nỗi không đợi bà mẹ chọn lựa, cô lấy xâu chìa khóa đi mở cửa phòng lấy cho đứa nhỏ một món đồ chơi và một bộ bài cào.

Khi Kedar Nath và đứa con trai muốn ra khỏi nhà thì cô bé xin cho cô đi theo. Người ta tưởng tốt hơn là kêu xe cho tất cả lên đi để tránh sự hội ý nhau có thể xảy ra.

Sau khi đi dạo chơi rồi, cô bé trở về, nó nắm tay đứa con nó, theo sau là cha ruột nó và Kedar Nath. Buổi chiều đó nó rất vui vẻ. Theo lời nó xin, Kedar Nath và đứa con trai ở lại Delhi hai ngày nữa, y có nhiều dịp coi chừng cử chỉ của cô bé.

Chiều ngày 15-11-1935, Kedar Nath và đưa con trai phải về Muttra. Khi cô bé hay tin đó thì muốn đi theo, mà cha mẹ cô không bằng lòng. Muốn cho cô quên, người ta mới dắt cô lên xe đi chơi và đi coi hát bóng.

Nhưng cô bé một mực quyết đi Muttra, và từ khi gặp chồng cô tới sau thì cô càng nài nỉ hơn nữa. Cô cứ nói quả quyết rằng nếu người ta dắt cô đi Muttra thì cô biết nhà chồng cô liền.

Cô bé tả rành mạch tôn miếu Vishrant Gat ở Dwarkadhish, những đường dắt đi tới nhà chồng cô, cũng như cô đã sống và ở tại đó. Cô bé lại nói thêm rằng: cô có chôn giấu tiền ở dưới đất trong một căn phố ở nhà cô tại Muttra và cô có nguyên cứng 100 rubi (roupies) trong số đó cho tôn miếu Vishrant Ghat. Cô có nói chuyện đó cho Kedar Nath Chaubey hỏi ông này lại Delhi.

Cha mẹ cô bé và bà con cô, giữ phong tục xưa nên không chịu mạo hiểm cho cô đi. Nhưng chúng tôi giải bày cho cha mẹ cô bé nghe, sau rốt ông bà bằng lòng, rồi chúng tôi tất cả 15 người, kể luôn ổng bà nữa, đồng đi Muttra ngày 25-11-1935. Chúng tôi đem theo một người nhiếp ảnh để chụp những ảnh cần thiết. Khi đưa bé bước lên xe lửa rồi thì chúng tôi xem xét từ cửa chỉ của nó và ghi chép kỹ lưỡng. Lúc cô bé lên xe ngồi rồi thì chúng tôi thấy gương mặt nó tỏ vẻ hân hoan, khác hơn ngày thường trọn ba giờ đồng hồ của

cuộc hành trình. Xe gần tới Muttra, sự vui mừng của nó lộ ra . . . Nó nói rằng: Giờ chúng ta tới (nghĩa là 11 giờ sớm mai) thì tôn miếu Vishrant Gat đã đóng cửa. Những tiếng nói của nó nói là: “Mandir ko pat band ho jayenge” thường dùng ở Muttra. Khi chúng tôi gần tới ga thì cô bé bỗng trở lại nghiêm nghị dường như hoàn cảnh phản động lại nó.

Nó nhìn ra cửa sổ xem tất cả một cách rất kỹ lưỡng, khi xe vào nhà ga thì cô la lên: “Muttra Agai! Muttra Agai! (Tới Muttra rồi! Tới Muttra rồi). Dường như người ta biết chúng tôi tới Muttra, cho nên có nhiều người và cả những thân hào tại đó, tới chực ở bến xe. Nhưng mà những lối đi chúng tôi đã vạch sẵn rồi. Chúng tôi khuyên những người trong bọn họ đứng tránh xa chúng tôi để chúng tôi đi với cô bé. Người ta nghe theo lời yêu cầu của chúng tôi cũng làm in như vậy, để chúng tôi đi thông thả. Và nhìn nhận rằng về phương diện đó người ta vẫn giúp sức chúng tôi.

Khi tới Muttra rồi, việc thành linh làm cho chúng tôi chú ý tới, xảy ra tại bến xe.

Ông L. Deshbandhu bỗng cô bé. Ông đi chưa được 15 bước bỗng có một người lớn tuổi ăn mặc theo cách riêng biệt ở thành thị, chen lộn với đám đông tới đứng trước mặt cô bé. Người ta hỏi cô bé biết ông đó không?

Cô bé chưa gặp ông lần nào nhưng khi thấy ông nó liền tuột xuống cúi hôn chân ông đó một cách kính cẩn rồi đứng dựa một bên. Người ta hỏi ông đó là ai, thì cô bé kê miệng vô lỗ tai ông Lala Deshbandhu nói nhỏ rằng: ấy là “Jeth” của cô. Jeth là anh cả của người chồng cô. Việc đó thành linh làm cho ai nấy đều ngạc nhiên vì ông đó quả thật là anh cả của chồng cô tên “Babu Kam Chaubey.”

Khi ra khỏi bến xe, chúng tôi lựa riêng một cỗ xe, không dùng những xe của các người đánh xe đem mời chúng tôi. Cô bé ngồi băng trước, và xe chúng tôi dẫn đầu các xe kia. Chúng tôi đã tính đủ cách đề phòng không cho những người đi bộ chỉ đường. Chúng tôi căn dặn người đánh xe đi theo đường của cô bé chỉ, không cần phải biết chúng tôi đi đâu. Cô bé dẫn chúng tôi đi ngang qua Holi Gate không khó khăn chút nào. Cô bé dùng chỗ đó như chỗ nhắm để từ bến xe vô nhà cô. Chúng tôi có hỏi tên nhiều nhà và nhiều con đường: cô bé đều trả lời trúng hết. Thí dụ cô nói: hỏi cô còn sinh tiền đường nhà ga chưa tráng nhựa, cô chỉ nhiều dãy nhà mới và nói: Hỏi đó chưa cất. Cô tả Holi Gate một cách đúng đắn trước khi chúng tôi tới đó. Cô bé cứ chỉ đường cho tới khi chúng tôi tới đầu một con đường đây những tiệm tạp hóa. Cô bảo xe ngừng và chỉ một con đường đặc biệt dắt vô nhà cũ của cô. Để xe đó, chúng tôi xuống đi bộ theo cô Shanti.

Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên một lần nữa, khi cô bé thấy một ông già 75 tuổi, cô cúi đầu chào rất lễ phép, hôn chân ông và nói ấy là cha chồng cô.

Cử chỉ tự nhiên của cô làm cho nhiều người đi xem lấy làm cảm động lắm. Cách xa đó một chút cô bé chỉ nhà của cô, đầu rằng bây giờ nó không phải sơn màu vàng và nhà đó người khác đã mượn. Người ta đem cô vô, có hai vị thân hào ở tại Muttra chú ý tới sự điều tra của chúng tôi nên đi theo chúng tôi. Cô bé chỉ phòng của cô thường ở. Muốn thử cô, một vị thân hào mới hỏi cô có thể chỉ cái “Jai Zarur” của cái nhà không? Đối với dân chúng tại Delhi, tiếng Jai Zarur là tiếng Hê-bơ (Hébreu) nghĩa là cầu tiêu.

Các người có mặt tại đó đều lấy làm ngạc nhiên khi cô bé nghe hỏi, không suy nghĩ xuống thang lâu chỉ cầu tiêu cho vị thân hào coi, dường như trong nhà chỗ nào cô cũng biết cả.

Muốn tránh công chúng và muốn được đeo đuổi cuộc điều tra của chúng tôi trong bầu không khí yên lặng. Chúng tôi mới dắt cô bé lại một Dharamshala. Tại đó cô nhìn được người em của cô năm nay đã 25 tuổi và một người cậu bà con sui gia. Một việc làm cho chúng tôi chú ý một cách đặc biệt là cô bé ở Muttra coi rất thơ thới. Thấy chúng tôi ăn chằm rãi, cô bé mới nhắc cô phải đi tới một cái nhà khác, chỗ cô đã giấu tiền. Chúng tôi mới dắt cô qua một con đường hẻo lánh để tránh sự tọc mạch của dân chúng.

Đọc đường chỉ là cố dẫn chúng tôi và cố nhìn được cái nhà của cô một cách dễ dàng. Cố nói, cô đã ở trong nhà đó hơn nửa đời người, mà nhà đó hiện giờ gia quyến của Pandit Kedar Nath còn ở đó nữa.

Những tấn tuồng diễn ra sau khi chúng tôi vô nhà này phá tan hết thảy các mối hoài nghi về sự chân thật của câu chuyện này. Cô bé vô nhà này cũng như lúc cô còn làm chủ. Pandit Neki Ram biểu cô nói cái giếng mà cô nói hôm cô ở Delhi cho ông coi.

Cô bé chạy ra cái sân nhỏ ở trong nhà nhưng cô lính quỳnh khi không thấy cái giếng ở đâu, song cô chắc ý lắm, cô lấy tay chỉ vào một góc sân và nói: “Kuan Yiham tha” (cái giếng ở đó). Chừng Kedar Nath Chaubey lấy cục đá lấp ở miệng bìa cái giếng ra, thì cô tỏ dấu hân hoan, vì người ta đã bít miệng giếng mấy năm rồi.

Khi người ta hỏi tiền chôn ở đâu thì cố bảo chúng tôi theo cố lên tầng lầu trên. Điều đó lạ thật vì không có ai tưởng tượng rằng tiền đem chôn ở trên lầu được. Nhưng cố quả quyết lắm, cố dắt chúng tôi lại phòng cửa sổ, phòng này bây giờ khóa chặt. Người ta xin Chaubey mở ra. Nhưng phải chờ đi lấy chìa khóa. Cô bé nóng nảy nhìn vào kẽ vách nói rằng phòng đó của cô và tiền ở trong ấy. Khi vào phòng, cô bé nhìn quanh một vòng rồi lấy chân đế trên một góc mà nói: “Tiền ở đây.” Chaubey Kedar Nath ngần ngại một chập, chúng tôi không hiểu vì lẽ nào, nhưng phải

chiều lòng cô bé. Người ta đào chỗ đó lên lối 3 tấc thì gặp một ga la (galla) (một chỗ theo tục đời xưa để giấu một vật quý) nhưng không có tiền, cô bé không chịu số tiền đó mất, cô tự bươi đóng đất lên, trong vài phút nhưng thất vọng khi không thấy chi cả. Cô cứ nói: “Tiền tôi để đó.” Về sau, chúng tôi hay rằng Kedar Chaubey đào lấy số tiền đó khi cô từ trần (kiếp trước).

Khi chúng tôi định từ giã nhà đó để đi lại rạch Jumna thì cô bé vụt nói quần áo của cô mặc đi tắm để ở trong phòng dưới đất. Cô rất buồn bực mà ra khỏi nhà xưa.

Hồi ở Delhi cô không nhớ cha mẹ cô kiếp trước. Chừng chúng tôi dắt lại nhà cha mẹ cũ của cô ở một con đường gần Muttra, thì cô nhìn được nhà và vô nhận được cha mẹ cô, cô đứng chung trong đám đông 50 người. Cô ôm cha mẹ cô, còn ông bà thấy cô bé thì khóc than thảm thiết.

Còn chúng tôi, mỗi người đều tưởng rằng: quên chuyện kiếp trước là một hạnh phúc rất lớn. Chúng tôi thú thật, chúng tôi mang một trách nhiệm nặng nề khi cô bé về Muttra. Chúng tôi phải bắt cô bé lìa cha mẹ kiếp trước và chúng tôi bỏ chốn đó đi liền, không tìm kiếm thêm những bằng cứ khác nữa. Cô bé lên xe đi lại tôn miếu Dwarkadisk. Khi cô thấy tôn miếu thì cô reo lên những tiếng vui mừng. Cổ quì trước cửa như kính cẩn tôn trọng một vị thần thánh nào.

Chuyện chót mà cô bé đã nhìn biết tại Muttra là Vishrant Ghat trên con rạch linh thiêng Jumna. Cô nói hồi kiếp trước, cô thường tắm ở nơi đó. Khi tới Ghat cô năn nỉ xin múc nước rạch cho cô uống rồi tự nhiên cô thấy bông ở trong tràng hoa của cô mang đem cúng. Cô muốn ở lại chốn đó lâu một chút nhưng không thể được.

Lối 10.000 người hội họp lại trong miếng đất của một trường trung học tại chỗ đó, trong đám ấy có mặt những người đã chứng kiến cuộc điều tra của chúng tôi. Chúng tôi mới thuật lại những điều đã xảy ra mà chúng tôi đã thấy với cô bé. Dân chúng Muttra ngó ý muốn cho cô bé ở lại vài ngày nữa, nhưng chúng tôi không thể làm vừa lòng họ, vì những lẽ mà chúng tôi mới kể ra trên đây.

Chiều lại, lúc trở về Delhi, cô bé mỏi mệt nằm ngủ, không nói chi hết, đáng lẽ người ta phải để cô bé ở lâu hơn nữa tại Muttra.”

(Phỏng dịch từ phúc trình của hội Liên Minh quốc tế da trắng ở Delhi.)

(Rapport de la ligue internationale Aryene de Delhi)

MỘT CHUYỆN NHỚ LẠI NHỮNG KIẾP TRƯỚC RẤT LẠ LÙNG

Từ 6 tháng nay, tại Turin (một thành ở nước Ý) những y sĩ chữa bệnh thần kinh, những nhà sử học, khảo cổ, chuyên môn về khoa khuyết sử thời đại tự hỏi: Có phải các ngài bị một tên đại bọm phình phờ hay là đứng trước một hiện tượng mà vì trình độ hiện thời, khoa học không giải thích được.

Ấy là trường hợp của một người tên Lanfranco Davito. Anh nhớ lại đã sống 6 lần trong những thế kỷ đã qua. Về mỗi kiếp luân hồi anh cho những chi tiết và những sự đích thật đem so sánh với sự hiểu biết của những nhà chuyên môn về các thời đại đó thì giống hệt nhau.

(Davito, lính cảnh sát số 556 tại Turin). Người ta dựng lên hai thuyết:

a) Hoặc là tên lính số 556 là một người có tánh đùa cợt phi thường, học hỏi uyên thâm về các khoa: khuyết sử thời đại, sơ sử thời đại và cổ đại sử, một ông Pic de la Mirandole³, vì mua vui nên mang áo cảnh sát thành phố.

b) Hoặc là hội bác sĩ đứng trước trường hợp của một người đã sống nhiều lần trên quả địa cầu chúng ta và nhớ lại rõ ràng những kiếp trước của anh.

³Xin xem lại chỗ các vị thần đồng.

Trước hết Lanfranco Davito là ai?

Đối với các ông chủ anh và những bạn đồng nghiệp của anh thì Lanfranco Davito là tên lính số 556, chớ không có ai khác hơn nữa. Anh ở một căn phố nhỏ số 240, đường Via Fossata, nhà không có tủ sách, sống một cách yên ổn, vợ tên Lina. Và làm việc bốn phận đúng đắn, không có ai trách anh về sự nông cuồng lẫn nào cả.

Đối với các vị bác sĩ chữa bệnh thần kinh thì Lanfranco là một người bình thường, không có bệnh hoạn, không có thói dị kỳ, ăn nói thật thà chất phác, tỏ dấu là một người bực trung. Còn đối với những vị học thức uyên thâm thì anh là một người chứng kiến lạ lùng đời tối cổ, hồi các đô thị xây trên mặt hồ (cité lacuste) hoặc từng sống hồi đời vua Sennachérib.⁴ Những giai đoạn mà anh thuật về cách sinh hoạt của xã hội trải qua trong các thời kỳ liên tiếp của lịch sử, không những phù hợp với những điều mà các nhà bác sĩ đã biết mà lại còn chứa đây những sự đích thật, các việc này không thể nào bịa đặt ra được, nói rằng anh tưởng tượng ra thì thật là vô lý.

Mà làm sao Lanfranco nhớ lại quá khứ quái dị ấy? Theo anh thì việc đó đã xảy ra rất dễ. Một ngày

⁴ Vua Sennachérib cai trị xứ Á Thuât (Assyrie) từ năm 705 tới 681 trước Chúa giáng sinh.

kia trong năm 1939, anh đi qua quảng trường Carducci tại Turin (Place de Carducci) bỗng anh gặp một người có màu da nâu lợt mà gương mặt không phải lạ với anh. Anh gặp y hồi nào? Anh tìm kiếm trong trí nhớ thì bỗng một tia sáng hiện ra trong não. Anh thấy một cảnh tượng phi thường, lúc ban đầu làm cho anh tự hoài nghi mình không được tỉnh trí. Anh thấy rằng người có màu da nâu lợt cầm một chày vồ đập vào đầu anh một cái hết sức mạnh. Thất sắc, mồ hôi trán nhỏ giọt. Lanfranco, tên lính số 556, hồi tưởng lại 6.000 năm trước, tấn bi kịch đã diễn ra, sau đó anh bỏ mình lên thứ nhứt. Một dọc hình từ chỗ tối tăm trong ký ức của anh vụt hiện ra rõ ràng, dường như anh chàng có màu da nâu lợt mà anh gặp tại quảng trường Carducci đã phanh phui ra một cách bí mật, làm cho anh phải hãi hùng.

Vốn tánh thật thà, Lanfranco phải chống chọi với cơn ác mộng của anh lâu lắm; anh không dám tỏ nỗi niềm tâm sự cho ai biết. Nhưng mà những hình ảnh hiện ra càng ngày càng rõ ràng, chắc chắn và đầy đủ. Trước hết anh thấy sống ở bờ hồ trong một cái chòi, câu cá và chiến đấu với bọn khỉ. Nhưng kiếp đó anh bị một người lạ, không phải ở một bộ lạc với anh, tức là chàng có màu da nâu lợt mà anh mới gặp đó, kết liễu bằng một cú chày vồ.

Kiếp kế đó thấy anh sống hồi đời vua Sennachérilbe. Anh chịu gian nan, khổ cực trên các con đường ở Chaldée và có ra trận mạc ở Judée nữa.

Qua kiếp thứ tư anh đầu thai ở Tiểu Á Tế Á (Asie mineure) v.v ...

Được cái kỹ năng lạ lùng này, Lanfranco lấy làm sợ sệt, song anh vượt qua được tánh nhút nhát tự nhiên của mình, bèn hỏi thăm một bác sĩ chữa bệnh thần kinh về trường hợp của anh. Y sĩ bảo anh thuật lại đầu đuôi rồi ngài mới mời các nhà sử học, những nhà thông thái chuyên môn khảo cứu về cổ tích nước Á-Thuật (Assyrie) lại chứng kiến. Các vị này lại chất vấn Lanfranco cả trăm câu. Lanfranco đều trả lời trúng cho đến đôi các nhà thông thái đều sùng sốt.

Bây giờ đây, Lanfranco, tên lính số 556, là một hiện tượng mà các nhà thông thái nhìn với cặp mắt vừa lạ lùng vừa nghi kỵ.

Anh đó là người gì mà đã sống 6 lần rồi?

Mà Lanfranco trong khi canh gác sự thông thương trên quãng trường nhà ga “La Gare” cũng bâng khuâng mà tự hỏi: Ủ! Tôi là ai đây?

Nhưng vợ anh, cô Lina kết luận:

Miễn điều đó giúp ở nhà tôi lên chức đội.

(Phỏng dịch theo báo La Presse số 202, ngày 26-9-1949)

ĐẦU THAI LÀM CON HAI LẦN

1. Báo Banner of Light tại Boston ngày 15-10-1892 có đăng chuyện này vốn của ông Issac G. Forster là một người có danh giá thuật lại.

“Mười hai năm trước tôi ở địa phận Effingham (Illinois), tôi có bỏ một đứa con gái tên Mari tuổi vừa cập kê. Năm sau tôi không ở Effingham nữa, tôi qua ngụ tại Dakota, vợ tôi sinh đặng một gái đặt tên Nê Ly (Nellie) năm nay được 9 tuổi. Hồi nó biết nói cho tới bây giờ, không chịu nhận tên Nê Ly, cứ nói nó tên Mari mà thôi. Mới đây tôi có việc, nên trở về Effingham, tôi dẫn Nê Ly theo. Tới đó em biết liền nhà cũ của tôi và nhiều người mà Mari quen thuộc hồi trước. Nê Ly không thấy cảnh trường học của Mari học khi xưa lần nào mà em diễn tả trúng hết. Trường này cách nhà cũ của tôi lối 1.500 thước. Nê Ly xin tôi dẫn lại trường đó; khi đến nơi em chạy lại chỗ ngồi hồi trước và nói rằng: “Chỗ này là chỗ của tôi đây.””

(Chuyện này cũng có đăng vào báo “Globe Démocrate” ở Saint Louis ngày 20-9-1892 và báo Le Brooklyn Eagle, báo Le Milwaukee Sentinel ngày 25-9-1892.)

2. Năm 1912, đại úy Florindo Batista có gửi bức thư này cho chủ bút báo Ultra ở Ý Đại Lợi để đăng cho thiên hạ xem.⁵

“Nhằm tháng 8-1905, một đêm kia vợ tôi nằm trong phòng chưa ngủ, bỗng thấy đứa con gái nhỏ của tôi thác 3 năm trước, hiện ra bộ tịch vui vẻ chạy lại nói với má em như vậy: “Má ôi, con trở về đây” ... Vợ tôi giật mình ngồi dậy thì con tôi đã biến mất. Lúc ấy có thai được 3 tháng rồi. Chừng tôi về, vợ tôi đang hỏi họp, thuật chuyện lạ lùng đó lại cho tôi nghe. Trong trí tôi tưởng vợ hôn mê nên thấy như vậy, song tôi không muốn cãi cộ với vợ làm chi. Tôi cũng bằng lòng nếu sinh con gái thì lấy tên Bạch đặt lại cho đứa nhỏ.⁶

Lúc ấy tôi chưa biết đạo, ai nói với tôi có sự luân hồi thì tôi cho người đó là điên, vì tôi chắc chắn thác rồi thì không hề khi nào đâu thai lại bao giờ. Sáu tháng sau, nhằm tháng 2-1906, vợ tôi sinh một gái giống in như đứa nhỏ trước, con mắt cũng lớn và đen huyền, tóc cũng rậm và quăn. Tuy giống như vậy chớ trong lòng tôi cũng không tin, mà vợ tôi mừng lắm, vì tin chắc điềm chiêm bao ứng nghiệm, con nhỏ trước

⁵ Bài này có dịch ra tiếng Langsa và đăng vào Thần Linh tạp chí năm 1912.

⁶ “Bạch” “Blanche” là tên đứa con gái đã thác.

đâu thai lại. Bây giờ, đứa nhỏ được 6 tuổi, mạnh dạn và cũng khôn ngoan như chị nó.

Hồi đứa con trước tôi còn sống, tôi có mượn một người đàn bà nước Thụy Sĩ (Suisse) tên Mari để giữ nó. Người này nói ròn tiếng Lang Sa và có một bài ca rất êm tai, hễ cất tiếng ca một lúc thì con tôi ngủ liền.

Khi nó thác rồi, cô Mari trở về xứ sở, hai vợ chồng tôi không cho trong nhà ca bài đó nữa, vì nghe tới thì động lòng nhớ con tôi vô hạn. Đã 9 năm rồi, hai vợ chồng tôi quên phứt bài ca đó đi. Nhưng tuần rồi đây, hai vợ chồng tôi đang ở trong phòng viết, gần phòng con Bạch ngủ, bỗng nghe văng vẳng bài ca đó.

Ban đầu hai vợ chồng tôi không biết tiếng con tôi, chùng đi lại gần phòng nó thì thấy nó ngồi trên giường ca đúng tiếng Lang Sa. Bài ca này không ai dạy nó.

Nó không biết tiếng Lang Sa đâu, có nghe các chị nói một hai tiếng mà thôi. Vợ tôi làm bộ như thường và hỏi nó: “Con ca bài gì đó?” Nó trả lời: “Con ca một bài ca Tây.” Mẹ nó hỏi thêm: “Ai dạy con đó?” Nó nói: “Không ai dạy hết. Con tự biết một mình.” Nói rồi em ca tiếp hết bài một cách rất vui vẻ và dường như trọn đời em không có ca bài nào hay hơn bài đó nữa.”

Sau khi đọc bài này, xin quý bạn tự ý muốn luận cách nào cũng được. Về phần tôi, tôi xin nói: “Con người thác rồi đâu thai lại.”

DỪNG PHÉP THẬU THẦN HỎI CHUYỆN QUÁ KHỨ VÀ CHUYỆN VỊ LAI

Quên chuyện kiếp trước đó là lẽ thường, song sau khi bị thâu thần (một hình thức thôi miên do người có kinh nghiệm thực hiện) ngủ mê man rồi thì con người có thể thuật lại những việc đã làm hồi các năm về trước, lúc còn nhỏ và luôn tới kiếp đã qua rồi. Như chuyện dưới đây:

SÁT PHU QUẢ BÁO

Ông Hoàng Adam de Wiszincwski nhà số 7, đường Débarcadère, Paris có thuật cho tôi câu chuyện sau đây. Có vài người chứng trong vụ này còn sống và chỉ chịu kể tên ra bằng mấy chữ đầu mà thôi.

“Ông hoàng Galitzin, hầu tước B, công tước R, trong mùa hè năm 1862 hội hiệp với nhau tại suối Hombourg. Một buổi chiều kia, sau khi dùng cơm trễ lắm, ba vị mới đi dạo trong hoa viên rạp hát Casino. Bỗng gặp một người đàn bà nghèo khổ nằm trên băng. Ba vị mới lại gần hỏi thăm cô đó, rồi mời cô lại nhà hàng dùng cơm tối. Cô ăn coi ngon lành lắm, xong rồi ông Hoàng Galitzin lại có ý thâu thần cô.

Ngài sẽ bàn tay đưa qua đưa lại trên mình vài ba lần thì cô ngủ. Khi cô ngủ mê man rồi, cô vụt phát nói tiếng Lang Sa rất giỏi làm cho mấy người có mặt tại đó hết sức ngạc nhiên, bởi ngày thường cô chỉ biết nói tiếng thổ ngữ A-lo-măn, song dở lắm. Cô thuật lại rằng cô đâu thai nghèo khổ để đền tội ác của cô đã làm trong kiếp trước hồi thế kỷ thứ 18. Lâu đài cô ở tại Bretagne gần mé biển, vì cô ngoại tình, nên cô xô chồng cô từ trên gành té xuống biển chết liền để cô rảnh tay. Cô chỉ chỗ cô phạm tội một cách rành rẽ. Nhờ mấy lời diêm chỉ đó, ông hoàng Galitzin và hầu tước B đi tới Bretagne chia nhau điều tra hai phía, cái kết quả vẫn in như nhau. Ban sơ ngài hỏi thăm nhiều người, không có ai cho được tin tức chi cả, sau gặp mấy ông kỳ lão, mấy ông nhớ lại có nghe cha mẹ thuật chuyện một người tiểu thơ đài các, nhan sắc mặn mà, xô chồng xuống biển chết. Những điều của người đàn bà khốn khổ ở Hombourg thuật lại, được nhìn nhận là đúng với sự thật. Ông hoàng Galitzin trở lại Pháp đi ngang qua Hombourg có hỏi thăm viên cảnh sát lai lịch người đàn bà đó, thì viên cảnh sát trả lời cô ấy rất dốt, biết nói tiếng thổ ngữ A-lo-măn và sống là nhờ cách đi lại với bọn lính.”

Trong quyển “Những Kiếp Luân Hồi” (Les vies successives), đại tá De Rochas có thuật những sự thí nghiệm của ngài với 19 người đồng tử. Có những chuyện hay, những vị nào muốn khảo cứu về những việc huyền bí nên xem quyển đó. Tôi xin thuật lại

chuyện đại tá thâu thần một vị đồng tử để hỏi việc vị lai cho quý bạn nghe.

“Hồi năm 1900, đại tá hỏi thăm đồng tử những việc đồng tử sẽ làm từ ngày, giờ, cho đến năm 1917, đồng tử trả lời vắn tắt về tương lai của mình. Đại tá hỏi đồng tử: “ Ngài còn giúp việc với tôi không?” Đồng tử lấy làm lạ trả lời rằng: Làm việc với ông hả ! Tôi có biết ông là ai đâu?

– Ủa! Ngài không biết tôi sao?

– Ờ! Ông giống một cách kỳ lạ một người tôi có quen biết, mà tôi không biết ông thật. Ông là ai?

– Sao vậy! Ngài không biết tôi là đại tá Rochas sao?

– Đồng tử vùng bật cười khan. Không mà. Ai cũng biết ông Rochas thác đã 3 năm rồi. Câu trả lời đó làm cho ông Rochas sững sốt cho đến nỗi ông phải làm tỉnh đồng tử liền, bỏ luôn cuộc thí nghiệm.

Quả thật, ông Rochas thác nhằm tháng 10-1914. Tôi xin nói thêm rằng dùng phép thâu thần hỏi chuyện quá khứ, vị lai có điều nguy hiểm đến tánh mạng đồng tử. Phải biết phương pháp và kinh nghiệm 2, 30 năm mới nên thử, người mới học không nên thí nghiệm mà làm chết nhân mạng có ngày.

Nói đến kiếp luân hồi thì có người lo sợ, vì kiếp này đau khổ đã nhiều, e cho kiếp sau cũng không

tránh được tai nạn. Luật trời rất công bình, nếu ta không gieo trồng giống xấu thì bao giờ gặt những trái đèo. Chỉ riêng có con người mới luân hồi mà thôi.

LỜI BÀN

Đọc những chuyện này rồi lấy công tâm xét đoán thì thấy sự luân hồi là chuyện có thật một trăm phần trăm. Những việc siêu hình mà muốn có bằng chứng như những chuyện hữu hình, điều đó không thể nào được. Dầu tin, dầu không, con người cũng không sửa đổi máy tạo được. Dầu muốn, dầu không, con người cũng không thoát khỏi bốn cái khổ: sinh, lão, bệnh, tử; một khi thác rồi, chẳng sớm thì muộn cũng phải luân hồi. Mà tin có luân hồi có ích lợi chi không? Sự ích lợi kể không cùng. Có ai nghĩ rằng nếu các giống dân tộc trên địa cầu đều quả quyết tin sự luân hồi như tin chắc 2 với 2 là 4 thì cuộc diện thế giới sẽ sửa đổi cách ăn thói ở hằng ngày; cách cư xử của nhân quần xã hội sẽ đầy những vẻ thân ái do trong thâm tâm mà ra, chớ không phải ở đâu môi chót lưỡi. Những sự đau khổ mà ta thấy trước mắt hằng ngày sẽ lần lần tiêu diệt, vì một khi người ta biết rằng: gieo giống chi gặt giống nấy và kiếp này là kết quả kiếp trước, thì ít ai dám gieo giống cỏ hay là tiêu ốt bao giờ. Chừng đó không cầu khẩn, không van vái, cõi trần gian cũng sẽ biến thành cực lạc thế giới.

CHƯƠNG THỨ TƯ

NHỮNG NGÔI TINH TỬ

Ban đêm thanh tịnh, ta nhìn lên trời thấy hằng hà sa số những đốm sáng. Ấy là những ngôi sao. Trong các ngôi sao này, có cái nháy mà cũng có cái không nháy. Cái nào nháy là mặt trời, hay là định tinh, cái nào không nháy là trái đất hay là hành tinh. Những hành tinh xoay chung quanh định tinh.

Lấy con mắt phàm mà xem thì ta không phân biệt được ngôi sao nào lớn, ngôi sao nào nhỏ, ngôi sao này cách ngôi sao kia bao xa và vị trí của mỗi ngôi sao. Nhưng nhờ viễn vọng kính mà ngày nay các nhà thiên văn biết được có nhiều tinh cầu lớn hơn ngôi mặt trời của chúng ta, mà cũng có nhiều tinh cầu khác nhỏ hơn.

NHỮNG TINH CẦU LỚN HƠN MẶT TRỜI CỦA CHÚNG TA

Bề trục kính của ngôi mặt trời chúng ta chừng 1.391.000 cây số, bằng 109 lần bề trục kính trái đất. Nhưng tinh cầu Hercule bề trục kính 400 lần lớn hơn bề trục kính của mặt trời chúng ta. Tinh cầu Mira Ceti lớn hơn 300 lần, tinh cầu Pégase 140 lần, tinh cầu Arcturus và Aldébaran 27 và 38 lần.

NHỮNG TINH CẦU NHỎ HƠN MẶT TRỜI CỦA CHÚNG TA

Trái lại, có những tinh cầu mà người ta gọi là “les naines” nghĩa là kém hơn bực trung, nhỏ hơn mặt trời chúng ta. Hiện thời ta biết được ba ngôi sao bề trực kính không tới 50.000 cây số, và một ngôi sao khác chỉ có 10.000 cây số, còn nhỏ hơn trái đất mình nữa.

NHỮNG THÁI DƯƠNG HỆ

Tất cả những ngôi tinh tú trên không trung đều sắp đặt có hệ thống: một ngôi mặt trời ở chính giữa và những hành tinh xoay chung quanh làm ra một thái dương hệ (système solaire). Sự sắp đặt khéo léo này có phải là một sự tình cờ chăng? Không. Khoa pháp môn dạy rằng mỗi thái dương hệ đều có một đấng Chí Tôn sinh ra, xin gọi Ngài là đấng Thái Dương Thượng Đế (Logos d'un système solaire). Hào quang của Ngài tới đâu dứt, chỗ đó là giới hạn thái dương hệ của Ngài.

ÔNG TRỜI HAY LÀ THÁI CỰC THÁNH HOÀNG

Còn đấng Chí Tôn sinh hóa tất cả các đấng Thái Dương Thượng Đế, người ta gọi là Ông Trời, đấng Tạo Hóa hay là Thái Cực Thánh Hoàng. Đạo Thiên Chúa gọi là đấng Chúa Trời; đạo Bà La Môn gọi là Brahma; đạo Hồi Hồi gọi là Allah, đạo những người Bạt si (Parsis) thờ lửa gọi là Ahura Madza . . . còn

nhều tiếng khác nữa như Ishvara, Logos Cosmique, v.v... Ấy là Đấng không sinh mà có, pháp lực vô biên, toàn năng, toàn thiện, trí con người không tưởng tượng nổi.

BA NGÔI CỦA Đấng TẠO HOÁ

Khoa triết học bí truyền dạy: khi đấng Tạo Công muốn sinh hóa vũ trụ thì Ngài chia làm ba ngôi.

Ngôi thứ nhất. – Brahma hay là đấng Chúa Cha , đấng Thượng Đế hay là Thái Cực Thánh Hoàng, Dieu le Père.

Ngôi thứ nhì. – Đấng Chúa Con, Vishnou, Dieu le Fils.

Ngôi thứ ba. – Đấng Chúa Thánh Thần, Shiva, Dieu le Saint Esprit.

Giúp vào công việc của Ngài thì có 7 hiện thân của Ngài, ấy là 7 vị Đại La Thiên Đế (7 Logos planétaires cosmiques). Tất cả tinh tú trong vũ trụ đều thuộc về dưới quyền cai trị của 7 vị Đại La Thiên Đế này.

Mỗi vị thống lãnh cả trăm triệu thái dương hệ.

THÁI DƯƠNG HỆ CỦA CHÚNG TA

Thái dương hệ của ta do đức Thái Dương Thượng Đế, cha lành của chúng ta sinh ra. Nó có 10 dãy hành tinh (chaînes planétaires). Mỗi dãy có 7 bầu. Song có 3 dãy không thấy được, vì không có đất cát và ở trên các cảnh cao. Lấy theo tên của hành tinh có đất cát thì 7 dãy này là:

Dãy kim tinh (chaîne de vénus),

Dãy mộc tinh (chaîne de jupiter),

Dãy thủy vương tinh (chaîne de neptune),

Dãy hỏa tinh (chaîne de vulcain),

Dãy thổ tinh (chaîne de saturne),

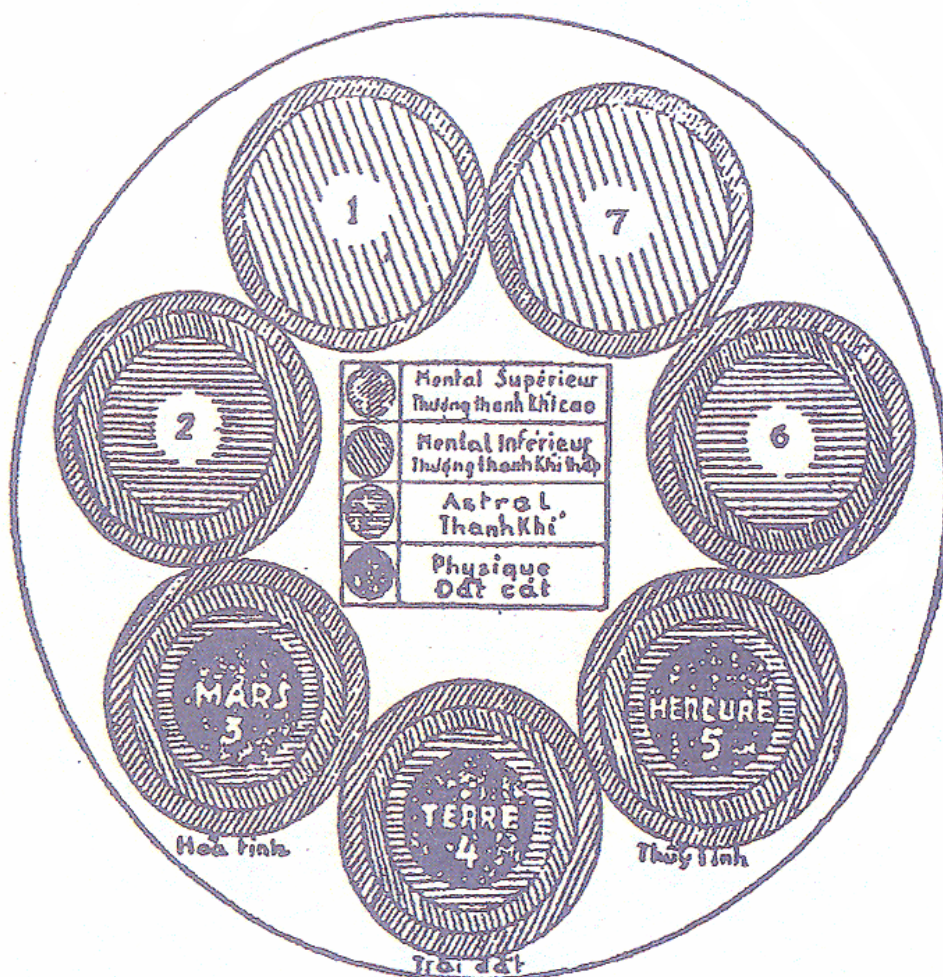
Dãy trái đất (chaîne de la terre),

Dãy thiên Vương tinh (chaîne d'uranus),

Xin xem hình dưới đây thì biết mỗi dãy có mấy bầu hành tinh có đất cát.

DÂY TRÁI ĐẤT HIỆN THỜI

Dãy thứ nhứt, dãy thứ nhì, dãy thứ ba tan rã đã lâu. Nhưng dãy thứ ba còn để lại một di tích là mặt trăng. Mặt trăng bây giờ là một bầu hành tinh khô khan, chờ ngày tan rã. Xin các bạn chú ý tới điều này.

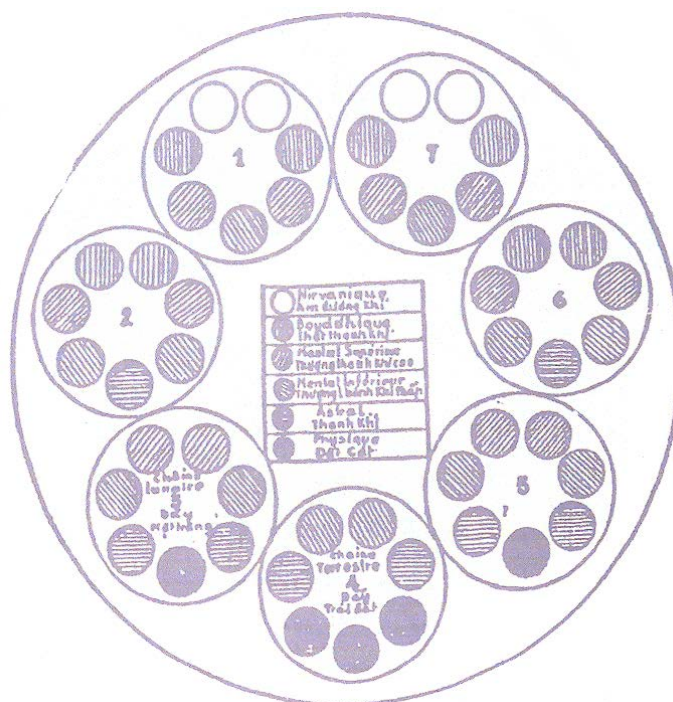


Hễ nhân vật qua ở bầu hành tinh nào thì xác thân phải giống như thể chất của bầu hành tinh đó.

Thí dụ: Trái đất mình ở đây làm bằng chất đặc, cho nên mình mới có xác thân này. Khi nhân vật qua bầu thứ sáu thì thân hình phải làm bằng chất thanh khí, vì bầu thứ sáu làm bằng thanh khí, chớ không phải chất đặc như 3 bầu: hỏa tinh (mars), trái đất và thủy tinh (mercure). Theo luật Nội Cảnh Tuần Hoàn (Ronde Inférieur) hiện thời trên bầu hỏa tinh và thủy tinh còn một số nhân vật ở đó, song họ khác hơn người mình.

MỘT HỆ THỐNG TIẾN HOÁ

BẢY DẪY HÀNH TINH



Mỗi dãy hành tinh của thái dương hệ chúng ta gồm 7 bầu hành tinh và sinh hóa 7 lần.

Hình số 1 là dãy thứ nhất.

Hình số 2 là dãy thứ nhì, v.v...

Muốn biết mỗi bầu hành tinh làm bằng chất khí nào xin xem những hình nhỏ ở trong, tức là chú giải.

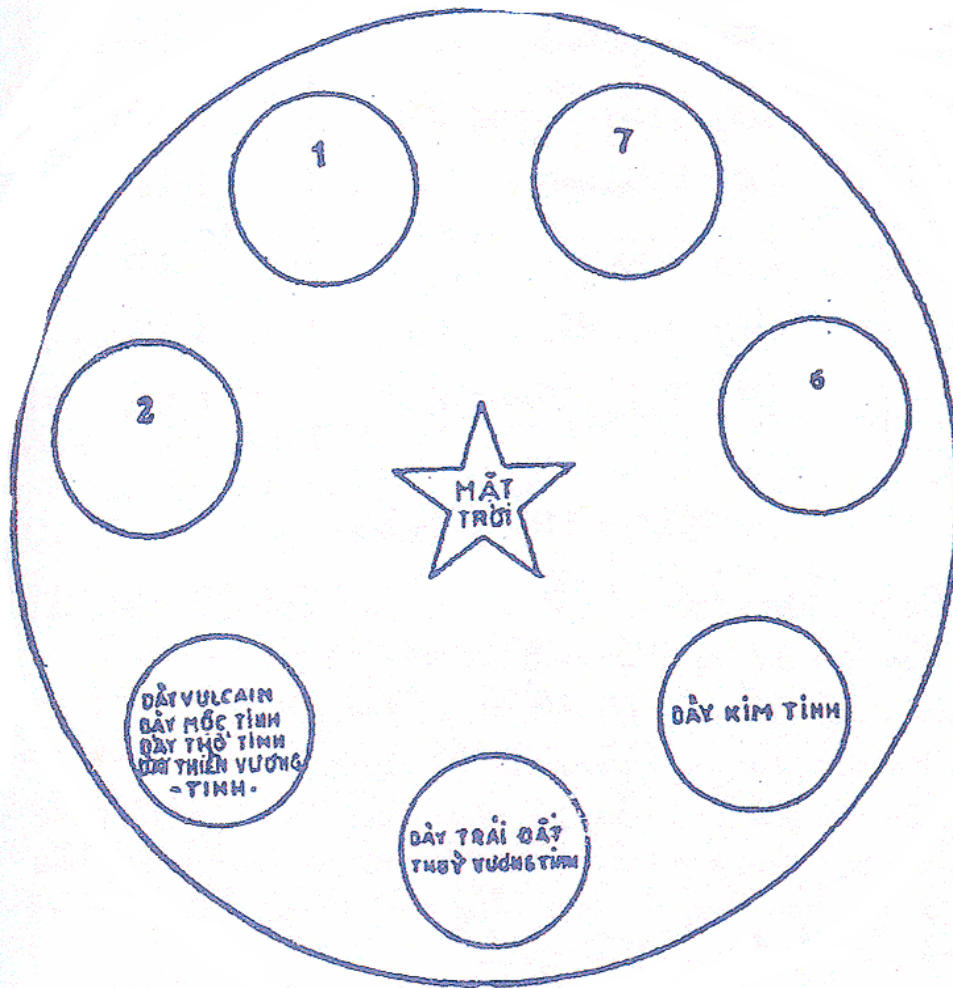
Dãy thứ nhất giống như dãy thứ bảy.

Dãy thứ nhì giống như dãy thứ sáu.

Dãy thứ ba giống như dãy thứ năm.

Dãy thứ tư ở chính giữa giống như gạch nối.

DÃY TRÁI ĐẤT HIỆN THỜI



Dãy trái đất hiện thời là dãy thứ tư.

Số thứ tự	Tên những dãy hành tinh	Số hành tinh có đất cát
1	Dãy kim tinh	1 bầu
2	Dãy mộc tinh	1 bầu
3	Dãy thủy vương tinh	3 bầu
4	Dãy hỏa tinh	1 bầu
5	Dãy thổ tinh	1 bầu
6	Dãy trái đất	3 bầu
7	Dãy thiên vương tinh	1 bầu

Ba bầu hành tinh có đất cát của dãy trái đất mình là:

Bầu thứ ba: Hỏa tinh (mars).

Bầu thứ tư: Trái đất (terre).

Bầu thứ năm: Thủy tinh (mercure).

Còn bốn bầu kia: bầu thứ nhất, bầu thứ bảy làm bằng chất thượng thanh khí thấp (matière mentale inférieure), bầu thứ nhì và bầu thứ sáu làm bằng chất thanh khí (matière astrale) cho nên không thấy được.

NHỮNG LOÀI TRÊN THẾ GIAN

Trên dãy trái đất này có 7 loài:

Tinh chất thứ nhất (1^{er} règne élémental).

Tinh chất thứ nhì (2^e règne élémental).

Tinh chất thứ ba (3^e règne élémental).

Sắt đá (règne minéral).

Cây cỏ (règne végétal).

Cầm thú (règne animal).

Con người (règne humain).

CUỘC TUẦN HOÀN VÀ SỰ BIẾN ĐỔI HÌNH DẠNG

Mỗi bầu hành tinh đều có một bài học cho mỗi loài. Vì vậy 7 loài phải ở trên mỗi hành tinh trong một thời gian theo thiên ý đã định để học hỏi và kinh nghiệm. Thời kỳ này là période mondiale, xin tạm dịch là một vận hành phù thể. Lúc khởi đầu thì ở bầu thứ nhất rồi đúng ngày giờ thì bỏ bầu thứ nhất, nghỉ ngơi một lúc mới qua bầu thứ nhì. Cứ làm như vậy cho tới bầu thứ bảy. Đi giáp một vòng 7 bầu thì gọi là hết một cuộc tuần hoàn (une ronde), các loài đều tiến lên một bậc và nghỉ ngơi một lúc dài hơn lúc bỏ một bầu hành tinh. Hết lúc nghỉ ngơi thì tới lúc làm việc lại. 7 loài cũng khởi sự lại tại bầu thứ nhất rồi đi khắp hết 7 bầu như trước. Ấy là hết cuộc tuần hoàn thứ nhì.

Phải đi 7 lần như vậy. Hết 7 cuộc tuần hoàn thì có sự thay hình đổi dạng. Theo phép thì tinh chất thứ nhất đầu thai qua tinh chất thứ nhì; tinh chất thứ nhì đổi ra tinh chất thứ ba; tinh chất thứ ba thành ra sắt đá. Sắt đá thành cây cỏ. Cây cỏ thành thú vật. Thú vật thành con người hay là tinh tú thuộc về hạng thiên thần. Con người thành Tiên Thánh. Song sự tiến hóa không đồng bậc với nhau, vì trong mỗi loài đều có những phần tử siêng năng và những phần tử biếng nhác. Lấy gương những học sinh trong một lớp thì biết. Em nào chú ý và chăm học thì tự nhiên phải giỏi hơn những em ham chơi, không chịu nghe lời thầy

giảng dạy và cuối năm được lên lớp trên; còn các em kia bị ở lại lớp cũ một năm nữa.

Đời tức là cái trường học lớn, mỗi người trong nhân loại là mỗi học sinh. Tùy theo sự học hỏi, hành động và kinh nghiệm của mình mà con người định số phận mình kiếp này và kiếp sau.

Cho nên hết cuộc tuần huần thứ 7, trong mỗi loài đều có một số bị bỏ lại, không được đi đâu thai qua loài kế đó.

TẠI SAO PHẢI CÓ SỰ THAY HÌNH ĐỔI DẠNG?

Linh hồn thuộc về tinh thần, còn xác thân thuộc về vật chất. Tinh thần và vật chất vẫn đi đôi với nhau luôn luôn. Không có tinh thần thì vật chất phải chết, còn không có vật chất thì tinh thần không phát hiện ra được. Tinh thần và vật chất phải nương cậy lẫn nhau. Hễ tinh thần tiến hóa thì vật chất phải tiến hóa. Hình dạng nào mà chịu không nổi với sự phát triển của tinh thần thì bị tinh thần loại bỏ để lấy hình dạng khác tốt đẹp và cân xứng hơn. Vì thế luôn luôn có sự thay hình đổi dạng. Sự luân hồi của con người cũng do lẽ trên đây mà ra. Hiểu được điều này thì không còn ghê sợ sự chết nữa, vì biết con người không thể nào đầu thai một kiếp mà trở nên trọn lành được.

HỒN KHÓM

Trừ ra loài người có hồn riêng cho mỗi xác thân, thì loài cầm thú, loài thảo mộc, loài kim thạch đều có hồn khóm (âme groupe). Giống thú nào một loại với nhau, thí dụ như loài chó, đầu chó rừng hay chó nhà khắp thế gian đều có một hồn khóm chung mà thôi. Hồn khóm không khác nào một bồn nước, còn hồn của mỗi con thú là một gáo nước múc trong đó ra. Khi con thú chết rồi, hồn nó trở về nhập với hồn khóm, đem sự kinh nghiệm của nó phân phát đều đủ cho các phân tử.

NHỮNG THÚ ĐƯỢC ĐẦU THAI LÀM NGƯỜI

Nhưng lâu đời, hồn khóm cũng như tế bào, chia ra những khóm nhỏ. Bởi vậy cũng là loài thú ăn thịt, song có hồn khóm nhỏ riêng cho các thứ chó sói, các thứ chồn, các thứ chó nhà, các thứ cọp, các thứ sư tử, các thứ mèo, v.v... Có 7 loài được đi đầu thai làm người mà hiện giờ tôi chỉ biết có 5 loài như: chó, mèo, ngựa, tượng và khỉ (còn 2 loài nữa), còn bao nhiêu thì qua loài tinh tú thuộc về hạng thiên thần (esprit de la nature).

Muốn được thành hình người thì 5 loài mới kể trên đây phải ở chung với con người để nhờ từ điển

và sự dạy dỗ, chúng nó mới trở nên khôn ngoan. Vì vậy chó nhà tiến hóa hơn chó rừng; còn cọp, beo, sư tử thua mèo rất xa. Loài thú trời sinh ra không phải để cho mình ăn thịt hay là giúp việc cho mình mà thôi. Chúng nó đem sức lực và sự khôn ngoan phụng sự mình, thì trái lại mình phải giúp chúng nó tiến hóa theo cơ trời đã định. Nếu người ta chỉ biết dạy con ngựa chạy cho mau để đi đua kiếm tiền; tập chó, mèo trở nên hung dữ quỉ quyệt thì là phạm một lỗi rất lớn. Bốn phận chúng ta phải dạy chúng nó trừ tuyệt những tánh rừng rú và mở mang những tình cảm cao thượng như biết thương yêu chủ, biết hy sinh và trung tín, v.v. . . Nếu sai khiến chúng nó làm theo ý muốn quấy quá của mình thì làm hại cho sự tiến hóa của chúng và mắc tội với trời vậy.

KHI ĐẦU THAI LÀM NGƯỜI

Con thú nào tiến hóa thật cao rồi thì khi chết nó không trở về hồn khóm của nó nữa, nó tách riêng ra ngoài. Nó phải trải qua một thời kỳ: Không phải người mà cũng không phải thú, vì bề ngoài nó vẫn giữ hình dạng con thú chưa được làm người, song bề trong nó vẫn khác hơn con thú thường nhiều lắm. Nó phải đi đầu thai nhiều lần nữa, đợi tới một ngày kia Chơn Thần cho thần lực xuống biến đổi cái hồn nhỏ của nó ra thượng trí, nó mới được đi đầu thai làm người. Tôi nói vắn tắt, bởi vấn đề này rất khó cho

những người mới học đạo, ngày sau sẽ giải nhiều thêm.

Không bao giờ con người trở lại đầu thai làm thú đâu. Hiểu rõ mấy đoạn trên đây thì không hề tin rằng: Người nào làm hung ác thì kiếp sau đầu thai làm thú vật như người ta hiểu lầm. Con thú không có hồn riêng, không có thượng trí. Con người muốn đầu thai làm thú vật thì phải bỏ thượng trí, đứt dây liên lạc với Chơn Thần, rồi nhập vô hồn khóm lại như xưa.

Điều này không bao giờ thực hiện được. Có vài trường hợp, con người nhập vào mình thú vật một ít lâu rồi cũng bỏ thú vật mà đi đầu thai lại người như trước, như tôi đã nói khi nãy. Con người vì không thông luật trời mà phạm tội, thì tội đó không kể là tội trọng được. Các anh bàng môn biết cơ trời rồi mà còn làm ác, tội đó nặng gấp muôn lần tội của những thường nhân, mà các anh chưa đi đầu thai làm thú vật, hưởng hồ người thường còn vô minh. (Xin xem quyển “Nhân Quả”). Đọc kinh phải chuyển kinh, chớ đừng để kinh chuyển mình lại, không vậy khó tỏ ngộ lắm.

HẾT CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY DÂY TRÁI ĐẤT NÀY RA SAO ?

Hết cuộc tuần hoàn thứ 7 dây trái đất này tan rã rồi có dây hành tinh mới khác sinh ra thế cho nó.

Ấy là dãy hành tinh thứ năm, vì dãy trái đất mình ở bây giờ đây là dãy thứ tư. Dãy thứ nhất và dãy thứ nhì tan rã đã lâu, không biết tên chi. Dãy thứ ba gọi là dãy nguyệt tinh (chaîne lunaire), vì nó để lại di tích là mặt trăng bây giờ. Mặt trăng hiện thời là một bầu thế giới khô khan chờ ngày tan rã, không còn loài nào ở trên đó. Sự tích Hằng Nga nơi nguyệt điện xinh đẹp lạ thường, có lẽ là người ta muốn nói về phái nữ của dãy nguyệt tinh trong cuộc tuần hoàn thứ 7. Thuở đó con người gần thành Tiên thánh, không còn ở dưới quyền sai khiến của thất tình lục dục thì tự nhiên cốt cách phi phàm.

BẢY LOÀI TRÊN THẾ GIAN HỒI TRƯỚC Ở ĐÂU?

Hiểu đoạn trên thì biết rằng 6 loài trên thế gian mình hồi trước ở trên dãy nguyệt tinh.

1. Loài người bây giờ, khi xưa vốn là loài thú ở dãy nguyệt tinh.
2. Loài thú bây giờ, khi xưa vốn là loài thảo mộc.
3. Loài thảo mộc bây giờ, khi xưa vốn là loài kim thạch.
4. Loài kim thạch bây giờ, khi xưa vốn là loài tinh chất thứ ba.

5. Loài tinh chất thứ ba bây giờ, khi xưa vốn là loài tinh chất thứ nhì.

6. Loài tinh chất thứ nhì bây giờ, khi xưa vốn là loài tinh chất thứ nhứt.

7. Còn loài tinh chất thứ nhứt bây giờ, vốn do đức Thái Dương Thượng Đế mới sinh ra.

NHỮNG LOÀI Ở DÃY HÀNH TINH THỨ NĂM

Dãy hành tinh thứ 5 cũng phải có 7 loài:

1. Loài thú ở dãy trái đất mình qua đó đầu thai làm người.

2. Loài cây cỏ đầu thai làm loài thú vật.

3. Loài sắt đá làm cây cỏ.

4. Tinh chất thứ ba làm sắt đá.

5. Tinh chất thứ nhì làm tinh chất thứ ba.

6. Tinh chất thứ nhứt làm tinh chất thứ nhì.

7. Đức Thái Dương Thượng Đế sinh thêm tinh chất thứ nhứt.

TRÁI ĐẤT MÌNH Ở VÀO CUỘC TUẦN HOÀN THỨ MẤY?

Hiện giờ, trái đất mình ở vào phân nửa cuộc tuần hoàn thứ 4 (moitié de la 4^e ronde), nghĩa là nhân loại đã đi hết 3 vòng 7 bầu của dãy trái đất, còn vòng thứ 4 này mới đi tới bầu trái đất mình ở đây. Bởi bầu trái đất mình ở đây là bầu thứ 4, ở chính giữa 7 bầu, cho nên mới gọi “nhân loại ở vào phân nửa cuộc tuần hoàn thứ 4.” Nhân loại và 6 loài kia còn phải qua ở bầu thứ 5 là bầu thủy tinh (mercure), bầu thứ sáu E, và bầu thứ bảy F mới hết cuộc tuần hoàn thứ 4.

SỰ PHÁN XÉT CUỐI CÙNG

Qua cuộc tuần hoàn thứ 5, nhân loại cũng sẽ bắt đầu đi từ bầu thứ nhất như trước. Tới phân nửa cuộc tuần hoàn thứ 5, nghĩa là khi nhân loại đi tới bầu trái đất mình ở đây, thì có sự phán xét cuối cùng (jugement dernier). Trên Thiên Đình sẽ xem kỹ lưỡng tánh hạnh mỗi người. Những người nào siêng năng, giỏi giẩn, biết tu đức trau mình, lo giúp ích cho muôn loài vạn vật, nói tóm lại là ăn ở theo Đạo Bát Chánh hay có đủ đức tánh kẻ trong quyển “Dưới Chân Thầy” thì được đầu thai luôn cho tới cuộc tuần hoàn thứ 7. Còn những người nào chỉ biết lo sung sướng tấm thân, cả đời biếng nhác, ích kỷ hại nhân, thì sẽ bị ngưng lại, không được đi đầu thai nữa. Linh hồn các

vị này trở về niết bàn nghỉ ngơi đợi chừng nào nhân loại ở dãy thứ 5 tiến hóa gần bằng bực của họ, thì họ mới trở xuống nhập bọn để tiếp tục sự tiến hóa mà họ đã bỏ dở hồi còn ở dãy thứ 4.

DÂN SỐ TRÊN DÃY TRÁI ĐẤT NÀY ĐƯỢC BAO NHIÊU ?

Theo khoa triết học bí truyền thì dân số trên dãy địa cầu này được 60 ngàn triệu (60 milliards), số này không còn thêm hay bớt nữa. Hiện giờ theo bản thống kê các nước thì dân số tổng cộng có 6 ngàn triệu. Vậy thì còn 54 ngàn triệu nữa ở đâu?

Họ còn ở hai cõi thượng giới và trung giới, vì đã bỏ xác phàm rồi. Đúng ngày giờ họ sẽ trở xuống trần đầu thai lại như trước.

THÁI DƯƠNG HỆ CỦA CHÚNG TA SINH RA ĐÃ BAO LÂU RỒI?

Thái dương hệ của chúng ta sinh ra đã được lối một ngàn chín trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm lẻ ba năm (1.955.884.703 ans).

Còn trong cuộc tuần hoàn thứ 4 này, 300 triệu năm đã trải qua trên bầu trời đất mình đang ở đây.

HẾT CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI THÀNH TIÊN THÁNH ?

Lấy theo trình độ tiến hóa của nhân loại bây giờ thì dưới đây là lời phỏng định của Tiên Thánh.

Trong số 60 ngàn triệu thì có lối 24 ngàn triệu bị bỏ lại lúc phán xét cuối cùng trong cuộc tuần hoàn thứ 5. Còn lại 36 ngàn triệu chia ra như sau:

12 ngàn triệu thành Tiên Thánh.

12 ngàn triệu thành La Hán.

12 ngàn triệu vào bực từ Tu Đà Huòn, Tu Đà Hàm và A Na Hàm, nghĩa là được điếm đạo từ lần thứ nhất cho tới lần thứ ba.

Tại sao phải loại ra 24 ngàn triệu?

Ấy vì lúc đó Tiên Thánh và các Đại Thiên Thần ra ở lẫn lộn với con người. Thần lực trên thiên đình ban xuống nhiều lắm. Nó có tánh đặc biệt là làm cho các tánh tình dẫu xấu, tốt đều nảy nở ra lớn thêm. Người hiền sẽ hết sức hiền, người dữ sẽ hết sức dữ. Những người còn tánh gian xảo tham lam thì chừng đó sẽ trở nên cực kỳ hung ác, khuấy rối xã hội không khác nào mọt nhọt ở chân làm cho cả thân mình nhức nhối. Vậy điều tốt hơn hết cho họ là ở riêng một chỗ, không thể phá hại người khác để cho kẻ lương thiện an ổn và tiến hóa cho mau.

CÓ THỂ THÀNH TIÊN THÁNH TRƯỚC CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BẢY

Tiên Thánh là đấng trọn lành, biết rõ hết những việc xảy ra trên trái đất này một cách chu đáo. Vì vậy một người thường không chịu tu hành phải trải qua muôn kiếp luân hồi mới trở nên sáng suốt. Trái lại, người nào kiếp này ra công khó nhọc ăn ở giống như lời các vị Giáo Chủ dạy dỗ, thì chỉ trong 15 năm làm chủ 3 thể: thân, ý, trí được. Rồi 20 năm về sau sẽ thấy những năng lực ở trong mình mở ra lần lần.

Phải tu hành bậc trung 30 kiếp như vậy thì mới đắc đạo, thành chánh quả. 30 kiếp mới nghe qua coi dài và lâu lắm, song đối với thời gian vô cùng vô tận thì nó chỉ là trong nháy mắt mà thôi. Để tôi làm bài toán này cho quý bạn coi. Thí dụ một vị tu hành nói trên đây sống trên cõi trần được 72 năm. Bỏ xác phàm rồi đi về cõi thượng giới ở 2.000 năm mới trở xuống đầu thai. Vậy thì một kiếp của y được: $2.000 \text{ năm} + 72 = 2.072 \text{ năm}$. 30 kiếp như vậy được: $2.072 \times 30 = 62.160 \text{ năm}$.

Kỳ hạn của một cuộc tuần hoàn bao lâu ta không hiểu, song ta biết có cái dài, có cái ngắn.

Tại trái đất này, tổ tiên giống da trắng sinh ra đã một triệu năm rồi. Thôi bây giờ lấy bậc trung mỗi cuộc tuần hoàn 196 triệu năm. Còn hai cuộc tuần hoàn rưỡi nữa, con người mới thành Tiên Thánh thì

196 triệu X 2,5= 490 triệu năm nữa. Trừ số 62.160 năm cho 490 triệu thì thấy người nào tu hành bây giờ thì còn rảnh rang được 489 triệu, 937 ngàn, 840 năm (489.937.840). Trong thời gian này tu hành thêm thì tiến hóa cao lắm, bởi vì Tiên Thánh mới là bậc thứ nhất trong hạng siêu phàm. Còn không biết bao nhiêu bậc cao hơn nữa, nấc thang tiến hóa vô cùng vô tận, không ai tưởng tượng nổi, chỉ biết một điều là càng lên cao càng thấy bầu trời rộng minh mông, càng học lại càng thấy mình dốt nát.

HÃY CỨU VỚT NHỮNG NGƯỜI BỊ BỎ LẠI

Những người bị bỏ lại không mất đi đâu, họ chỉ bị ngưng sự tiến hóa trong một thời gian tính ra không biết mấy chục hay mấy trăm triệu năm. Trong lúc đó các bạn của họ đã đi rất xa, không thể nào họ theo kịp. Qua dãy thứ năm, họ phải ra công khó nhọc gấp 10 lần hơn bây giờ mới được vào hạng siêu phàm nhập thánh. Họ không thể trốn tránh luật nhân quả buộc trói họ vào bánh xe luân hồi. Hiện giờ họ không chịu siêng năng thì tới chừng đó họ cũng phải sốt sắng làm lành. Bây giờ muốn cứu vớt họ thì phải tự mình trau dồi tâm trí để họ bắt chước gương lành của mình. Khuyến họ có lòng từ thiện, phải sẵn lòng thi ân bố đức luôn luôn, phải lo học hỏi cho mau thông và rộng lượng khoan dung cho những kẻ lỗi lầm.

Phải hết sức thành thật và sốt sắng. Giải thích cho họ biết kiếp này họ tập được đức tánh nào thì kiếp sau sẽ có đức tánh đó, bởi vì gieo giống nào gặt giống nấy. Nếu phần đông ăn ở được như vậy thì dám chắc tới lúc phán xét cuối cùng trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ còn lồi một phần mười bị bỏ lại mà thôi, nghĩa là chỉ có 6 ngàn triệu không được tiếp tục đi đầu thai, chớ không phải 24 ngàn triệu như đã phỏng định, vì mình đã cứu vớt được 18 ngàn triệu. Vì lẽ này, những người tu hành bây giờ là những vị ân nhân của nhân loại, bởi vì họ dùng những tư tưởng lành để cảm hóa con người. (Xin xem lại chỗ tư tưởng truyền nhiễm).

NHỮNG GIỐNG DÂN TRÊN DÂY ĐỊA CẦU

Nhân loại trên mỗi hành tinh trên dây trái đất mình chia ra 7 giống (races mères). Mỗi giống chia ra 7 nhánh lớn (sous races). Mỗi nhánh lớn chia ra 7 nhánh nhỏ nữa (branche de sous race). Nhân loại đi qua bầu hành tinh nào thì xác thân phải làm bằng chất khí của bầu hành tinh đó. Thí dụ trái đất mình làm bằng đất cát, nên con người mới có xác thịt này. Ngày nào nhân loại qua bầu thứ sáu làm bằng chất thanh khí thì xác thân cũng phải làm bằng chất thanh khí vậy, v. v. . .

GIỐNG DÂN THỨ NHỨT

Trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, tại trái đất mình ở đây thì thân thể làm bằng chất tinh khí, hình dáng lạ lùng, có tòng có tụi. Nói rằng loài người, chớ kỳ thật không giống xác thân con người bây giờ chút nào. Chưa biết cảm động và chỉ mở có một quan là “nghe.”

Họ không có cha mẹ sinh ra; xác thân của họ vốn là những cái phách của Tiên Thánh khi xưa ở dẫy nguyệt tinh tạo nên. Họ đi, đứng, chạy, cúi xuống và bay được. Nhưng họ vẫn là cái bóng, nước lửa hại không nổi. Không có nam nữ. Họ sinh sản như loài a míp (amibe), là sinh vật đơn giản nhất hay là như loài san hô nhỏ (hydre). Ban đầu họ chia thân mình ra làm hai phần bằng nhau, rồi về sau những phần không đều, vì thế con cháu họ hình thù bé nhỏ hơn họ. Không thể nào phân biệt được những nhánh nhóc của giống thứ nhất này cả.

GIỐNG DÂN THỨ NHÌ

Đúng ngày giờ giống thứ nhất biến đổi ra giống thứ nhì. Sự biến đổi này lạ lùng lắm. Các thiên thần lấy một chất đặc làm một cái vỏ đắp vào mình giống thứ nhất để làm xác thân giống thứ nhì. Vì vậy xác thân giống thứ nhất thành ra cái phách của giống thứ

nhì. Giống thứ nhì gọi là kim-bu-rút-sa (kimpurushas) mở được hai quan “nghe và động dạng.” Sắc da vàng nhưng có pha từ màu vỏ cam tới màu xanh dợt của trái chanh. Hình dạng thì có tồng có tụi, giống hoặc như thảo mộc, hoặc như thú vật, hoặc hơi giống hình người kêu hú nhau như tiếng sáo.

Cách sinh sản: Nhánh thứ nhứt và nhánh thứ nhì không có nam nữ, cũng nứt mình ra như giống thứ nhứt. Nhưng càng ngày vỏ ở ngoài càng cứng, cách sinh sản như trước không được nữa, đổi ra khác. Ngoài da nổi những cục u nần như giọt mồ hôi, màu trắng đục, rồi lần lần cứng ngắt và lớn thêm. Mỗi cục rớt ra thành một người. Ngày tháng qua, những trẻ mới sinh ra có hai bộ phận sinh dục, âm và dương mới vừa tượng, nghĩa là chúng nó lại cái.

GIỐNG DÂN THỨ BA

Giống thứ ba gọi là giống Lê-mu-ri-den (Lémuriens). Ấy là tổ tiên giống da đen bây giờ. Giống mọi Bích-mê (Pydmée) ở Phi Châu hiện thời là nhánh nhóc của giống thứ ba còn sót lại.

CÁCH SINH SẢN

Sự sinh sản của giống này có thể chia ra làm 3 thời kỳ:

Thời kỳ thứ nhất. – Cũng nổi những cục u nần, song lần lần trở nên tròn như trứng gà. Nhánh thứ nhất sinh ra thì thấy hai bộ phận sinh dục âm và dương mới tượng. Nhánh thứ nhì sinh ra thì giống hình người và thấy rõ ràng lại cái.

Thời kỳ thứ nhì. – Nhánh thứ ba thành trọn vẹn nguyên hình lại cái ở trong trứng. Đứa nhỏ cũng như gà con khảy mỏ rồi ra ngoài, đi và chạy được. Lần lần một bộ phận âm hay dương lấn bộ kia. Nhánh thứ tư cũng ở trong trứng, chùng sinh ra rồi thì phân biệt nam hay nữ liền. Tới khi nhánh thứ tư gần tàn, đứa nhỏ trong trứng nở ra thì yếu đuối. Từ ngày phân chia nam nữ cho tới nay đã 6 triệu rưỡi năm rồi.

Thời kỳ thứ ba. – Tới nhánh thứ năm thì lần lần trứng ở trong mình người mẹ. Đứa nhỏ sinh ra thì bất lực, chỉ biết cựa quậy, la khóc mà thôi. Qua nhánh thứ sáu, thứ bảy thì đứa nhỏ ở trong tử cung người mẹ như bây giờ.

GIÁC QUAN VÀ TIẾNG NÓI

Giác quan. – Sinh đồng thời với loại thú Mê-ga-lô-sô (Mégalosaure) và Tê-rô-đắc-tinh (Ptérodactyle) cho nên giống dân thứ ba Lê-mu-ri-den hình thù cao lớn, oai nghi, sức lực mạnh mẽ vô cùng mới chống cự nổi với những loài thú dữ kể trên đây. Sắc da đỏ, song có nhiều màu từ đỏ nâu cho tới xám xanh. Ban sơ có

một con mắt ở chính giữa trán, sau hai con mắt sinh ra ở hai bên, con mắt ở chính giữa thụt vô trong thành ra hạch trán hay là tủng quả tuyến (glande pinéale). Người ta gọi giống một con mắt này là giống Si-lốp (Cyclopes).

Tiếng nói. – Nhánh thứ nhứt và nhánh thứ nhì, khi yêu thương, đau khổ, buồn bực, thì chỉ biết hét la, vì tiếng nói của họ gồm những nguyên âm. Tới nhánh thứ ba thì tiếng nói trở thành độc âm. Lúc đó trên địa cầu các dân tộc chỉ nói có một thứ tiếng duy nhứt.

SỰ VĂN MINH

Có một điều mà người ta tưởng lầm là các giống dân tộc ban đầu thì dã man rồi sau lần hồi mới văn minh tiến bộ. Sự thật thì trái hẳn. Mỗi khi giống dân tộc nào mới sinh ra thì luôn luôn có những vị thánh nhân xuống đầu thai để dạy dỗ đạo đức và mở mang trí hóa về đủ các phương diện. Như giống dân thứ ba nhờ sự chỉ huy của các vị Tiên Thánh ra đời làm vua, nên xây được nhiều thành trì rộng lớn, cất được những đạo viện hùng vĩ, để lại những di tích mà ngày nay mà người ta gọi là của giống Si-lốp (Cyclopes).

Họ dùng những tấm đá không lồ xây tường, tới bây giờ chưa có một vị kỹ sư nào tìm được thế nhúc nhích nổi. Hiện giờ còn những tấm đá lớn đặng tới thì lúc lắc mãi người ta gọi là Pierres branlantes. Đó là

một vấn đề mà khoa học đời nay chưa giải quyết được. Người ta không biết những tấm đá đó là những phương thế để giao thông giữa hai cõi: tiên cảnh và hồng trần hồi giống dân thứ ba. Cũng như cái ghế để xây ma, hễ tấm đá gõ mấy tiếng là dấu hiệu gì đó, không khác nào cái máy điện báo Mọt-sơ (Morse) bây giờ vậy.

GIỐNG DÂN THỨ TƯ

Giống dân thứ tư là giống Ất-lăng (Atlante) tổ tiên giống da vàng, da đỏ bây giờ. Giống này mới thật là giống người ta.

BẢY NHÁNH CỦA GIỐNG DÂN THỨ TƯ

Bảy nhánh của giống dân thứ tư là:

1. – Nhánh thứ nhất là giống Rmoahal (Mô-a-hal) chăn nuôi súc vật di cư dưới quyền của các vị Thánh Đế.

2. – Nhánh thứ nhì giống Tlavatli (La-hoát-li) nhờ Tiên Thánh dắt dẫn, nên rất văn minh, song ưa chuộng hòa bình.

3. – Nhánh thứ ba là nhánh Toltec (Tôn-téc). Trong 7 nhánh duy có nhánh thứ ba đáng cho ta chú ý hơn hết. Hình thù vạm vỡ, cao lớn, bực trung tám

thước bề cao, da thịt cứng hơn đá. Nếu lấy một miếng sắt hay thép của mình dùng đời nay đập vào mình họ thì miếng sắt sẽ cong hay là gãy lìa. Gươm đao của chúng ta dùng bây giờ chém họ không thủng đâu. Lại có một điều đặc biệt là mấy vết thương kéo da non lệ làng. Nhờ Tiên Thánh dạy dỗ cho nên giống Tôn-téc cực điểm văn minh, thế kỷ 20 này có chỗ vẫn chưa sánh kịp. Khoa học, văn chương, mỹ thuật tiến bộ lạ thường. Thuở đó người ta biết dùng phi thuyền (aéronef), bên đạo đức gọi là Qui-ma-na (Vimana) tung mây lướt gió. Không phải dùng dẫu xăng như bây giờ, song dùng một cái lực gọi là Vrill lấy ở trong tinh khí (éther), Tàu dịch là dĩ thái. Họ cũng dùng phi thuyền tấn công nhau. Cũng có những trận không chiến dữ dội. Khi ra trận họ trút hơi độc xuống trên đầu kẻ nghịch làm cho cả ngàn quân lính chết ngột và kinh sợ, hoặc thả những bôm khi rớt xuống thì nổ lên, văng ra tứ phía những lửa hoặc những miếng làm cho kẻ thì đứt đầu, người thì cụt tay, cụt chân, lưng ruột, thân nằm chặt đất.

Họ biết chế một thứ nước sơn, sơn vô cây thì trở nên dẻo như da thuộc vậy. Họ không cần đào mỏ tìm vàng như bây giờ, họ dùng khoa luyện kim (alchimie) biến đổi loại kim khác ra vàng. Họ không quý trọng vàng, họ chỉ dùng nó để làm đồ chưng diện trong nhà, hoặc những cột nhà, những đèn đài và những đạo viện. Họ dùng khoa học để mở mang nghề canh nông, chăn nuôi súc vật, sinh sản những giống lúa

mới, trồng cây ăn trái, sửa sang đất cát cho trở nên thật tốt, biết lợi dụng những màu sắc giúp sức cho cây cối và thú vật mau lớn, hoặc trừ khử các chứng bệnh do vi trùng sinh ra. Ban đầu thì mọi việc đều tốt đẹp. Các vị đạo sĩ ý mình phép tắc cao cường đánh đuổi các đệ tử Tiên Thánh rồi ra cầm quyền trị dân. Họ dùng thần thông làm những chuyện tàn ác trái nghịch lòng trời, nên bị một trận Đại Hồng Thủy quét sạch sự văn minh của giống dân Tôn-téc. (Xin xem chỗ “Những cuộc tang thương biến đổi châu Át-lăn-tích”)

4. – Nhánh thứ tư là giống Turanien (Tu-ranhen) hung bạo và ưa chiến tranh, nhưng văn minh lắm.

5. – Nhánh thứ năm là giống Sémites (Sê-mít) có tánh hiếu động. Ấy là tổ tiên giống Do Thái và giống thứ năm là A-ri-den bây giờ.

6. – Nhánh thứ sáu là giống Akkadiens (Ắc-ca-đi-den) ưa phiêu lưu, di cư qua miền duyên hải địa trung hải sinh ra dân Pélasges, Etrusques, Carthaginois và Scythes.

7. – Nhánh thứ bảy là giống Mông Cổ ở bắc Á Châu sinh ra người Trung Hoa ở trung nguyên (chớ không phải người Trung Hoa ở dựa mé biển). Người Mã Lai, người Tây Tạng, người Hung Gia Lợi, người Finnois (Phanh-noa), người Esquimaux (Ết-ki-mô) và người Nhật Bản là một nhánh của giống Mông Cổ.

GIỐNG DÂN THỨ NĂM

Giống dân thứ năm là giống Aryens (A-ri-den) sinh ra đã một triệu năm rồi. Ấy là tổ tiên người da trắng bây giờ.

Những nhánh của giống dân thứ năm:

1. – Nhánh thứ nhất cũng gọi là giống A-ri-den, tổ của người Ấn Độ da trắng (Hindous).

2. – Nhánh thứ nhì gọi là Aryosémétique (A-ri-dô-sê-mê-tích) hay là Chaldéenne (Cal-đê-den) di cư qua ở xứ A-Phú-Hản (Afghanistan) và Si-ri (Syrie).

3. – Nhánh thứ ba gọi là giống Iranien (Y-ra-nhen) qua ở xứ Ba Tư (Perse), Á Rập (Arabie) và Ai Cập (Egypte).

4. – Nhánh thứ tư gọi là Celtique (Sên-tích) qua ở xứ Hi Lạp, Ý, Pháp, Irlande (Iệt-lăn), Ecosse (Ê-cốt).

5. – Nhánh thứ năm là giống Teutons (To-tông) gồm dân Scandinave (Sít-căn-đi-nao), dân Allemands (A-lơ-măn), Nga, Anh, Mỹ hiện thời.

6. – Nhánh thứ sáu không biết đặt tên chi, đã sinh bên Mỹ Châu và Úc Châu, Nam Phi Châu và nhiều nơi khác. Mình đã thấy sự văn minh của nhánh thứ năm, nhưng nó chưa lên tới chỗ cực điểm đâu. Nhánh thứ sáu còn giỏi hơn nhánh thứ năm nhiều lắm. Mở được trực giác, thần nhãn, giàu lòng bác ái,

diệt được tánh ích kỷ, chia rẽ, làm việc với tinh thần tổng hợp và thực hiện được câu: “Tứ hải giai huynh đệ.” Nhánh thứ bảy sẽ tiến hóa hơn nhánh thứ sáu. Hết nhánh thứ bảy giống thứ năm sẽ tàn.

GIỐNG DÂN THỨ SÁU VÀ THỨ BẢY

6, 700 năm nữa, giống dân thứ sáu sẽ ra đời để thế cho giống dân thứ năm. Cũng có 7 nhánh.

Rồi đúng ngày giờ giống dân thứ bảy sẽ sinh ra. Khi nhánh thứ bảy của giống thứ bảy điêu tàn rồi thì gọi là hết một cuộc vận hành phù thế (période mondiale). Trái đất sẽ nhỏ lại. Trừ ra một số nhân vật bị bỏ lại, bởi vì bê trễ bốn phạm, các loài đều về cõi Niết Bàn nghỉ ngơi, chờ đúng ngày giờ qua bầu thủy tinh (mercure) để tiến hóa thêm nữa.

NỘI CẢNH TUẦN HOÀN

(Ronde intérieur)

Số nhân vật bị bỏ lại không có sinh sản thêm nữa, cứ giữ một mực luôn luôn. Họ không được nghỉ ngơi, họ phải đầu thai đi đầu thai lại mãi cho tới cuộc tuần hoàn thứ năm nhân vật trở lại bầu trái đất này, họ mới nhập bọn để tiến hóa thêm. Trong 7 bầu hiện thời trên bầu nào cũng có một số nhân vật như vậy cả. Cuộc tuần hoàn này gọi là Nội Cảnh Tuần Hoàn.

Nội cảnh tuần hoàn rất có ích lợi. Nó giúp cho nhân vật bê trễ có thể theo kịp chúng bạn, nếu họ thật rần sức, và Tiên Thánh cùng các thiên thần khỏi mất công sinh lại một lần nữa thân hình của các loài vật, khi các loài này trở lại ở trên mỗi bầu hành tinh.

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ SỰ SINH HOÁ VÀ SỰ LUÂN HỒI CÁC GIỐNG DÂN

Giống thứ nhất sinh ra giống thứ nhì, giống thứ nhì sinh ra giống thứ ba, giống thứ ba sinh ra giống thứ tư, giống thứ tư sinh ra giống thứ năm, giống thứ năm sinh ra giống thứ sáu, giống thứ sáu sinh ra giống thứ bảy. Mỗi linh hồn phải đầu thai vào mỗi giống; trước ở giống thứ nhất, hết ở giống thứ nhất thì qua giống thứ nhì, v.v...⁷ cho tới giống thứ bảy. Nghĩa là phải đầu thai vào mỗi nhánh của mỗi giống hoặc một lần, hoặc nhiều lần tùy theo bậc tiến hóa để học hỏi và kinh nghiệm, vì mỗi giống dân đều có những bài học riêng cho mỗi linh hồn, khi học xong rồi mới qua giống dân khác. Không phải đầu thai làm đàn ông mãi hay đàn bà mãi. Theo phép, không đầu thai ít hơn 3 lần trong mỗi giống nam hay nữ, hay nhiều hơn 7 lần, nghĩa là đầu thai làm đàn bà trọn

⁷ Cũng có vài linh hồn tiến hoá đã cao, song vì lòng nhân từ lại đầu thai vào giống dân thấp hèn để dịu dặt như Boxker Washington là một.

luôn 3 kiếp, qua kiếp thứ tư mới làm đàn ông; hoặc đầu thai làm đàn ông trọn 7 kiếp thì qua kiếp thứ 8 đầu thai làm đàn bà. Cũng có trường hợp đặc biệt, nhưng trường hợp này ít có lắm.

NHỮNG HẠNG LINH HỒN ĐI ĐẦU THAI

Những linh hồn đi đầu thai chia làm 5 hạng:

1. – Hạng thứ nhất – Các vị Tiên Thánh, các Ngài không cần đi đầu thai nữa, song muốn lấy xác phàm thì tự ý. Ấy là những vị ở trong Quần Tiên Hội (Xin xem tới sẽ rõ).

2. – Hạng thứ nhì – Những vị được điểm đạo từ lần thứ nhất cho tới lần thứ tư, các vị này thường thường sau khi bỏ xác phàm thì ở cõi trung giới một ít lâu rồi trở xuống đầu thai, không về cõi thiên đàng.

3.- Hạng thứ ba – Gồm những vị trí thức.

Hạng này chia làm hai bậc:

a/ Bậc thứ nhất – Đi đầu thai 2 lần trong mỗi nhánh. Bậc trung về cõi thiên đàng 1.200 năm.

b/ Bậc thứ nhì – Đi đầu thai hơn 2 lần trong mỗi nhánh. Bậc trung về cõi thiên đàng 700 năm.

4. – Hạng thứ tư – Gồm những bậc tầm thường.

5. – Hạng thứ năm – Gồm những người chưa mở mang. Hai hạng này phải đầu thai nhiều lần trong mỗi nhánh trước khi qua nhánh kế đó.

TẠI SAO TỚI GIỐNG DÂN THỨ BA CÓ SỰ PHÂN CHIA NAM NỮ?

Trong cuộc tuần hoàn thứ tư này có 3 cái đặc điểm khác hơn 3 cuộc tuần hoàn trước.

Một là: Có sự sửa đổi những điều kiện của tinh chất. Vấn đề này rất khó, sau có dịp sẽ giải thích.

Hai là: Mở cửa đạo để cho con người bước vào đường Tiên nẻo Phật, đồng thời không cho loài thú đầu thai làm người.

Ba là: Ôn lại những việc làm của 3 cuộc tuần hoàn trước tại bầu thứ tư là trái đất này, vì nhân loại đã đi được phân nửa con đường tiến hóa rồi. Hễ giống dân thứ nhất sinh ra thì ôn lại những việc làm trong cuộc tuần hoàn thứ nhất. Giống dân thứ nhì sinh ra thì ôn lại những việc làm trong cuộc tuần hoàn thứ nhì. Tới phân nửa cuộc tuần hoàn thứ ba mới có đàn ông và đàn bà, thì tới phân nửa giống dân thứ ba mới có phân chia nam nữ. Nếu không thì giống dân thứ nhất đã có xác thịt như bây giờ rồi.

BẢY CHÂU THẾ GIỚI

Khi một giống dân sinh ra thì có một châu thế giới nổi lên để chứa nó. Châu thứ nhứt để chứa giống dân thứ nhứt. Châu thứ nhì để chứa giống dân thứ nhì, v.v. . . Khi giống dân nào gần tàn thì châu chứa nó trầm xuống biển, rồi châu khác nổi lên thế, cứ xoay vần như vậy mãi.

➤ CHÂU THỨ NHỨT

Châu thứ nhứt tên là Pushkara (Bút-ca-ra). Sách thánh bên Thiên Trước cũng gọi là “châu Địa Linh bất diệt” (*terre sacrée impérissable*), bởi vì duy có một mình nó tránh khỏi được cuộc thương hải tang điền. Khoảnh đất nổi lên đầu tiên gọi là núi Tu-Di (Pic du Mont Méru).

Châu Địa Linh bất diệt hiện giờ ở tại đâu trái đất.

➤ CHÂU THỨ NHÌ

Châu thứ nhì tên Plaska: Cực Lạc thanh châu (Continent hyperboréen) hình bán nguyệt. Chỗ nó choán ngày nay là bắc Á Châu, chạy từ cù lao Groenland tới Kamtchatka, gồm cù lao Spitzberg bán đảo Thụy Điển, Na Uy (Suède et Norvège) và luôn cù lao Anh-cát-lợi (Iles Britanniques). Phía nam là mênh mông đại hải. Khí hậu nóng nực của miền ôn đới, cỏ hoa tươi tốt, đồng bãi xanh um, phong cảnh u nhàn. Di tích của châu thứ nhì còn lại tới ngày nay là cù lao

Groenland, Islande, Spitzberg, miền bắc Na Uy và Thụy Điển.

➤ CHÂU THỨ BA

Dãy Hi-mã-lạp-son (Himalaya) đã mọc lên lần lần, dưới Hi-mã-lạp-son, phía nam, thì đại lục nổi lên; hướng đông phía đảo Tích Lan (Ceylan) từ Úc Châu tới Tasmanie và cù lao Pâques; phía tây tới cù lao Madagascar. Một phần Phi Châu cũng nổi lên. Di tích châu thứ nhì là Thụy Điển, Na Uy và Tây Bá Lợi Á cũng dính với đất mới. Cả thảy làm ra châu thứ ba gọi là Lê-mu-ri (Lémurie) hay là Shalmali.

NHỮNG CUỘC TANG THƯƠNG

Về sau châu Lê-mu-ri bị những cuộc địa chấn và những hỏa diệm sơn phun lửa làm cho nứt ra nhiều cù lao, mỗi cái bằng một đại lục bây giờ.

Các cù lao đó cũng bị nhiều cuộc tang thương biến đổi, rốt lại 700.000 năm trước chỉ tăng xưa nhất của đệ tam kỷ (période Eocène de l'Époque tertiaire).

Châu Lê-mu-ri bị những trận địa chấn do hỏa diệm sơn gây ra nhận chìm xuống biển. Nó để lại vài di tích như là Úc Châu (Australie), cù lao Madagascar và cù lao Pâques hiện thời.

SỰ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Từ khi nhánh thứ tư của giống thứ ba sinh ra thì cốt trái đất nghiêng. Ở bắc cực khí hậu nóng nực bỗng

biến đổi ra lạnh lẽo vô cùng. Những nhánh nhóc của giống thứ hai còn sót lại, và nhánh thứ nhứt, nhánh thứ nhì của giống thứ ba ở tại đó đều chết sạch. Loài cây cối và loài thú cũng như loài người hình thù trở nên bé nhỏ. Đòi nay các nhà tự nhiên học đều nói rằng: “Trong thời đại Trung Tân Thế” (période Miocène) đảo Groenland và Spitzberg cũng vậy (hai đảo này là di tích của châu thứ nhì) hưởng một khí hậu gần giống như của miền ôn đới. Tại Groenland thuộc về 70^o bắc vĩ tuyến thì đầy đây những cây If, Erythroxylo, Séquois (một loại với giống cây ở California) hêtre, platane, saule, chérie, peuplier, noyer và một giống Magnolia và Zamia.” “Ils (les Naturalistes) déclarent tous que durant la période miocène, le Groenland et même le Spitzberg, c’est à dire ce qui reste de notre second continent hyberboréen, jouissait d’un climat presque tropical.

Durant la période Miocène, le Groenland (par 70^o de latitude Nord) était couvert d’une grande quantité d’arbres tels que l’If, l’erythroxylo, le séquois, (alliés aux espèces de Californie) le hêtre, le platane, le saule, le chêne, le peuplier et le noyer de même qu’un genre de Magnolia et de Zamia. (Doctrin secrète 3^e volume, page 14).

CHÂU ẮT-LĂN-TÍCH

Hồi Tám Trăm Ngàn (800.000) Năm Nay.



* * * * *

CHÂU ẮT-LĂN-TÍCH

Hồi Hai Trăm Ngàn (200.000) Năm Nay.



➤ CHÂU THỨ TƯ

Châu thứ tư gọi là Châu Ất-lăn-tích (Atlantide), tên thánh là Câu-xá (Kusha). Nó gồm ba phía:

Bắc, thì bắc Á Châu, kể luôn Tàu và Nhật, chạy ngang qua biển thái bình dương tới phía tây của bắc Mỹ Châu bây giờ. Phía nam thì Ấn Độ, cù lao Tích Lan, Diến Điện, bán đảo Mã Lai. Phía tây thì nước Ba Tư (Perse), Á Rập (Arabie), Si Ri (Syrie), Ap-bít-si-ni (Abyssinie) miền duyên hải của địa trung hải, phía nam Ý Đại Lợi, Tây Ban Nha và từ xứ Ê Cốt (Ecosse), Yết Lăn (Irlande) qua tới Mỹ Châu, choán trọn chỗ mà ngày nay gọi là đại tây dương.

NHỮNG CUỘC TANG THƯƠNG

Châu Ất-Lăn-Tích bị nhiều cuộc tang thương biến đổi, tôi chỉ kể hai lần gần đây thôi:

a) 200.000 năm trước, các vị đạo sĩ thuộc về phái “những người trong bóng tối,” tục gọi là “các vị bàng môn,” dùng tà thuật hãm hại lương dân cho nên thiên đình mới phạt họ lần thứ nhất.

Một trận địa chấn chia châu Ất-lăn-tích ra hai đảo lớn: một đảo ở phía bắc gọi là Ru-ta (Routa), một đảo ở phía nam gọi là Đai-ty-da (Daitya) dính với nhau bởi một eo đất. Các vị đạo sĩ đều chết hết.

b) Nhưng khi đầu thai lại họ cũng không chừa thói cũ. Họ cũng học phép tắc và dùng thần thông làm những chuyện ác, nghịch với lòng trời.

Họ giỏi cho đến đôi biết cách sinh hóa những con thú biết nói tiếng người để giữ nhà và báo tin cho họ. Họ niệm một câu chân ngôn, tức thì kẻ nghịch hóa ra hình thú vật. Họ ỷ tài không sợ oai trời, làm những điều tàn nhẫn trọn 50.000 năm như vậy, mà không chút chi ăn năn chừa cải.

Đức Ngọc Đế mới nhứt định phạt họ. Ngài ra lệnh cho các đệ tử và các vương hầu noi theo chánh đạo dặt lương thân bỏ châu Ất-lăn-tích mà qua miền bắc và miền đông.

Rồi hai ngày sau, lúc nửa đêm, nước triều dâng lên cuồn cuộn, ngập cả thành thị đồng bãi; dông tố ầm ầm thổi tới, mưa tuôn xối xả, sóng bủa cao như núi, đất rung rinh rồi nứt ra từng khúc dài, nhà cửa sập đổ, lửa cháy tung bùng. Núi non văng lên trên không rồi rớt xuống vỡ tan từ mảnh. Tiếng người hoảng hốt khóc than với những tiếng thú kêu la thảm thiết pha lẫn với những tiếng sấm sét vang dầy...

Lúc đó bọn đạo sĩ như thế nào?

Họ bị phép mầu của Tiên Thánh nên ngủ mê man, vì trên Thiên Đình ra lệnh phải cho họ thác một cách êm ái, đừng để họ bị đau đớn, nhưng không cho một người nào thoát khỏi tay tử thần. Bọn thú vật giữ

nhà cho họ đều hóa ra câm, vì lúc ban ngày chúng uống máu huyết của Tiên Thánh. Bọn tiểu thần chờ mạng linh của các đạo sĩ để đối phó, song mạng linh đó không đến, vì các đạo sĩ chưa tỉnh giấc nồng. Chừng nước tràn tới nhà họ, họ giật mình thức dậy thì đã trễ quá rồi. Những phép họ hóa ra đều bị Tiên Thánh phá tan, họ chạy kiếm những phi thuyền của họ để trốn đi, nhưng chúng nó đã trễ mất rồi. Thế thì họ phải bó tay mà đên tội.

Than ôi! Đời oanh liệt xưa kia nay còn đâu. Thương thay! Các bọn đạo sĩ và mấy chục triệu sinh linh xu quyền phụ thế thuộc về phe đảng của họ đều chôn thân vào bụng cá. Tuy vậy mà còn vài tinh chất nhân tạo, chạy trốn khỏi và sống tới ngày nay như nữ thần Kali bên Ấn Độ là một .

Trận đại hồng thủy này xảy ra năm 75.025 trước Chúa giáng sinh. Nó tẩy uế quả Địa cầu và đem cho những người ham luyện phép tắc mà không lo trau sửa tánh tình một bài học rất đau thương. Bị một trận này, các anh trong bóng tối không còn cất đầu nổi nữa. Song tới bây giờ, tuy họ không hoành hành được như xưa, họ cũng không ngót khuấy rối bên chánh đạo, kiếm thế cản trở công việc của Tiên Thánh lo giúp đời, để nhân loại đừng tiến hóa như cơ trời đã định.

Kết quả của trận đại hồng thủy mới nói trên đây là hai đảo Ru-ta và Đai-ty-da bị nhận chìm xuống biển

và để lại một di tích là cù lao Poséidonis hay Podéidon.

Nhưng năm 9.564 trước Chúa giáng sinh, cù lao Poséidon cũng bị một trận đại hồng thủy nên nổi gót hai đảo kia mà nằm dưới đáy biển đại tây dương.

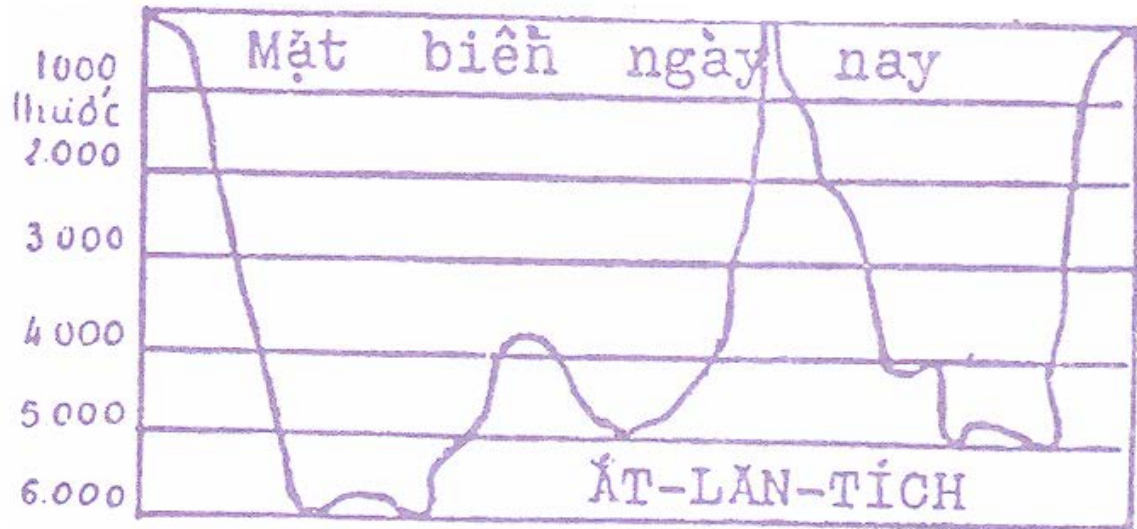


CHÂU ẮT-LĂN-TÍCH

Trước Trận Đại Hồng Thủy
Năm 9564 Trước Chúa Giáng Sinh.

CHÂU ẮT-LĂN-TÍCH

bị nhận xuống biển.



➤ CHÂU THỨ NĂM

Sau cuộc tang thương xảy ra 2.000 năm nay, năm đại lục mới có hình dạng như bây giờ. Năm đại lục ngày nay làm ra châu thứ năm, tên thánh gọi là Krauncha. Hiện giờ trên địa cầu, nhánh nhóc giống thứ ba là giống da đen và nhánh nhóc giống Ất-lăn là giống da vàng còn nhiều lắm.

➤ CHÂU THỨ SÁU

Vài ngàn năm nữa, châu thứ sáu sẽ nổi lên tại thái bình dương để chứa giống dân thứ sáu. Bắc Mỹ Châu sẽ sụp xuống biển chỉ còn khoảnh đất phía tây là California bây giờ. Khoảnh đất này sẽ dính với đất mới và thành ra miền đông của châu thứ sáu.

➤ CHÂU THỨ BẢY

Rồi đúng ngày giờ châu thứ bảy sẽ nổi lên để chứa giống dân thứ bảy. Cũng như con người, các châu thế giới đều luân hồi như vậy mãi.

QUẦN TIÊN HỘI VÀ SỰ CẠI TRỊ THẾ GIAN

Trên mỗi hành tinh đều có các vị Phật, Thánh, Tiên để giúp đức Thái Dương Thượng Đế coi sóc muôn loài vạn vật làm sao cho các loài này tiến tới cho đúng với ngày giờ và khuôn mẫu của Thượng Đế đã định cho chúng nó. Tại trái đất này các vị ấy làm ra

Quần Tiên Hội mà chủ tể là đức Ngọc Đế. Dưới đây là ngôi thứ của các Ngài trong Quần Tiên Hội.

1. – Trên hết là đức Ngọc Đế (Le Seigneur du Monde) được 9 lần điểm đạo.

2. – Dưới Ngài kế đó là 4 vị Phật được 8 lần điểm đạo.

Ba vị Độc Giác Phật (Pratyéka Bouddha) thuộc về cung thứ nhứt.

Một vị Phật đạo đức là đức Thích Ca thuộc về cung thứ nhì.

3. – Dưới Phật là Tam Thanh được 7 lần điểm đạo.

Đức Bàn Cổ (Manou) coi sự sinh hóa một giống dân.

Đức Chương Giáo hay là đức Bồ Tát (le Boddhisatva) lo về phần đạo đức của một giống dân.

Đức Văn Minh Đại Đế (Maha Chohan) (Seigneur de la Civilisation) coi sóc sự văn minh tiến bộ của dân chúng cho hợp với cơ trời.

4. – Dưới Tam Thanh⁸ là những vị Đế Quân (Chohan) được 6 lần điểm đạo. Có 7 vị Đế Quân coi sóc 7 cung.

Cung thứ nhất coi về chánh trị.

Cung thứ nhì coi về đạo đức và giáo dục.

Cung thứ ba coi về thiên văn.

Cung thứ tư coi về mỹ thuật và các nghề nghiệp.

Cung thứ năm coi về các khoa học.

Cung thứ sáu coi về sự tín ngưỡng tôn giáo.

Cung thứ bảy coi về khoa pháp môn phù thủy.

Mỗi người trên thế gian đều thuộc về một trong 7 cung và cũng chịu ảnh hưởng 6 cung kia nữa.

5. – Dưới các Đức Đế Quân là những vị A-sơ-ca (Aseka), Chơn Tiên được 5 lần điểm đạo.

Được điểm đạo 4 lần làm một vị La Hán (Arhat).

Được điểm đạo 3 lần làm một vị A Na Hàm (Anagamin).

Được điểm đạo 2 lần làm một vị Tư Đà Hàm (Sakridagamin).

⁸ Có những Vị cũng 7 lần và 6 lần điểm đạo, song không lãnh một chức vụ tại Thiên Đình.

Được điếm đạo 1 lần làm một vị Tu Đà Huòn (Sota Âpanna).

– Muốn điếm đạo lần thứ nhứt phải có những điều kiện nào?

Muốn được điếm đạo lần thứ nhứt phải có nhiều điều kiện, mà những điều kiện tối cần và đầu tiên là 4 đức tánh sau:

- 1– Hạnh phân biệt,
- 2– Hạnh không ham muốn,
- 3– Hạnh kiểm tốt,
- 4– Hạnh bác ái.

Bốn đức tánh này đã giải rành rẽ trong quyển “Dưới Chân Thầy.” Ai ăn ở giống theo đó thì cửa đạo sẽ mở rộng để rước vào. Luật trời định rằng:

Ai được điếm đạo lần thứ nhứt, dầu cả trăm kiếp sau, lỡ chân sẩy bước đến đâu, tới lúc phán xét cuối cùng cũng không bị bỏ lại. Tuy là nói vậy chớ sự thật chưa có sự thất bại nào dài lâu như thế đâu. Muốn được điếm đạo lần thứ nhì thì phải dứt tuyệt 3 điều trở ngại sau này:

- 1– Phàm nhân là mộng ảo.⁹

⁹ Xin xem quyển “Giảng Lý Dưới Chân Thầy.”

2 – Sự nghi ngờ (không tin có luật luân hồi quả báo).

3 – Sự tin dị đoan.

Vị Tư Đà Hàm cũng gọi là người chỉ trở lại một lần nữa, bởi vì nội trong kiếp sau, nếu người muốn, thì người có thể đi lên hai bậc khác mà không cần đầu thai mang lấy cái xác phàm nặng trĩu này.

Trong khoảng giữa 2 và 3 lần điểm đạo không có dây trở ngại nào phải dứt, song phải biết dùng và mở rộng thượng trí. Khi được 3 lần điểm đạo thì người đệ tử thành một vị A Na Hàm. A Na Hàm nghĩa là không còn trở lại nữa, bởi vì vị A Na Hàm có thể ở trên cõi vô hình, tu hành thêm làm một vị La Hán rồi chứng quả Chơn Tiên, không cần phải có xác thịt này. Mà nếu người đi đâu thai là do tự ý.

Dây trở ngại thứ tư và thứ năm phải dứt tuyệt trước khi được điểm đạo lần thứ tư là:

4 – Tình ái.

5 – Phiền hà, giận giồi, oán ghét.

Người được điểm đạo lần thứ tư gọi là vị La Hán. Vị La Hán phải dứt 5 dây trở ngại trước khi làm vị A Sơ Ca. A Sơ Ca nghĩa là không còn làm đệ tử nữa. Vị A Sơ Ca thông thạo hết cuộc tiến hóa thuộc về quá khứ, hiện tại và vị lai của dãy hành tinh này. Đối

với những người còn mắc trong vòng trần tục thì Chon Sư là Đấng trọn sáng, trọn lành.

Theo luật trời định thì tới bực A Sơ Ca mới được phép thâm đệ tử, vì mình độ mình rồi, mình mới độ người khác được. Vị La Hán tuy đã 4 lần điếm đạo chớ chưa được phép làm Sư Phụ, chỉ được làm một vị sư huynh để dìu dắt các em còn thơ trên đường đạo đức mà thôi. Năm đây trở ngại chót đó là:

6 – Ý muốn sống trong những cõi hữu hình.

7 – Ý muốn sống trong những cõi không có hình dạng.

8 – Sự kiêu căng.

9 – Cái trí xao động.

10 – Vô minh.

Điểm đạo lần thứ nhất ở tại cõi trung giới.

Điểm đạo lần thứ nhì ở tại cõi hữu hình của thượng giới hay là cõi hạ thiên (4 cảnh thấp).

Điểm đạo lần thứ ba ở tại cõi vô hình của thượng giới hay là cõi thượng thiên (3 cảnh cao).

Điểm đạo lần thứ tư tại cõi bồ đề.

Điểm đạo lần thứ năm tại cõi niết bàn.

Bực trung khi được điểm đạo lần thứ nhất rồi đi đầu thai 7 kiếp mới lên tới bực La Hán. Còn vị La Hán

đầu thai 7 kiếp mới thành một vị A Sơ Ca. Nhưng có thể thu ngắn thời gian đó, hoặc kéo dài ra, tùy theo công phu luyện tập của mỗi người.

Trong lúc điếm đạo lần thứ nhất, Chon Thần xuống nhập với Chon Nhon trong một lúc mà thôi. Tới chừng được 5 lần điếm đạo thì phàm nhon luôn và Chon Nhon nhập chung với Chon Thần, ba ngôi thành một không còn chia lìa như trước.

Con người lại có liên lạc với ngôi thứ ba của đức Thái Dương Thượng Đế nữa.

THÀNH TIÊN RỒI ĐI ĐÂU ?

Trước mặt Chon Tiên có 7 đường, muốn chọn đường nào tự ý.

1 – Đường thứ nhất – Ở giúp nhân loại, lãnh một chức trong Quân Tiên Hội.

2 – Đường thứ nhì – Ở giúp nhân loại mà không lãnh một chức nào trong Quân Tiên Hội. Ấy là làm một vị Nirmanakaya sinh những thần lực để cho Quân Tiên Hội dùng để giúp đời.

3 – Đường thứ ba – Nhập vào hàng các vị Đại Thiên Thần.

4 – Đường thứ tư – Vào bộ tham mưu của đức Thái Dương Thượng Đế, đem mạng lệnh của Ngài khắp các dãy hành tinh của Thái Dương Hệ.

5 – Đường thứ năm – Lo công việc tạo lập dãy hành tinh thứ năm để sau thay thế dãy trái đất mình bây giờ.

6 – Đường thứ sáu – Nhập vào niết bàn tiến hóa nữa.

7 – Đường thứ bảy – Nhập vào niết bàn tiến hóa nữa.

Các Chon Tiên tu hành thêm càng ngày càng lên cao. Từ 5 lần điếm đạo lên 6 lần, 7 lần, 8 lần, 9 lần, 10 lần v.v. . . Rồi tới một ngày kia thành một vị Thái Dương Thượng Đế, ban đầu thì sinh hóa một Thái Dương Hệ nhỏ, sau một Thái Dương Hệ lớn có đủ nhân vật như Thái Dương Hệ của chúng ta bây giờ đây.

Hiểu được đoạn trên đây thì giải quyết được 3 câu hỏi: Con người là ai? Xuống cõi trần làm chi? Con người sẽ về đâu?

Xin nói tóm lại con người là Chon Thần của đức Thượng Đế, nói cách khác, chúng ta là con của Ngài. Bởi thế tất cả mọi người trên thế gian đều là anh em một nhà. Chúng ta phải thương yêu nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Mà đâu có bị màn vô minh che lấp, nên còn nhiều người hung hăng tàn bạo đi nữa thì bốn phận

ta đã biết chân lý rồi, phải lo tìm phương thế dìu dắt họ vào con đường chánh giác. Ngoài sự lo lắng cho được ăn no mặc ấm, con người còn phải luôn luôn trau dồi tâm tánh và mở mang trí hóa để giúp ích cho nhân loại thì mới mau đạt được mục đích của đức Thượng Đế đã định sẵn cho trái đất này. Ôi! Nếu để cuộc đời lồi cuốn mãi, e cho sẩy chân một bước thì ngàn kiếp sa đà. Sau bị đau khổ quá mới chịu quay đầu theo đường phải thì cũng mất ngày giờ và chậm trễ hơn chúng bạn nhiều lắm. Chớ nên lầm tưởng rằng kiếp này không học đạo thì còn kiếp sau. Chưa chắc được dễ dàng như thế đâu. Bởi vì kiếp sau phải trả những quả xấu đã gây ra các kiếp trước và ở kiếp sau thì e gặp hoàn cảnh khó khăn, bước đường tiến hóa bị ngăn trở, đâu gặp chân lý cũng không còn sức hấp thụ được nữa. Cho nên kiếp này phải khởi sự học hỏi những lẽ nhiệm mầu của tạo hóa, được bao nhiêu hay bấy nhiêu, thì kiếp sau mới mong tìm lại đường phản bổn huòn nguyên, và sửa đổi số mạng. Hãy tìm cái gốc, cái chân tâm bổn tánh, đừng học cái ngọn và chạy theo ảo ảnh mà mua lấy cái thất vọng về sau.

CHUYỆN ÔNG LÝ KHÁNH VÂN SỐNG 256 TUỔI

Trong quyển “Con người thác rồi về đâu?” trang 9, tôi có nói ông Lý Khánh Vân sống 256 tuổi.

Tài liệu đó tôi lấy trong quyển “Hatha Yoga” của C. Kerneiz, trang 54.

Nay nhân có dịp đọc báo “Phụ nữ tân tiến,” số 21, ngày 1-6-1933 thấy có trích đăng tin ấy do báo Trung Bắc Tân Văn dịch thuật của báo Siêu Nhiên rất rõ ràng, nên đem vào quyển này cho quý bạn xem.

Phụ nữ TânTiến

(Số 21 ngày 1-6-1933)

CHUYỆN BÊN TÀU

Ông Bành Tổ đời nay. Một người tên là Lý Khánh Vân sống lâu đến 256 tuổi.

Chuyện ông Bành Tổ chẳng biết có thật hay không, nhưng theo tục truyền thì đó là một ông đời xưa sống lâu lắm.

Chẳng nói đến chuyện sống lâu bằng ông chớ sống được 100 tuổi cũng đã khó lắm rồi. Nên bên Á Đông cho: “Nhân sinh bách tuế vi kỳ.”

Ngờ đâu, ngày nay lại thấy cái tin rất lạ là một người sống có đến hơn 2 thế kỷ rưỡi. Các báo đều đăng tin ấy, và thấy Trung Bắc Tân Văn có dịch thuật rõ ràng, tin ấy của báo Siêu Nhiên, chúng tôi xin mượn tin này của đồng nghiệp để đọc giả xem qua cho vui.

Ông Lý Khánh Vân sinh về đời Khang Hy, có một người vợ chết đã một thế kỷ, có cháu 4 đời đã 70 tuổi.

Câu chuyện ông già thọ nhứt thế giới này, trong tờ báo đã có mấy lần nói đến, các báo Tàu kỳ vừa rồi tin rằng ông già đã tạ thế ở huyện Khai, thuộc về tỉnh Tứ Xuyên.

Về tuổi thọ của ông già Lý Khánh Vân, mỗi người nói một khác, nhưng như người đã biết rõ thân thế ông thì đều nói ông năm nay quả đã thọ 256 tuổi. Ông Lý vốn là người làm ruộng, kiêm làm nghề vào núi hái thuốc. Từ lúc ít tuổi, sau khi lấy vợ, vợ chết, lại lấy vợ khác, không biết đã mấy lần rồi, mà người vợ ông lấy cuối cùng đã tạ thế hơn 100 năm nay. Hiện ông có 70 người cháu, người chắt bé nhứt của ông năm nay cũng đã 70 tuổi. Ba năm trước đây cũng có nhiều viên ký giả các báo đến tận nơi thăm ông, thấy ông thể phách còn khỏe, như ông già mới độ 6, 70 tuổi. Khi ấy ông Lý có nói chuyện với các viên ký giả rằng ông khéo việc dưỡng sinh, mỗi khi vào núi hái thuốc, ngày đi hơn trăm dặm mà không biết mệt nhọc. Trong lúc thiếu niên có một lần vào núi hái thuốc **bỗng hái được một thứ cỏ lạ¹⁰, bèn ăn cho đỡ**

¹⁰ Trong quyển “Cái Phách” trang 12 nơi đoạn “Sinh lực theo thuốc men và đồ ăn” tôi có nói: Trong rừng Thiên Trước và Hi Mã Lạp Sơn có cây Trường Thọ. Nhân đọc bài này, thấy bên Trung Hoa cũng có một thứ cỏ một loại với cây Trường Thọ.

đói, nay ông hưởng được cái tuổi cao ấy, có lẽ vì thế chăng?

Lại một tờ báo Tàu năm Dân Quốc 17 có đăng sơ lược về ông như sau này:

Có người quê ở Chính An, tên là Lý Khánh Vân ngụ ở Trần Gia Trường, huyện Khai, tỉnh Tứ Xuyên người ta nói đã thọ hơn 200 tuổi, tháng trước đến Vạn Huyện được các giới hoan nghênh, viên quận trưởng là Dương Sâm cũng có quý tặng. Hỏi tuổi thật thì ông ấy nói sinh năm Mậu Ngọ, năm Khang Hy thứ 17, năm nay vừa 249 tuổi. Ông Lý diện mạo nhìn rất cổ, tinh thần rất tinh sáng, ngũ quan đều tốt cả, những móng tay của ông cắt ra chứa đây một cái hòm, hiện tay hữu, ngón giữa, ngón thứ tư và ngón thứ năm móng để dài tới hơn thước. Mỗi ngày đi được hơn trăm dặm, hỏi đạo dưỡng sinh thế nào, ông chỉ nói tĩnh tâm mà thôi, hỏi làm sao ông biết thuật ấy được, thì ông nói, cách ngồi như con rùa, đi như con hạc, nằm như con chó, là điều cốt yếu của ông thầy truyền cho. Ông Lý lại nói lúc mới vài tuổi có từng đọc sách

Chắc chắn là ông Lý Khánh Vân nhờ ăn nó mà được sống tới 256 tuổi. Nếu tôi không lầm, thì trong truyện Thần Tiên gọi thứ cỏ đó là cỏ Linh Chi.

Trong trời đất còn biết bao nhiêu sự bí mật mà con người chưa khám phá nổi, nhưng một khi con người xứng đáng hiểu được cơ trời thì tùy theo tài đức, Thiên Đình sẽ lần lượt vén mànng vô minh lên.

viết chữ, khi độ 10 tuổi có người dắt đi các nơi Thiểm Tây, Tân Cương, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Tạng, Việt Nam, Xiêm La, để hái thuốc, khi trở về Tứ Xuyên đến Trần Gia Trường đã hơn 100 tuổi rồi. Sau đó ông lại đi đến các tỉnh Hồ Bắc, Hà Nam, Hồ Nam, Hán Khẩu, Nam Kinh, Bắc Kinh vẫn lấy nghề bán thuốc mưu sinh. Bình sinh trước sau ông lấy 14 đời vợ, con cháu trai đến 11 đời. Theo lời những ông già Trần Gia Trường nói: từ khi ông Lý đến đó cho tới nay diện mạo tinh thần vẫn như thế, không thay đổi, người ta hỏi chuyện về các đời nhà Thanh và phong tục các nơi ông đều kể vanh vách. Ông Lý lại còn nói có các người bạn nhiều tuổi hơn ông nữa.

(Trích dịch báo “Siêu Nhiên”)

CHƯƠNG THỨ NĂM

TIỂU SỬ ĐỨC NGỌC ĐẾ

Quyển “Luân Hồi” đáng lẽ tới đây chấm dứt, song tôi xin thêm đoạn sau này nói về tiểu sử đức Ngọc Đế là đấng Chí Tôn cai trị trái đất này, những chuyện nam hóa nữ và nữ biến ra nam (để cho quý bạn biết sự phân chia nam nữ là chuyện có thật một trăm phần trăm chứ không phải là chuyện vu vơ hoang đường).

Tiểu sử đức Ngọc Đế. – Theo “Luật Trời” thì trên mỗi bầu hành tinh có ba vị Ngọc Đế thay mặt cho đức Thái Dương Thượng Đế và thay phiên nhau để cai trị muôn loài vạn vật. Tại trái đất này, đức Ngọc Đế hiện thời là đức thứ ba. Ngài vốn ở bầu kim tinh (vénu) qua trái đất mình mới có 6 triệu rưỡi năm nay, hồi giống dân thứ ba phân chia nam nữ. Ngài có ba mục đích:

Một là: thúc giục sự tiến hóa về đường trí thức.

Hai là: lập Quần Tiên Hội tại trái đất.

Ba là: cầm quyền cai trị.

Đồng đi với Ngài có 3 vị đệ tử của Ngài là 3 vị Đốc Giác Phật mới kể ra khi nãy. Gần 30 vị đại Thánh đủ cấp bậc và lối 100 người thường dân ở kim tinh mà Ngài đem xuống cho trà trộn với nhân loại ở trái

đất. Ngài cũng đem theo lúa mì, loài ong mật, loài kiến để giúp cho loài thảo mộc đậu bông mau lẹ và dễ dàng. Phần đông các vị đại Thánh sau khi giúp đỡ nhân loại rồi thì về bầu thế giới khác.

Đức Ngọc Đế và 3 vị Độc Giác Phật không có cái xác phàm như mình vậy. Thân hình các Ngài do phép thần thông hóa ra đã 6 triệu rưỡi năm rồi, tuy không ăn, không uống mà vẫn không già. Tác đức Ngọc Đế như một người trai trẻ 16 thanh xuân (adolescent de seize printemps) đại từ đại bi, song oai nghi lắm liệt; những vị đệ tử được 3 lần điểm đạo quì dưới chân Ngài nắm nắm nóp nóp không dám ngó ngay lên. Cái tâm của Ngài thông suốt hết tất cả mọi việc xảy ra trên trái đất này và trong 7 cõi: từ cõi tối đại niết bàn cho tới cõi phàm. Hào quang Ngài bao trùm trái đất, không có một con kiến nào chết, hoặc là một việc bất công nào bí mật mà Ngài không biết. Duy có một mình Ngài được phép điểm đạo mà thôi. Song, thường thường điểm đạo 2 lần đầu, lần thứ nhứt và lần thứ nhì, thì Ngài giao quyền cho đức Chương Giáo hay là một vị Chơn Sư thay mặt cho Ngài. Không có mạng lệnh của Ngài thì không có ai được vào Quần Tiên Hội. Ngài có cây pháp lệnh (sceptre de pouvoir) của đức Huyền Thiên Thượng Đế (Logos planétaire) ban cho, lối 6 tấc bề dài, 5 phân đường kính tâm, làm bằng một loại kim tương tợ như vàng (oricalcum), thứ này hiện giờ trên địa cầu không còn, hai đầu nhận 2 hột xoàn tròn rất lớn, đầu nhọn, luôn

luôn dường như có lửa bao bọc và hào quang sáng rỡ. Cây pháp lệnh này có liên quan mật thiết với sinh mạng các loài trên thế gian. Nếu cầm cây pháp lệnh này mà qua bầu thế giới khác thì muôn loài vạn vật trên địa cầu này đều chết. Cây pháp lệnh này luôn luôn ở tại thiên cung và dường như chỉ rời ra có 2 lần: lúc điếm đạo và lúc vía Phật Thích Ca mỗi năm, thường nhằm ngày rằm tháng tư,¹¹ giờ trăng tròn.

Theo lẽ thì trong cuộc tuần hoàn thứ tư này nhân loại chỉ mở được tình cảm mà thôi, qua cuộc tuần hoàn thứ năm mới mở hạ trí. Nhưng nhờ đức Ngọc Đế và 3 vị Đốc Giác Phật dùng thần lực, cũng như từ điển, làm cho các năng lực trong trí con người mở mang ra, không khác nào ánh sáng mặt trời làm cho cái hoa đang búp nở lần lần. Vì vậy ngày nay con người mới được khôn khéo như thế này.

Cũng nhờ Ngài mà cả triệu thú vật mới được đi đầu thai làm người trong lúc phân chia nam nữ. Thường thường Ngài lo lắng sự tiến hóa chung của cả trăm triệu linh hồn, nhưng nếu Ngài tưởng đến một người nào riêng thì ân huệ của Ngài ảnh hưởng tới Ất-Ma (Atma), ngôi thứ nhất của Chơn Nhơn.

Trái đất này coi rộng lớn, song kỳ thật ở trong lòng bàn tay Ngài. Hiện giờ thiên cung Sam-ba-la

¹¹ Gặp năm nhuận hai tháng hai thì nhằm ngày rằm tháng 3, theo dương lịch thì rằm tháng 5.

(Shamballa) ở tại ốc đảo (oasis) giữa sa mạc Gô-bi (désert de Gobi). Các bạn nghe vậy chớ lấy làm lạ, bởi vì 6 triệu rưỡi năm trước, chỗ sa mạc Gô-bi bây giờ là mênh mông đại hải, còn ốc đảo là một cái cù lao gọi là Bồng Lai, phong cảnh u nhàn, khắp thế gian không có nơi nào sánh kịp và dường như quả địa cầu để dành riêng chỗ đó làm món quà dâng cho đấng Chí Tôn thay mặt cho đức Thái Dương Thượng Đế. Sau một cuộc tang thương đại hải, Gô-bi biến thành sa mạc, song Bồng Lai vẫn còn xinh đẹp như xưa. Tuy ở vào đại lục, song người phàm không thể bước chân tới đó được. Chung quanh ngai vàng luôn luôn có những đại thiên thần châu chực sẵn sàng vâng theo mạng lệnh của Ngài sai khiến. Đúng 7 năm thì có một đại hội, đức Ngọc Đế mời các Tiên Thánh trên địa cầu lại Bồng Lai, có lẽ để bàn tính những công việc phải thi hành cho hợp với thiên cơ. Cũng có vài vị La hán được mời đến dự. Ngoài ra trường hợp này, khi Ngài ra lệnh mời ai đến thì mới được phép tới Thiên Cung. Ngày thường, Ngài chỉ tiếp kiến các vị đại Thánh như đức Chương Giáo, đức Bàn Cổ, đức Văn Minh Đại Đế và các đức Đế Quân mà thôi. Kinh thánh bên Thiên Trước gọi Ngài là Sanat Koumara (Sa-na Cu-ma-ra), còn 3 vị Độc Giác Phật là: Sanandara (Sa nan đa ra), Sanaka (Sa na ca), và Sanatana (Sa na ta na).

Sau khi nhân vật bỏ bầu trái đất này qua bầu thủy tinh (mercure) thì 3 vị Độc Giác Phật sẽ thay

phiên nhau lãnh chức Ngọc Đế để điều dắt sự tiến hóa trên tinh cầu đó.

NHỮNG CHUYỆN ĐÀN ÔNG HÓA RA ĐÀN BÀ, VÀ ĐÀN BÀ HÓA RA ĐÀN ÔNG TỪ ĐÔNG PHƯƠNG TỚI TÂY PHƯƠNG

Tuy phân chia nam nữ rời song trong bộ phận sanh dục của mỗi giống đều còn giữ một phần của giống kia, cho nên mới có sự biến đổi nam ra nữ, nữ ra nam được.

Dưới đây là những chuyện rút trong các báo đã đăng ra từ mười mấy năm nay.

Ở ĐÔNG PHƯƠNG CON GÁI HOÁ RA CON TRAI

(Rút trong báo Công Luận)

Trước đây bốn báo có đăng một việc như việc này, nói một người Tàu, là con gái, sang buôn bán ở Mỹ Châu, sau tự nhiên thấy thân hình biến thành con trai rồi lấy vợ, trở về nước làm việc tại huyện nha, ai nấy đều lấy làm lạ cả. Nay xem trong báo Tàu có thuật một việc giống như thế, chính tác giả tự nói là quả trông thấy người ấy. Vậy xin thuật lại sau đây:

“Các nhà sinh vật học đã từng nghiên cứu trong các loài sinh vật, có nhiều giống như giống “cá man”

ở dưới biển thường thường con cái hóa làm con đực, con đực hóa làm con cái, mà mỗi khi nó đã biến thân thì mất hẳn cái tính trước đi. Giống cá còn thế, vậy thì người ta cũng biến hóa như thế, tưởng cũng có thật. Còn cái lẽ biến hóa như thế nào, tất phải do các nhà sinh vật học nghiên cứu mới biết rõ được.

Vào khoảng năm đầu vua Quang Tự nhà Thanh, có một viên hậu bổ tri phủ Quảng Đông là Trần Mỗ nguyên đỗ tiến sĩ, nên được quan tổng đốc hai tỉnh Quảng là Trương Chi Đông đem lòng yêu, cho làm chức tốt, bổng lộc rất hậu, làm nên giàu có, trong nhà nuôi nhiều tôi tớ. Hai vợ chồng Trần Mỗ đều đã ngót 50, chỉ sinh được một người con gái, yêu quý như hòn ngọc báu trên tay; vì hiếm hoi nên cho ăn mặc giả làm con trai, trong bó chân mà ngoài thì đi giày to, đội mũ nhỏ, mặc áo dài, đứng như một vị công tử. Khi lên 10, đón một vị danh sư về dạy cho học. Trần Mỗ lại nuôi một con bé ở tên là Phú Quý, cũng đồng tuổi với người con gái ấy. Vì thấy nó lanh lợi nên cho cùng học. Người con gái ấy đã rất thông minh lại chăm chỉ học hành, Trần Mỗ đặt tên là Trần Kế Tiên, là có ý coi như một người con trai, sau này sẽ nối được nghiệp nhà vậy.

Nhưng mỗi khi ra chơi ngoài phố, mọi người trông thấy đều gọi là Tiên cô. Kế Tiên cùng với Phú Quý rất yêu nhau, đâu là con chủ nhà với đứa con ở, nhưng ăn cùng bàn, ngủ cùng giường, ngày đêm quần quít nhau, không lúc nào rời nhau ra. Đến khi

Kế Tiên và con Phú Quý đều đã 15 tuổi, Trần Mỗ không cho đi ra ngoài nữa, lại vì bó chân, ăn mặc quần áo và đi giày con trai không tiện, nên bắt phải để tóc và ăn mặc nữ trang như các vị tiểu thư khác.

Thấm thoát Kế Tiên đã 18 tuổi.

Từ năm 16, Trần Mỗ đã nhận lời gả Kế Tiên cho con trai quan Đạo Đài ở tỉnh ấy. Được hai năm quan Đạo Đài nhờ mối đến nói xin cưới, Trần Mỗ bằng lòng, quan Đạo Đài liền chọn ngày đón dâu, và sai người nhà đem các lễ vật đến nhà Trần Mỗ. Khi ấy ở nhà Trần Mỗ cũng bày tiệc rất linh đình, vì có một con gái nên làm lễ cưới rất to. Đang trong lúc náo nhiệt, bỗng thấy con Phú Quý từ phòng Kế Tiên tiểu thư hốt hoảng chạy ra đi lên phòng trên, dắt tay bà Trần Mỗ đi vào trong một cái phòng kín đóng chặt cửa lại, rồi quì hai gối xuống mà kêu van rằng: “Xin bà lớn rộng lòng tha thứ cho, con có một việc khẩn cấp, xin bẩm bà lớn nghe.” Bà Trần Mỗ tự nhiên thấy nó dắt vào đó, lại thấy nó có vẻ lo buồn, không hiểu ra thế nào, lấy làm lạ quá, liền quát mắng rằng: “Phú Quý! Mây điên hay sao đấy, mà tự nhiên dắt tao vào đây? Lại làm cái hình trạng quái lạ như thế? Mây có tội gì mà xin tha? Mau mau nói cho tao nghe, trong lúc có việc vui mừng, chớ nên khiến cho ta phải sợ hãi. Mây nói ngay thì tội to thế nào tao cũng tha cho, ngày thường ta đãi mây thế nào, hễ mây cũng đã biết, vậy có sao mây lại làm cái bộ sợ hãi như thế? Nói mau lên!”

Con Phú Quý thấy bà Trần Mỗ giục mãi nói mau, ngập ngừng một lát rồi mới thưa rằng: Con đây đội ơn bà lớn yêu như con gái nên mới được cùng tiểu thư cùng ăn cùng nằm, đêm ngày cùng tiểu thư học tập, không ngờ tiểu thư năm 16 tuổi bỗng một đêm thân hình hóa ra trai ôm ấp trêu nghịch con. Con thấy sự lạ lòng, giả bộ bị tiểu thư đùa nghịch, không dám nói ra, nhưng từ đó về sau, vẫn khuyên tiểu thư đem ngay việc ấy, bẩm cho ông, bà lớn biết. Không ngờ tiểu thư cứ giấu, không chịu nói, lại cấm không cho con được tiết lộ ra. Con sợ tiểu thư, cũng không dám nói, nào ngờ vài tháng trước đây con nghe mình hơi khác, lúc mới cứ ngỡ là có bệnh, sau thấy bụng mỗi ngày mỗi to, mới biết là con đã mang thai. Con thấy vậy lấy làm sợ quá, khuyên tiểu thư phải mau mau nói ngay cho ông, bà lớn biết. Con còn bảo là nếu cứ giấu mãi, không chịu nói ra, thì mai kia nhà trai đến đón dâu, tiểu thư biết nói thế nào cho xuôi. Mà con đây cũng phải hàm oan không sao tỏ được, rồi đến phải chết cả, chớ chẳng chơi. Không ngờ tiểu thư vừa sợ vừa thẹn, vẫn không dám nói cho bà lớn biết, cúi xin bà lớn rộng lượng nghĩ cho con được thế nào thì nhờ thế ấy.”

Con Phú Quý nói rồi, cứ cúi đầu lạy mãi. Bà Trần Mỗ giật mình cả sợ, bỗng lại nổi giận mà mắng rằng: Con này nó hóa điên chắc, tự nhiên mầy lại đặt bày câu chuyện kỳ quái để dọa nạt hay sao? Kế Tiên chính là con gái ta đẻ ra, ta lại nuôi cho đến lớn, rõ ràng là

con gái, có lẽ nào lại biến làm con trai. Con này phải đáng chết mới được. Ta nay hỏi mày: Mày bảo tiểu thư hóa làm con trai, vậy thì hóa vào chỗ nào? Nói mau cho tao biết? Con Phú Quý nói: Bẩm quả là công tử, chớ không phải là tiểu thư nữa, con xem ra thì một nửa là thân con trai, một nửa là thân con gái.

Bà Trần Mỗ lại càng lấy làm lạ, lại mắng rằng: “Mày nói láo, chứ có lẽ nào thế. Chắc mày lại đi thông dâm với đứa nào, muốn gỡ tội nên đặt chuyện ra thế chớ gì! Vậy tao hỏi mày: thế nào mà mày biết một nửa là thân con trai và một nửa là thân con gái? Mày phải nói rõ cho tao nghe, không thì ta giết mày ngay bây giờ.”

Con Phú Quý nói: Trước mặt bà lớn khi nào con lại dám nói sai. Bấy lâu con vẫn cùng công tử ngủ cùng giường từ bé đến lớn, con vẫn thấy là con gái, chớ không thấy gì khác cả.

Mãi đến năm công tử 16 tuổi trở đi, mỗi đêm cứ đến canh năm thì công tử ... Con Phú Quý nói đến đó mặt đỏ bừng lên, như quả ớt chín, không thể nói được nữa. Bà Trần Mỗ lại thét nói mau. Nó lại nói rằng: “Từ đó con mới biết công tử là thân con trai, chớ không phải là thân con gái, xét ra đến năm 16 tuổi mới biết ra sự lạ lùng như thế, con từ sau khi bị công tử đùa nghịch rồi, vẫn thường nói với công tử phải bẩm sự thật cho bà lớn biết, chớ nên lần lữa mà hại mình. Thân con là kẻ tội đòi, dầu có chết vẫn không tiếc, chỉ

ái ngại thay cho công tử ngày nay đúng là thân con trai mà cứ giấu giếm mãi rồi ra sẽ bị oan khuất một đời, há chẳng đáng tiếc lắm ru? Con nói đã hết lời mà công tử vẫn cứ giấu mãi không nói. Nếu bà lớn không tin xin đến canh năm đêm nay, rình lúc công tử ngủ say, bà lớn tự vào khán nghiệm, thì thật giả thế nào sẽ thấy rõ vậy.” Bà Trần Mỗ thấy con Phú Quý nói chắc như thế, cúi đầu không nói gì, trong lòng nghi, rất lấy làm lạ, vừa sợ vừa mừng, một lát nói rằng: “Mây đã nói bằng chứng như thế, vậy để đến đêm nay tao khán nghiệm xem thế nào rồi tao sẽ bảo.”

Đêm hôm ấy, bà Trần Mỗ ngồi chờ hết canh tư, rón rén bước vào trong phòng tiểu thư, quả nhiên đến trống canh năm thấy con Phú Quý lấy tay vén màn ra rón rén bước xuống đất, trông thấy bà Trần Mỗ liền gật đầu ra hiệu bảo bà trèo lên giường, còn nó thì ngồi im một bên để xem thế nào.

Bà Trần Mỗ thót mình trèo lên giường, nằm ngay bên cạnh Kế Tiên, không biết khán nghiệm thế nào, bỗng thấy bà sững sốt cả người ra ý then thường lắm, rồi nói to ra một tiếng rằng: Ồ! Lạ quá! Lạ quá! Kế Tiên đang ngủ giật mình tỉnh dậy thấy bà mẹ ngồi ở bên cạnh, biết việc mình đã tiết lộ ra mất rồi, then quá cứ cảm mặt xuống, bà Trần Mỗ liền nắm tay lôi xuống giường chỉ vào mặt mà mắng rằng: Kế Tiên! Thân con đã biến thành con trai, sao lại cứ giấu mãi, không nói ngay ra cho chúng ta biết, lại cùng Phú Quý làm việc tối tăm, để cho cha mẹ đem gả cho người ta, mãi đến

bây giờ người ta sắp làm lễ cưới, vẫn còn giấu kín không nói, vậy ta không hiểu lòng con nghĩ như thế nào? May mà con Phú Quý nó có mang, sợ ngày sau không lấy gì làm bằng, nên nó thú thật cùng ta, bảo ta đem nay đến khán nghiệm. Hiện ta đã xét rõ, mây quả là thân con trai rồi, chớ không phải là thân con gái. Nếu con Phú Quý nó không có mang mà mây nhứt định cứ giấu mãi đến hôm kiệu hoa đem đến cửa, không những mây bị xấu hổ, mà cha mây lúc ấy biết nói với người ta thế nào. Tất là người ta bảo cha mây đánh lừa đem con trai giả làm con gái, đó là mây làm nhục cho cha mây phải không? Kế Tiên bị bà mẹ nhiếc mắng cho một hồi, đành cứ phải cúi đầu, không dám nói một lời nào cả. Lúc ấy ông Trần Mỗ đang ngủ tại trong phòng, bà Trần Mỗ chạy đến gõ cửa, bảo phải dậy ngay, có một việc khẩn cấp. Ông Trần Mỗ giật mình tỉnh dậy, không hiểu ra thế nào, lật đật chạy ra mở cửa hỏi có việc gì. Bà Trần Mỗ kéo áo bảo ngồi xuống, rồi ghé tai bảo thầm sự tình về Kế Tiên. Ông Trần Mỗ nghe nói giật mình, ngồi ngay ra một lúc, rồi mới nói rằng: Việc này thiệt là lạ quá, nhưng cũng là phúc cho nhà ta. Tôi và bà đang lo không có con trai, để nỗi lấy cái hương hỏa cho nhà Trần. Nhưng ta phải nói ngay cho quan Đạo Đài biết mới được, nếu không thì làm lỡ việc nhà ông ấy. Ông Trần Mỗ nói rồi, lập tức ra thư phòng, toan sai người đi cầm thư mời quan Đạo Đài đến nói chuyện, bỗng thấy báo có quan Đạo Đài đến. Ông Trần Mỗ vội

vàng ra đón vào. Khi đã ngồi yên, Trần Mỗ liền nói rằng: Tôi nói câu này hẳn Ngài phải lấy làm lạ.

Mà chính tôi cũng không hiểu ra thế nào. Việc liên nhân của hai nhà ta, không ngờ lại hóa ra dở dang! Quan Đạo Đài nghe nói liền biến sắc mặt, vội hỏi làm sao? Ông Trần Mỗ liền kể hết tình hình việc Kế Tiên biến làm con trai và việc bà Trần Mỗ đã khán nghiệm ra thế nào cho Đạo Đài nghe và nói rằng:

– Cũng may mà con Phú Quý có mang thai, nó sợ phải tội, vội nói ra, nếu không thì vợ chồng tôi cứ ngỡ là con gái. Nếu đưa nó về nhà Ngài thật là làm hại. Nếu ngài không tin, xin cho một người thân tín đến khán nghiệm sẽ biết rõ ràng. Quan Đạo Đài ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

– Việc này thật là kỳ lạ, trời đất sinh ra người ta lại có cái việc không ngờ đến như thế. Nếu hai ông bà đã khán nghiệm rõ ràng thì chắc là đích thật rồi, khi nào tôi lại không tin. Vậy thì hai nhà ta đây, xét ra cũng là có một mối nhân duyên ràng buộc lấy nhau, hai đứa ấy đã không thành được vợ chồng, thì ta khiến cho chúng nó thành ra anh em, chớ có ngại gì. Con tôi thì làm anh, con ông thì làm em, lấy ngay cái ngày định lễ cưới cho chúng nó làm lễ kết nghĩa anh em cũng là một việc hay đấy. Chẳng hay tôn ông nghĩ thế nào? Quan Đạo Đài nói xong liền dặt tay Kế Tiên cả cười mà nói rằng: Cháu ôi! Ngày nay ta không thể làm cha chồng cháu thì ta sẽ làm bác cháu đây. Cha

mẹ cháu bấy lâu không biết cháu là con trai, cứ tưởng cháu là con gái, điều đó cũng không lấy gì làm lạ. Nhưng thôi việc đã qua rồi, chẳng nói đến làm chi nữa. Chỉ tiếc là trót bó chân cháu thì sau này cháu ra đũa chen vào đời thế nào được, vậy từ nay cháu nên cởi hai chân ra chớ bó lại nữa, ta sẽ đem món tiền định để cưới cháu, quyên cho cháu lấy một chút công danh để anh em cháu cùng được vẻ vang như chúng ta vậy. Quan Đạo Đài nói xong liền bảo ông Trần Mỗ rằng: Chúng ta cứ như định như ngày hôm ấy cùng làm tiệc mời khách, tưởng đó cũng là một sự vui mừng ít có vậy.

Quan Đạo Đài nói rồi lên xe ra về. Đến ngày đã định trước, hai nhà đều chong đèn kết hoa, hát xướng linh đình, quan Đạo Đài dùng một cái kiệu bốn người khiên, sai đến đón Kế Tiên về nhà cùng con trai mình nhận nhau làm anh em. Lúc ấy Kế Tiên đầu đội mũ, mình mặc bộ áo bào coi rất lịch sự, các tân khách đều tiến ra khỏi cửa rồi cùng trở vào dự tiệc. Ông Trần Mỗ lấy làm vui vẻ quá, nói với các tân khách rằng: “Tôi thật không bao giờ lại nghĩ ra có việc như ngày hôm nay, không những tôi không nghĩ đến, ngay con tôi khi nó chưa đến 16 tuổi, tự nó cũng không nghĩ thân nó lại biến đổi như ngày nay. Người ta vẫn nói: Trong trời đất này không có việc lạ gì không có. Chính như việc của thằng con tôi như vậy.”

Ăn tiệc xong, ông Trần Mỗ cũng sai người đem kiệu đi đón con trai ông Đạo Đài, một lát con trai ông

Đạo Đài cùng Kế Tiên đi kiệu về. Ông Trần Mỗ cùng các tân khách ra đón, hai người cùng bước lên thềm xin mời vợ chồng ông Trần Mỗ ra để cho hai người làm lễ chào lạy. Cách đó mấy hôm, quan tổng đốc Trương Chi Đông nghe nói có việc ấy, liền cho đòi ông Trần Mỗ vào để hỏi lai lịch. Ông Trần Mỗ kể rõ sự tình, quan tổng đốc lấy làm lạ quá, lúc ấy quan Đạo Đài đã giúp cho Kế Tiên một chức quan tá nhị, dẫn Kế Tiên vào chào lạy quan tổng đốc. Quan tổng đốc hỏi điều gì, Kế Tiên đều ứng đáp trôi chảy cả, tỏ ra người bạo dạn, tuyệt nhiên không có cái bộ rụt rè e lệ như đàn bà. Quan tổng đốc có lòng yêu lắm, lập tức bổ cho làm quan. Ông Trần Mỗ liền cho phép Phú Quý thành vợ của Kế Tiên, và làm tiệc mời khách tuyên bố việc ấy để cho công chúng biết. Sau Phú Quý sinh luôn 3 trai, còn Kế Tiên làm được tri huyện, đó là một việc mà chính tác giả đã được trông thấy, không phải là bịa đặt vậy.”

Long Thành

Chuyện này rút trong báo Công luận ngày 26-10-1928. Bài này có phải chứng chắc rằng thuở xưa con người có đủ hai bộ phận âm và dương trong mình chẳng? Nếu không có đủ hai cái, làm sao con gái hóa ra con trai được? Đòi nay thấy nhiều chuyện lạ, vì lâu lâu tạo vật làm như muốn trở bước lại, nên sinh ra

những người bộ nắp, những người lại cái, và những người con gái biến đổi ra con trai.

Ở TÂY PHƯƠNG NỮ HOÁ NAM

“Chuyện đâu có chuyện lạ đời! Trước đây trên báo Tân Văn chúng tôi có thuật chuyện một người đàn ông hóa ra đàn bà, chắc độc giả còn nhớ. Chúng tôi cũng có thuật chuyện cô Joubkowa, người Ba Lan chiếm được nhiều giải quán quân về thể thao, bỗng nhiên lại trở thành đàn ông.

Mới đây lại có một việc cũng tương tự, cô tiểu thư Anh tên Marry Edith Weston cũng là một nhà quán quân thể thao, đã trở thành đàn ông. Số là lúc sau này bỗng nhiên cô Weston thấy trên má hồng của mình có râu mọc ra cứng và dài. Lấy làm lạ quá, cô mới đến tỏ việc mình cho một vị bác sĩ chuyên môn về khoa giải phẫu. Vị bác sĩ mới đem cô vào phòng mổ xẻ mà sửa đổi trong thân thể cô. Không rõ vị bác sĩ mổ xẻ cách nào, chỉ biết kết quả lạ lùng của sự mổ xẻ ấy mà thôi! Lúc vào dưỡng đường thì cô mặc đồ đàn bà, đến khi đi ra thì cô lại mặc đồ đàn ông. Không phải cô cắt có mà ăn mặc như vậy đâu. Không, cô ăn mặc như vậy là vì cô ta đã trở thành một người đàn ông rồi. Cô không còn là Marry Edith Weston nữa, cô ta trở thành Mark Weston.

Cái trường hợp của cô Weston và cô Joubkowa ấy không còn là lạ lùng về mặt khoa học nữa. Khoa

thẩm mỹ giải phẫu (chirurgie esthétique) hiện thời ở thế gian, thay giống người dễ dàng lắm. Chúng ta dư biết rằng trên thế gian có nhiều người trời sinh ra lạ kỳ, bán nam bán nữ. Nhờ khoa nói trên, các vị thông thái tùy theo hình trạng của mỗi người mà mổ xẻ họ, làm cho họ hoặc trở nên đàn bà, hoặc trở nên đàn ông. Kẻ viết bài này tiếc vì không phải là một nhà y học, có thể giải nghĩa rõ ràng những sự kỳ lạ ấy. Chỉ xin nhắc lại rằng sở dĩ các nhà khoa học đã làm cho cô Lili bỏ lột đàn ông mà làm đàn bà, và cô Joubkova cùng cô Weston đàn bà làm đàn ông được là nhờ sự thay đổi tự nhiên trước một phần rồi. Nhà khoa học chỉ làm cho hoàn toàn sự thay đổi thiên nhiên mà thôi. Dầu có vậy đi nữa cũng là một việc lạ đáng cho chúng ta chú ý." (Thế Giới Tân Văn, số 2 ngày 16-7-1936)

Bá Phú

NỮ HOÁ NAM

Từ khi có sự thay đổi lạ lùng của nhà nữ thể thao trứ danh nước Tiệp Khắc (Tchécoslovaquie) tên Kdenek- Konbek tới nay, những sự thay đổi hình dạng ấy càng ngày càng thấy thêm nhiều. Mới đây, một nhà nữ vô địch Anh tên Louis Weston vừa rồi hóa thành đàn ông mà trong số báo trước chúng tôi đã có bài tường thuật rồi (xin xem Thế Giới Tân Văn, số 2), nhưng chẳng riêng gì cô ấy, hiện thời người ta

quả quyết rằng còn 25 người đàn bà trong xứ đang “bị” sự thay đổi ấy.

Bên xứ Hung Gia Lợi, một cô gái tên Jolan Kun bỗng nhiên thành đàn ông, lẽ tự nhiên là cô phải khai bộ đời khác, mà trước nhứt là khai tuổi cô Kun thì chỉ 27 tuổi, mà cậu Kun có đến 37.

(Thế Giới Tân Văn số . . .)

TỔ TÔNG LOÀI NGƯỜI Ở ĐÂU ?

Theo Sáng Thế Ký của Mô-i-sơ (Moïse) thì tổ tông loài người là ông Adam và bà Eve, do đức Chúa Trời Jéhova sinh ra ở trong một cảnh vườn tại Lạc Thổ Eden. Mà Eden ở đâu? Không ai biết cả. Nhưng trong quyển Prasada ou Poèmes des Poèmes, bên Thiên Trước có thuật chuyện đức Thượng Đế Brahma sinh hóa tổ tông loài người.

Tôi lấy đại ý dịch ra đây cho quý bạn xem:

“Mặt đất đầy những cỏ hoa, cây dầy đầy trái, cả ngàn cầm thú chạy giỡn trong đồng và bay liệng trên không; những bạch tượng đi dạo chơi thong thả dưới bóng những rừng rộng lớn; đức Thượng Đế Brahma biết ngày giờ sinh hóa con người đã đến để ở cảnh thần tiên này. Ngài bèn lấy trong đại linh hồn một sinh mạng cho vào thể xác làm ra hai người “nam và nữ” để sinh hóa như cây cỏ và thú vật. Ngài cho chúng nó lời nói và ý thức. Nhờ vậy chúng nó cao

hơn những loài vật của Ngài đã tạo ra, nhưng thấp hơn Ngài và các thiên thần. Ngài làm cho người đàn ông phân biệt bởi sức lực, vóc vác và oai nghi. Ngài đặt tên là A-đi-ma (Adima), tiếng bắc Phạn là người thứ nhứt, hay là đứng đầu các sinh vật. Còn người đàn bà thì có duyên, dịu dàng và đẹp đẽ, Ngài đặt tên là Hê-hoa (Heva), tiếng bắc Phạn là giúp cho sự sinh tồn được viên mãn. Đức Thượng Đế mới cho hai vợ chồng ở tại cù lao Tích Lan, khi cây cỏ tốt tươi đáng gọi là cõi thiên đàng tại thế; bây giờ đây nó cũng còn là cù lao đẹp nhứt ở Ấn Độ dương.

Ngài mới phán với hai vợ chồng: “Hãy ăn ở với nhau và sinh sản con cái. Chúng nó là những hình ảnh sống của hai người trên mặt đất từ thế kỷ này qua thế kỷ kia, sau khi hai người trở về với Ta.

Ta là chúa tể vạn vật, Ta sinh hai người để phụng thờ Ta trọn đời và những kẻ nào tin nơi Ta sẽ được sang sót hạnh phúc của Ta, sau khi vạn vật bị tiêu diệt. Hãy dạy dỗ con cái hai người, điều đó chúng nó chớ khá quên Ta, ngày nào Ta còn tên Ta thì Ta vẫn ở với chúng nó.” Rồi thì Ngài cấm A-đi-ma và Hê-hoa không được rời bỏ cù lao Tích Lan. Và Ngài nói tiếp: “Nhiệm vụ của hai người là ở sinh sản tại cù lao này và truyền dạy sự thờ phụng Ta cho những kẻ sinh ra. Nơi đây Ta đã lo cho hai người đủ các phương tiện và vui vẻ. Ngoại trừ sau con cháu hai người đông đúc cho đến đôi chỗ này không đủ chứa chúng nó nữa thì

trong lúc cúng tế chúng nó sẽ hỏi Ta, Ta sẽ cho biết ý định của Ta.” Nói rồi Ngài biến mất.

A-đi-ma và Hê-hoa ở đó một ít lâu được hoàn toàn sung sướng, không có sự đau khổ nào tới khuấy rối sự an tịnh của hai người. Hai vợ chồng chỉ có giờ tay lên cây thì hái những trái ngon ngọt và chỉ cúi xuống thì lượm những hạt lúa tốt và mịn màng. Nhưng mà một ngày kia hai vợ chồng bắt đầu lo ngại chuyện viễn vông. Ấy là ma vương ghen ghét hạnh phúc của hai vợ chồng và công nghiệp của Đấng tạo hóa, cho nên xúi giục hai vợ chồng có những ý muốn mới lạ.

A-đi-ma mới nói với vợ: “Chúng ta hãy đi dạo trong cù lao và coi thử chỗ nào đẹp hơn chốn này không?” Hê-hoa bèn theo chồng. Hai vợ chồng mới đi, ngày này qua ngày kia, tháng này qua tháng nọ và ngừng lại dựa mé những suối nước trong trẻo và dưới bóng những cây cao lớn tàn che khuất ánh sáng mặt trời. Nhưng càng ngày càng đi tới thì Hê-Hoa trong lòng phát hoảng sợ một cách lạ lùng.

Hê-hoa mới nói: “A-đi-ma, chúng ta đừng đi xa nữa, dường như chúng ta đã cãi lời đức Thượng Đế rồi, không phải là chúng ta đã bỏ chỗ Ngài đã định cho chúng ta ở hay sao?”

A-đi-ma đáp rằng: “Đừng sợ. Không phải là chỗ đất góm ghiết chưa ở được mà Ngài đã nói với chúng ta đâu.” Rồi cả hai đi nữa. Sau rốt hai vợ chồng đi tới

mút cù lao Tích Lan. Cả hai thấy trước mặt có một cái eo biển không mấy lớn, còn bên kia thì đất rộng mênh mông dường như chạy dài vô tận. Những đá ở dưới biển nổi lên làm ra một cái đường hẹp nối liền cù lao và lục địa mới lạ đó. Hai vợ chồng dừng chân lại, lấy làm lạ lòng hết sức. Miền đó đầy những cây cao lớn, chim chóc cánh lông rục rỡ, bay lượn trên nhánh.

A-đi-ma mới nói: “Ồ! Đẹp quá! Trái cây đó phải ngon biết dường nào! Chúng ta hãy qua hái ăn thử coi và nếu xứ đó tốt hơn chỗ ta, thì chúng ta ở luôn tại đó.” Hê-hoa run rẩy lập cập, năn nỉ A-đi-ma, đừng làm điều gì mà chọc giận đức Thượng Đế. Nàng nói: “Chúng ta ở chỗ này không phải là tốt rồi hay sao? Chúng ta có nước ngọt, trái ngon, còn kiếm cái gì nữa.” A-đi-ma mới đáp: “À! Vậy thì chúng ta sẽ trở về, mà đi viếng xứ lạ có hại gì đâu?” Nói rồi đi lại gần các cục đá. Hê-hoa theo chồng mà run rẩy. A-đi-ma mới vác vợ lên vai rồi đi qua eo biển. Chân mới vừa đặt đất thì nghe có tiếng nổ vang dầy. Cây cối, bông hoa, chim chóc thấy khi nãy đều biến đi đâu mất. Các cục đá nổi lên đều trầm xuống biển, chỉ còn vài cục nhọn ló khỏi mặt nước để làm dấu tích những sự việc đã xảy ra trong quá khứ sa sôi.

A-đi-ma bèn té xỉu xuống cát, khóc mướt. Hê-hoa mới lại ôm chàng mà nói: “Chàng chớ sầu thảm. Hãy cầu nguyện đức Thượng Đế tha tội cho chúng ta.” Nói vừa dứt lời thì nghe trên mây có tiếng phán rằng: “Hỡi người nữ kia! Người nói như thế là vì

thương chồng, mà ta đã dạy người phải thương chồng người. Người trông mong nơi Ta. Vậy Ta tha tội cho người và chồng người. Nhưng mà hai người không được về chỗ cực lạc mà Ta đã tạo lập ra để hai người hưởng hạnh phúc nữa. Bởi hai người cãi mạng lệnh của Ta, cho nên hung thần đã gieo tai nạn cả mặt đất. Con cái hai người phải chịu đau khổ, chúng nó phải cày cấy ruộng nương, vì lỗi của hai người. Chúng nó sẽ trở nên xấu xa và sẽ quên Ta. Nhưng Ta sẽ sai Quích-nu (Vishnou) đậu thai vào lòng một người đàn bà và đem tất cả hy vọng được ban thưởng một kiếp sau và phương pháp cầu khẩn Ta, để giảm bớt những tai họa của chúng nó. Hai vợ chồng người ngoại bèn đứng dậy; từ đó hai người phải chịu khổ cực mới có đồ ăn.”

Những cục đá nổi lên ở Ấn Độ dương, chính giữa phía đông Ấn Độ và cù lao Tích Lan ngày nay người bốn xứ cũng còn gọi là Palam Adima, nghĩa là “cái cầu” của Adam (pont d’Adam).

Khi những thương thuyền sang Tàu hay là Ấn Độ qua khỏi Maldives rồi thì thấy trước hết trên bờ biển Ấn Độ một cái núi xanh um, trên chót thường bị mây bao phủ. Tục truyền rằng, từ dưới chân núi đó người đầu tiên đi qua đất liền. Từ xưa núi đó gọi là Pic d’Adam, mà hiện giờ trong địa dư cũng gọi như thế.

Đọc bài này rồi các bạn thấy nó khác với chuyện của Mô-i-sơ thuật trong Sáng Thế Ký. Theo Mô-i-sơ thì bà Eva bị quỷ cám dỗ ăn trái cấm. Còn trong chuyện trên đây trái lại A-đi-ma bị ảo thuật của ma vương nên cãi lời đấng Thượng Đế Brahma. Vậy các bạn muốn bình luận cách nào cũng được. Người học đạo thì biết đó là những lời nói bóng dáng, song không phải dễ mà giải nghĩa cho thiên hạ đều hiểu như mình vậy.

H ẾT

HỘI THÔNG THIÊN HỌC CÓ BA MỤC ĐÍCH

1. Tạo một tình huynh đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học.
3. Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Muốn gia nhập hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và xin liên lạc với hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.